



LG

Life's Good

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG LCD TV / LED LCD TV

Xin Quý khách vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
và giữ lại phòng khi cần dùng đến.

P/N: MFL62864910_REV00

www.lge.com

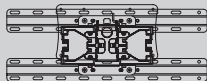


HDMI, lô gô HDMI và giao diện đa phương tiện có độ phân giải cao là nhãn hiệu hay nhãn hiệu đã được đăng ký thương hiệu của tổ chức Licensing LLC.

Các thiết bị mua riêng

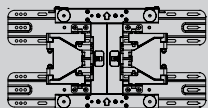
Giá treo tường

LSW100B hoặc
LSW100BG



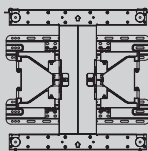
(22/26/32LD3**,
32LD4**, 32LD5**,
32LD6**,
22/26/32LE5***,
32LE5***, 32LE7***)

LSW200B hoặc
LSW200BG



(37/42/47LD4**,
42/46LD5**, 37/42/47LD6**,
37/42/47LE5***,
37/42/47LE7***,
42/47LE8***)

LSW400B hoặc
LSW400BG



(52/60LD5**, 55LD6**,
55/60LE5***, 55LE7***,
55LE8***)

Chức năng tùy chọn mở rộng có thể thay đổi hoặc điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng không được thông báo trước. Xin Quý khách hãy liên hệ với các đại lý để mua những thiết bị này. Những thiết bị này chỉ tương thích với Tivi LG LED LCD hay Tivi LCD.

Wireless Media Box



(Chỉ L' i v' i c\$ model 32/42/46/52/60LD5**,
32/37/42/47/55LD6**,
32/42/47/55LE53**,
32/37/42/47/55/60LE55**,
32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Wireless LAN L' i v' i

Dải sóng rộng/
Bộ tương thích DLNA



(Chỉ L' i v' i c\$ model 32/42/52LD56*,
32/37/42/47/55LD6**,
32/37/42/47/55/60LE55**,
32/37/42/47/55LE7***,
42/47/55LE8***)

NỘI DUNG

CHUẨN BỊ

Phụ kiện	A-1
Bảng điều khiển mặt trước	A-4
Thông tin mặt sau Tivi	A-10
Lắp chân đế Tivi	A-18
Sắp xếp dây phía sau Tivi	A-21
Cố định Tivi vào kệ	A-22
Không sử dụng bàn kiểu đứng	A-23
Đế xoay	A-23
Điều chỉnh màn hình Tivi	A-23
Kết nối Tivi	A-24
Hệ thống an toàn Kensington	A-24
Khuyến cáo lắp đặt an toàn	A-25
Lắp đặt Tivi trên bàn	A-25
Lắp đặt Tivi trên tường	A-26
Chức năng các phím điều khiển từ xa	A-27

KẾT NỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ NGOẠI VI

Nối dây anten	1
Kết nối với cáp Component	2
Kết nối với cáp HDMI	3
Kết nối cáp HDMI với cáp DVI	4
Kết nối với cáp RCA	5
Kết nối với cáp RF	6
Kết nối với tai nghe	6
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số	7
Kết nối với cáp D-sub 15 chân	8
Kết nối USB	8
Kết nối không dây với các thiết bị ngoại vi	9
Độ phân giải màn hình phù hợp	10
Cài đặt màn hình cho chế độ PC	12
Cài đặt mạng	16

XEM TV VÀ ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Dò kênh Tivi	26
Cài đặt ban đầu	26
Chọn chương trình	26
Điều chỉnh tiếng	26
Menu nhận	27
Điều chỉnh và chọn Menu trên màn hình	28
Dò kênh tự động	30
Dò kênh bằng tay	31
Sửa chương trình	34
Cập nhật phần mềm	38

Kiểm tra hình ảnh/Âm thanh	42
Chức năng kiểm tra thông tin	43
Thông tin về sản phẩm	44
Kiểm tra hệ thống mạng	45
Chức năng hướng dẫn sử dụng nhanh	46
Lựa chọn danh sách chương trình	47
Danh sách đầu vào	49
Nhãn hiệu đầu vào	50
Dịch vụ dữ liệu	51
Kết nối SIMPLINK	52
Chế độ AV	55
Khởi tạo (Về chế độ mặc định của nhà sản xuất)	56

NETCAST

Lưu ý về bản quyền	57
Netcast Menu	59
Phim trực tuyến	60
Thông tin thời tiết	62
Album Ảnh	63

SỬ DỤNG CHỨC NĂNG TRUYỀN DỮ LIỆU QUA BLUETOOTH

Bluetooth là gì?	64
Cài đặt chức năng Bluetooth	66
Tai nghe Bluetooth	67
Ngắt thiết bị Bluetooth	71
Thông tin thiết bị Bluetooth	72
Nhận ảnh từ thiết bị Bluetooth ngoại vi	73
Nghe nhạc từ thiết bị Bluetooth ngoại vi	74

SỬ DỤNG USB

Kết nối với USB	75
DLNA	78
Danh sách phim	82
Danh sách hình ảnh	93
Danh sách nhạc	100
Mã đăng ký DivX	106
Deactivation	107

TRÒ CHƠI

Game	108
------------	-----

NỘI DUNG

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

Điều chỉnh kích thước hình ảnh	116
Xử lý hình ảnh	118
Tiết kiệm điện năng	119
Điều chỉnh hình ảnh có sẵn	120
Chỉnh ảnh bằng tay	121
Kỹ thuật cải thiện hình ảnh	123
Điều chỉnh hình ảnh Expert	124
Điều chỉnh hình ảnh về chế độ mặc định	127
Hình ảnh sống động	128
Điều chỉnh tối cục bộ LED	129
Đèn báo nguồn	130
Cài đặt chế độ	131
Chế độ Demo	132

ĐIỀU CHỈNH TIẾNG VÀ NGÔN NGỮ

Cân bằng âm lượng tự động	133
Lọc tiếng II	134
Thiết lập chế độ âm thanh cài đặt sẵn	135
Điều chỉnh thiết lập âm thanh - người dùng	136
Infinite Sound	136
Cân bằng âm lượng	137
Cài đặt loa TV bật / tắt	138
Thiết lập chế độ âm thanh DTV (Chỉ trong chế độ KTS)	139
Lựa chọn đầu ra Digital Audio	140
Khởi tạo lại thiết lập ban đầu	141
I/II	
- Stereo/Dual Reception (Chỉ trong Analogue)	142
- Thu âm NICAM (chỉ chế độ Analogue)	143
- Lựa chọn đầu ra tiếng của loa	143
Lựa chọn ngôn ngữ/quốc gia hiển thị trên màn hình	144
Lựa chọn ngôn ngữ (Chỉ ở chế độ KTS)	145

CÀI ĐẶT THỜI GIAN

Cài đặt giờ	147
Cài đặt thời gian tự động Bật/Tắt	148
Đặt thời gian ngủ	149

Phụ lục

Phụ lục 1: Hướng dẫn sử dụng & Kh. a h' th' ng	150
Ngân sách chi trả	151
Phụ lục 2: Hướng dẫn (Chỉ trong chế độ L' s')	152
Ngân sách chi trả về thi/ít b' ngo' vi	153
Kh. a ph' m	154

PHỤ LỤC

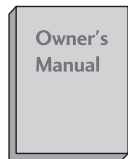
Sự cố thường gặp	158
Bảo dưỡng	160
Thông số kỹ thuật của sản phẩm	161

CHUẨN BỊ

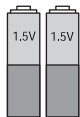
PHỤ KIỆN

Đảm bảo các phụ kiện sau đây đi kèm với Tivi nhà bạn. Nếu thiếu phụ kiện nào bạn hãy gọi ngay cho đại lý nơi bạn mua Tivi.

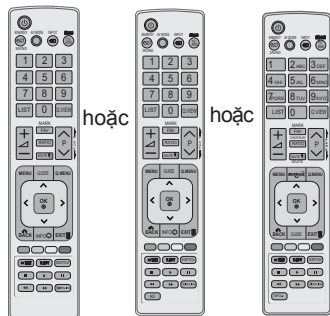
- Hình ảnh minh họa dưới đây có thể khác so với Tivi nhà bạn.



Sách hướng dẫn sử dụng

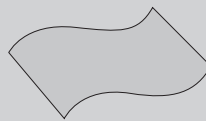


Pin loại (AAA)



Điều khiển từ xa

Phụ kiện này chỉ kèm theo ở một số model.



Vải làm bóng
Vải làm bóng sử dụng để lau màn hình.

* Vải bóng để lau sáng tất cả các vết bẩn, dầu vân tay trên bề mặt Tivi.

Không dùng lực quá mạnh, điều này có thể làm xước hoặc làm mất màu bề mặt Tivi.



Dây nguồn
(Trừ các model 32/37/42/47/55/60LE5***, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)



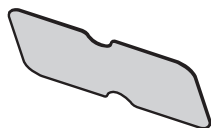
1-Ốc vít cố định chân đế
(Tham khảo trang A-22)

(Chỉ có ở model 26/32LD3**, 32/37/42LD4**, 32/42LD5**, 32/37/42LD6**, 32/37/42LD8**, 32/42LE4***, 32LE5***)

Chỉ có ở model 22LD3**



Đai kẹp
(Tham khảo trang A-21)



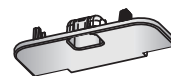
Vỏ bảo vệ
(Tham khảo trang. A-23)

Chỉ có ở model 26/32LD3**



x 8
(M4 X 20)

Ốc lắp chân đế
(Tham khảo trang p. A-18)



Vỏ bảo vệ (Tham khảo trang. A-23)

CHUẨN BỊ

CHUẨN BỊ

Chỉ có ở model 32/37/42/47LD4**

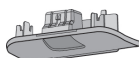


x 8

(M4 X 20)

Ốc lắp chân đế

(Tham khảo trang A-18)



Vỏ bảo vệ

(Tham khảo tr. A-23)

Chỉ có ở model 32/42/46/52/60LD5**

(Trừ model 52/60LD5**)



x 8

(M4 X 20)

Ốc lắp chân đế

(Tham khảo tr. A-18)



Vỏ bảo vệ

(Tham khảo tr. A-23)

Chỉ có ở model 22/26LE53**,



x 4

(M4x14)



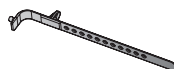
x 4

(M4x20)

(Chỉ có ở 26LE53**)

Ốc vít chân đế

(Tham khảo tr. A-19)



Đai kẹp

(Tham khảo tr. A-22)



Bộ nắn dòng AC/DC

(Tham khảo tr. A-24)



4-Đệm cao su (Chỉ có

ở model 26LE53**)

(Tham khảo tr. A-24)

Chỉ có ở model 32/42/47/55LE53**



x 4

(M4x22)

(Only 32LE53**)



x 4

(M4x24)

(Only 42/
55LE53**)



x 4

(M4x26)

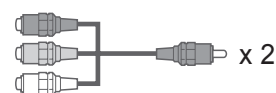
(Only 47LE53**)



x 4

(M4x16)

Ốc lắp chân đế (Tham khảo trang A-19)



x 2

**Dây nối Component,
Dây nối AV**



Đai kẹp

(Tham khảo tr. A-22)

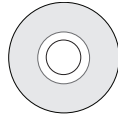
Chỉ có ở model 32/37/42/47/55LD6**



Ốc lắp chân đế
(Tham khảo tr. A-18)



Vỏ bảo vệ
(Tham khảo tr. A-23)



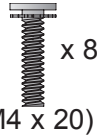
Đĩa CD phần mềm
Nero MediaHome
4 Essentials

(Chỉ có ở model 32/37/42/47LE55*,
32/37/42/47LE7**)



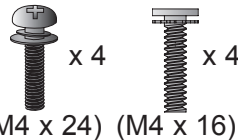
(M4 x 16)

(Chỉ có ở model
42/47/55LE8**)



(M4 x 20)

(Chỉ có ở model
55LE55*, 55LE7**)



(M4 x 24) (M4 x 16)



Dây kẹp
(Tham khảo tr. A-22)

Ốc lắp chân đế (Tham khảo tr. A-20)



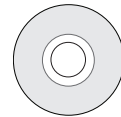
Miếng lau màn hình

(Chỉ có ở model 32/37/42/47/55LE7***)

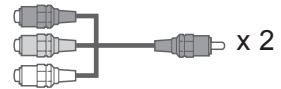


Nếu trên màn hình Tivi nhà bạn có những vết bẩn hay dầu vân tay, hãy dùng miếng lau màn hình làm sạch chúng.

Để làm sạch khung mặt trước Tivi, bạn hãy lau nhẹ theo một chiều sau khi thấm bằng nước sạch 1 đến 2 lần. Hãy lau khô sau khi làm sạch bằng miếng lau màn hình. Hơi ẩm có thể làm mất màu bề mặt Tivi nhà bạn.



Đĩa CD phần mềm
Nero MediaHome
4 Essentials



Dây nối Component,
Dây nối AV

CHUẨN BỊ

ĐIỀU KHIỂN MẶT TRƯỚC CỦA TIVI

! Lưu ý

- ▶ Để tiết kiệm điện năng tiêu thụ bạn có thể đặt TV ở chế độ standby (dự phòng). Nếu TV nhà bạn không sử dụng trong một thời gian, bạn hãy tắt nguồn TV bằng cách nhấn vào nút nguồn trên TV để tiết kiệm điện.
- ▶ Nếu giảm độ sáng của hình ảnh, điện năng tiêu thụ sẽ giảm đáng kể và sẽ giảm chi phí vận hành.

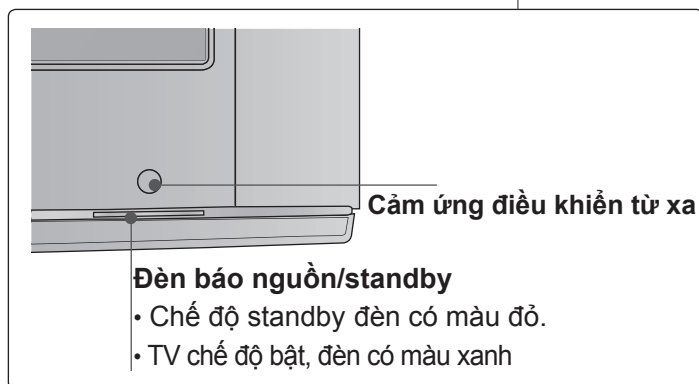
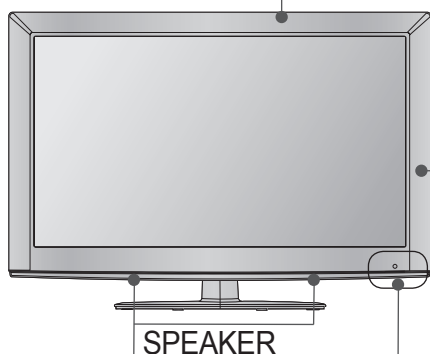
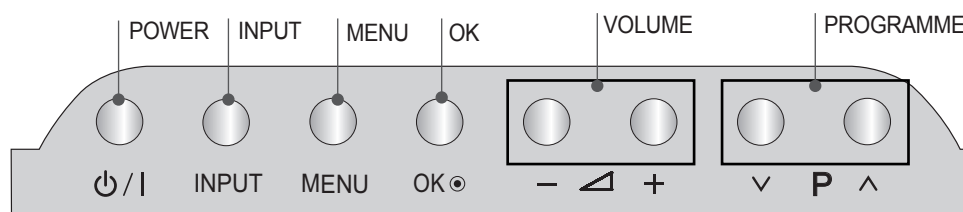
⚠ CẢNH BÁO

- ▶ Không được đứng lên mặt kính của sản phẩm, nó sẽ bị hỏng hoặc bị vỡ.
- ▶ Không được kéo TV, nó sẽ làm hỏng sàn và TV nhà bạn.

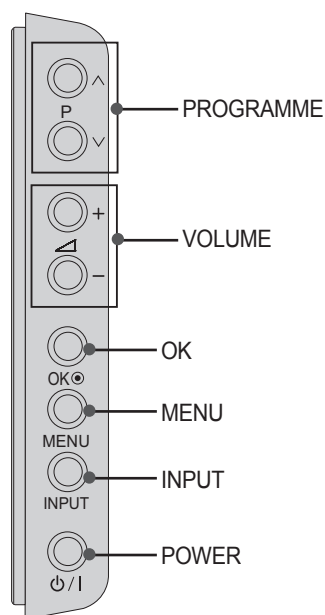
■ Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 22/26/32LD3**

Dùng cho model 22LD3**

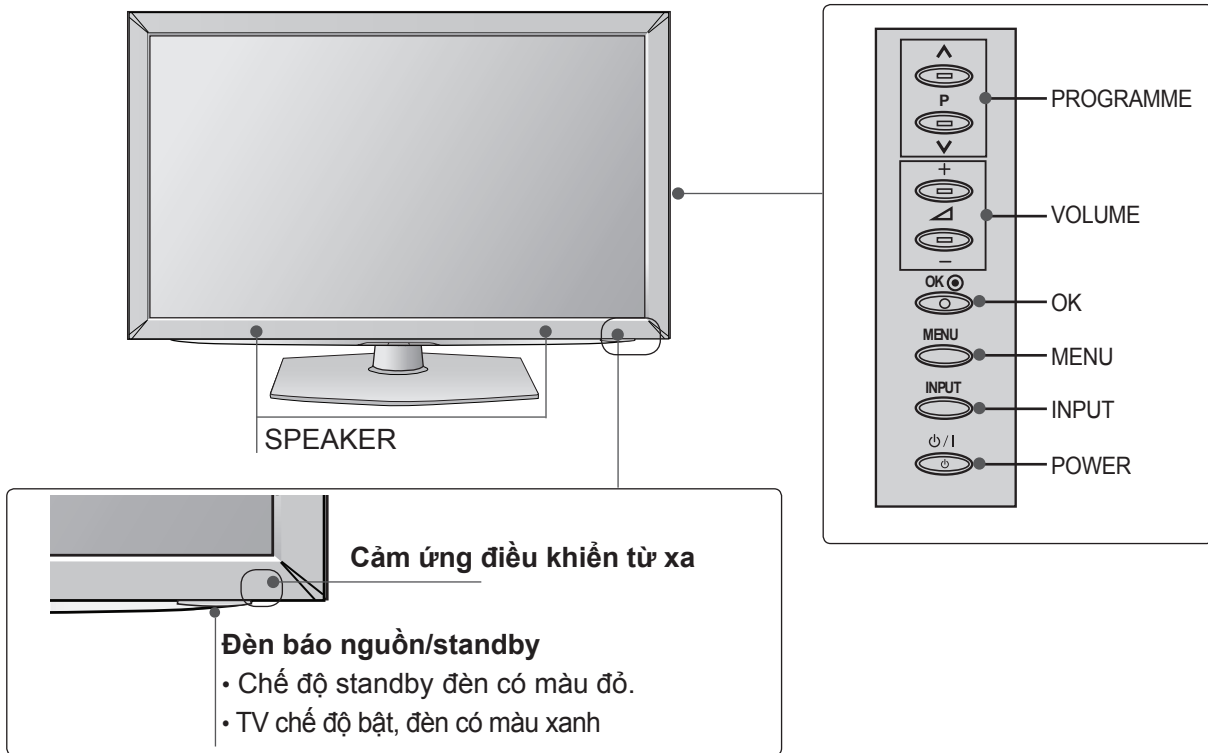


Dùng cho model 26/32LD3**

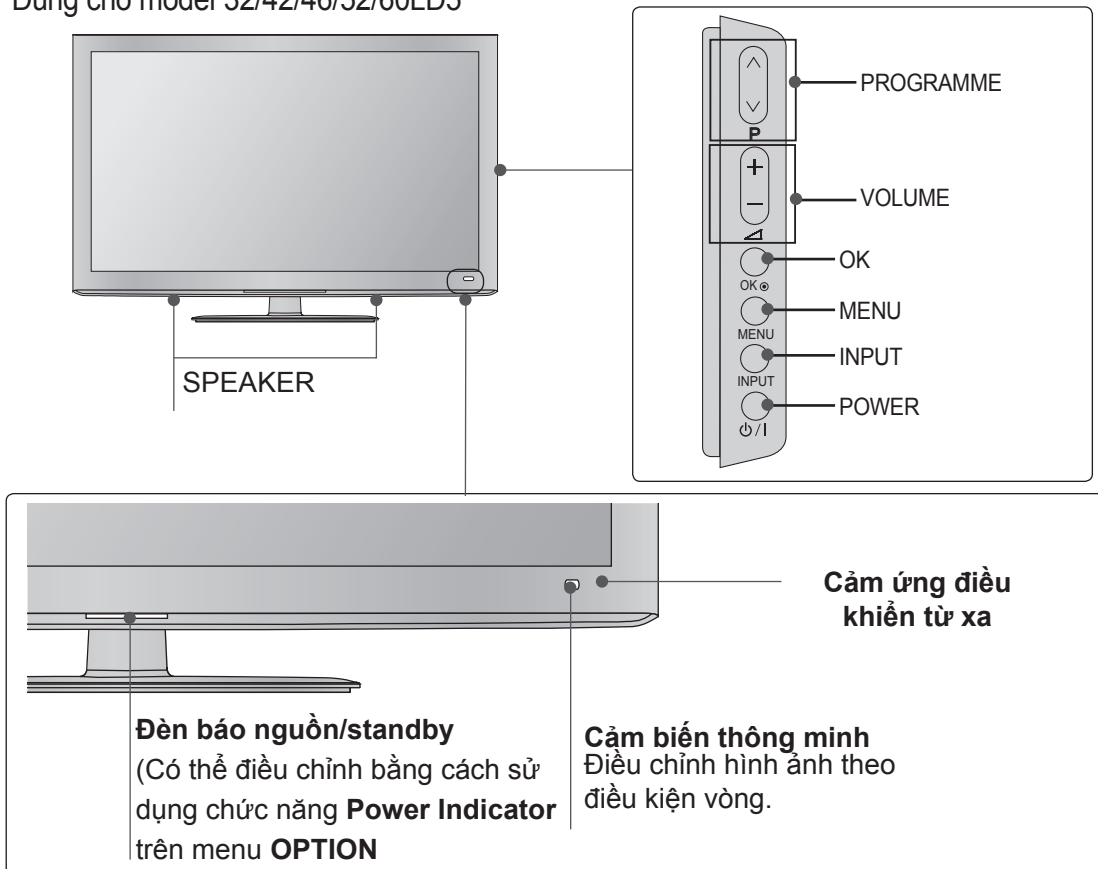


■ Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 32/37/42/47LD4**



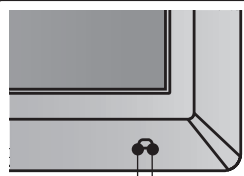
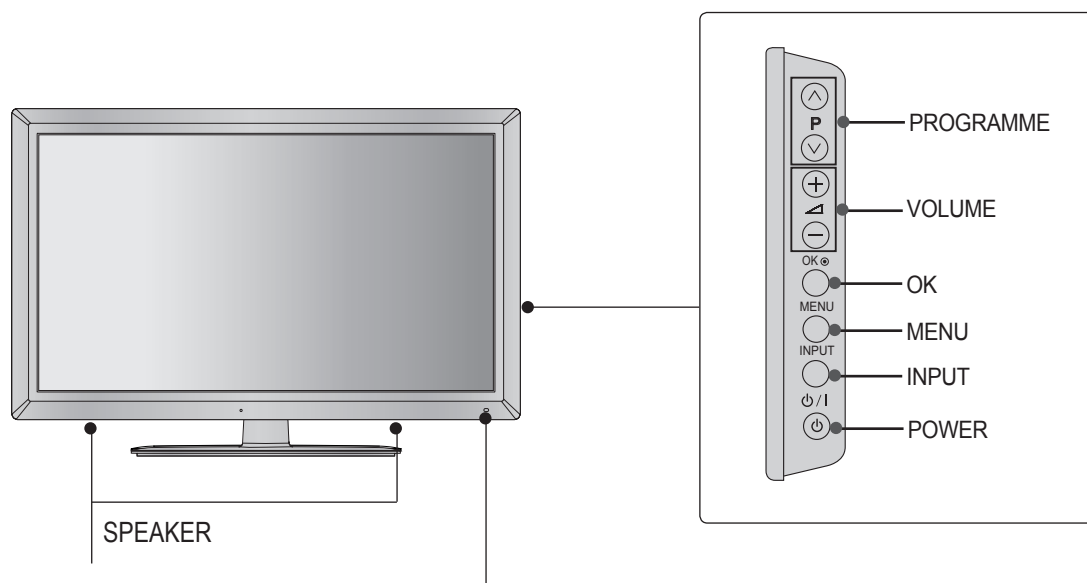
Dùng cho model 32/42/46/52/60LD5**



CHUẨN BỊ

- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 32/37/42/47/55LD6**



Cảm ứng điều khiển từ xa

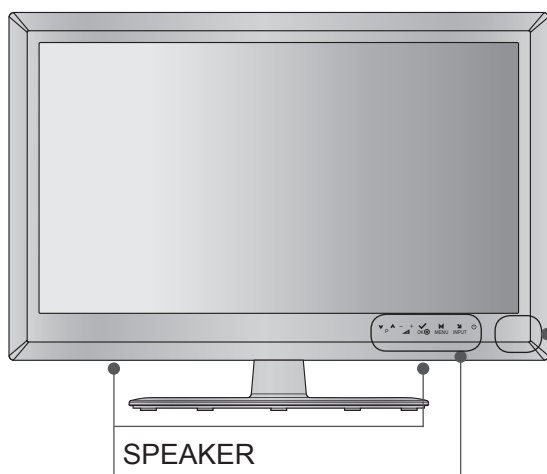
Cảm biến thông minh

Điều chỉnh hình ảnh theo điều kiện vòng.

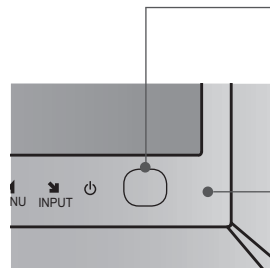
Đèn báo nguồn/standby

(Có thể điều chỉnh bằng cách sử dụng chức năng **Power Indicator** trên menu **OPTION**)

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa..
Dùng cho model 22/26/32/42/47/55LE53**



Dùng cho model 22/26LE53**

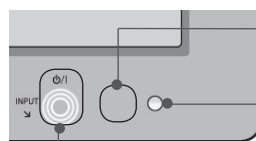


Đèn báo nguồn/standby

- Chế độ Standby hiển thị đèn màu đỏ
- Đèn LED tắt khi TV bật.

Cảm ứng điều khiển từ xa

Dùng cho model 32/42/47/55LE53**

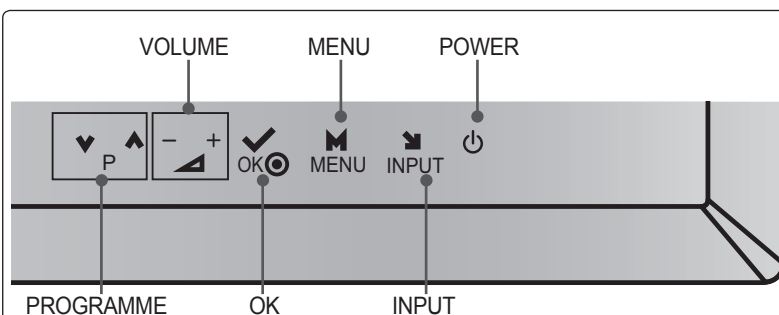


Cảm ứng điều khiển từ xa

Cảm biến thông minh
Điều chỉnh hình ảnh theo điều kiện vòng.

Đèn báo nguồn/standby

(Có thể điều chỉnh bằng cách sử dụng chức năng **Power Indicator** trên menu **OPTION**)



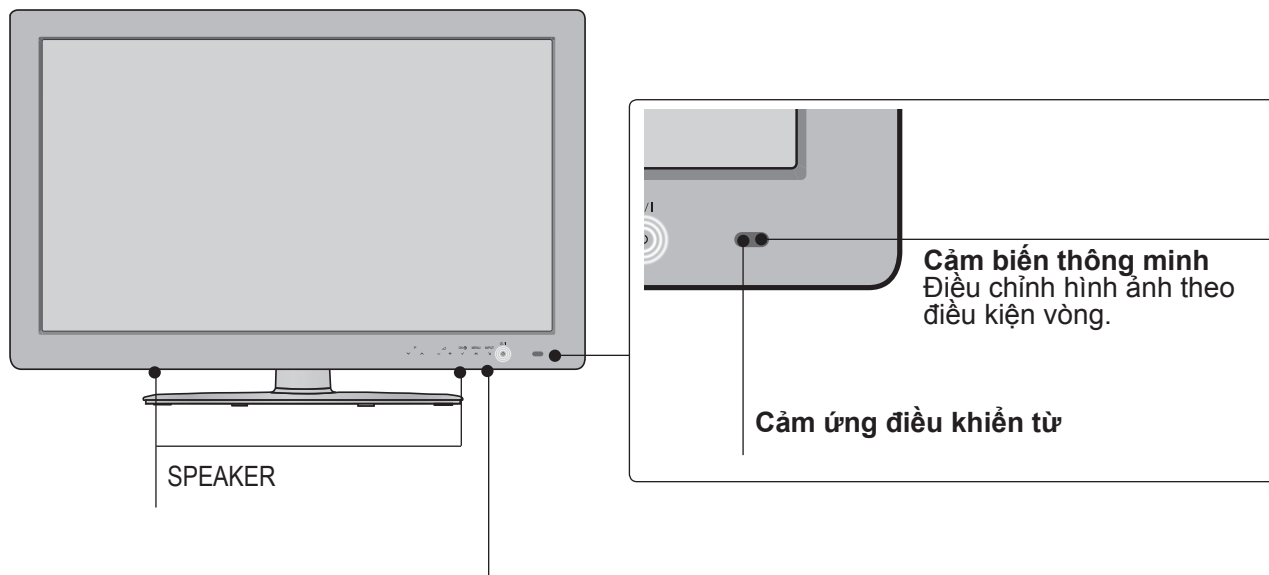
Nút cảm ứng

- Bạn sử dụng chức năng này bằng cách chạm nhẹ vào.

CHUẨN BỊ

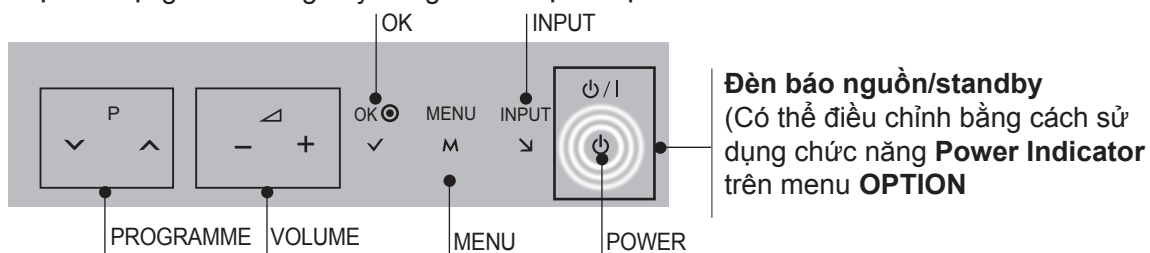
- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***



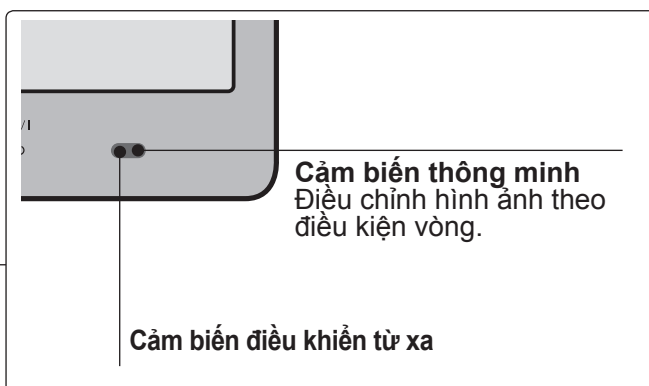
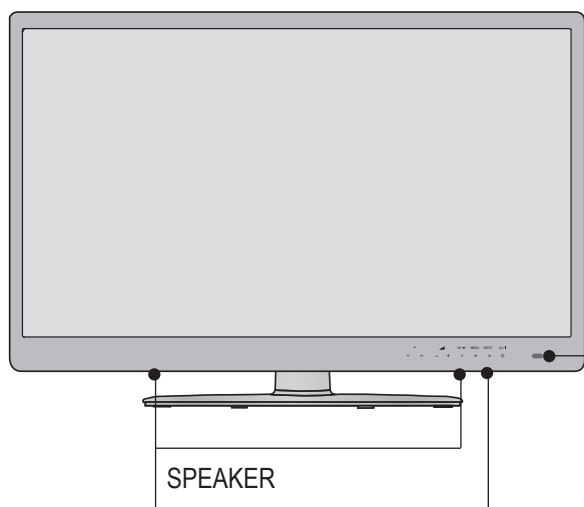
Nút cảm ứng

- Bạn sử dụng chức năng này bằng cách chạm nhẹ vào.



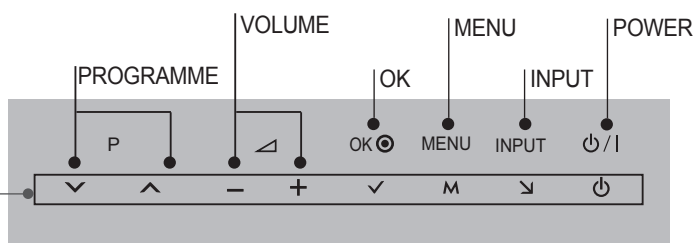
■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 42/47/55LE8***



Nút cảm ứng

• Bạn sử dụng chức năng này bằng cách chạm nhẹ vào.



Đèn báo nguồn/standby

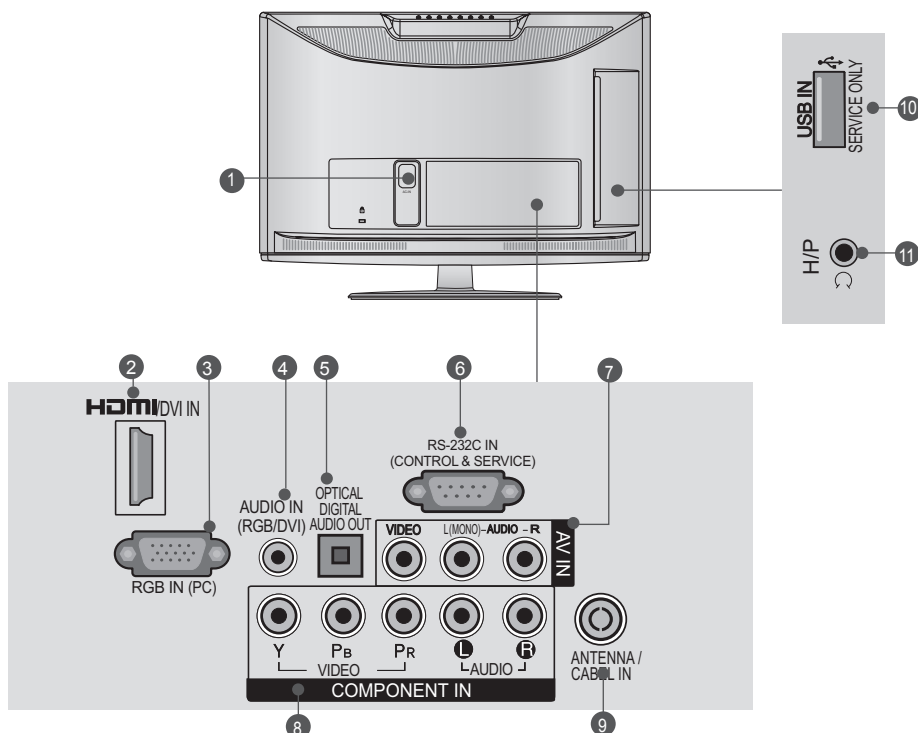
(Có thể điều chỉnh bằng cách sử dụng chức năng **Power Indicator** trên menu **OPTION**)

CHUẨN BỊ

THÔNG TIN MẶT SAU TV

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 22LD3**



1 Khe cắm nguồn

TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (► từ tr. 161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).

2 Khe cắm HDMI/DVI IN

Nối tín hiệu HDMI với đường vào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.

3 Khe cắm RGB

Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.

4 Đường tiếng RGB/DVI Audio

Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.

5 Đường ra âm thanh số quang học

Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.

6 Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)

Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.

7 Khe cắm Audio/Video

Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.

8 Khe cắm Component

Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.

9 Đường Ăngten / Cáp vào

Nối Ăngten

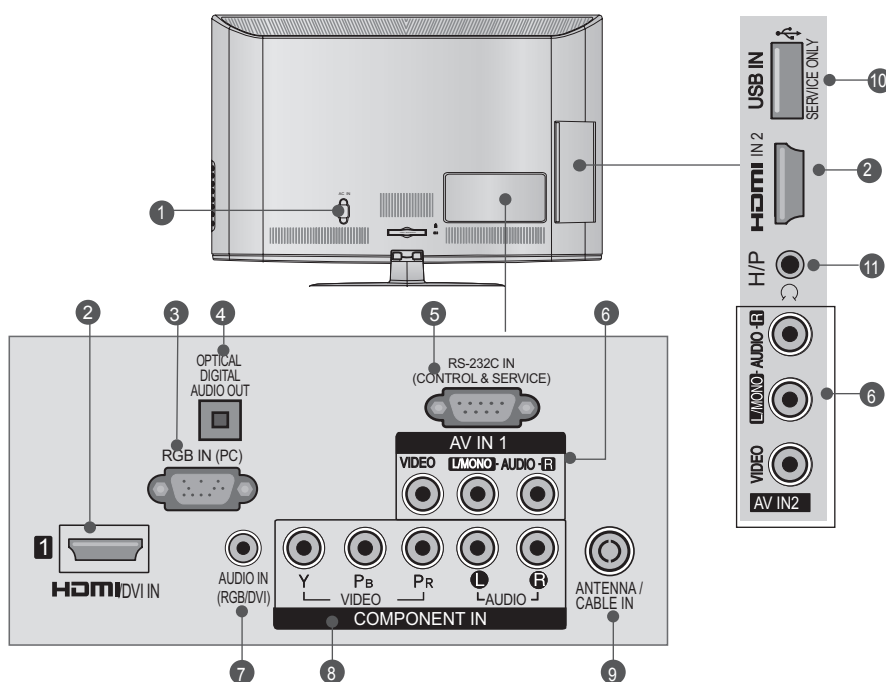
10 Cổng dành cho dịch vụ

11 Khe cắm tai nghe

Cắm tai nghe vào cổng này.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 26/32LD3**

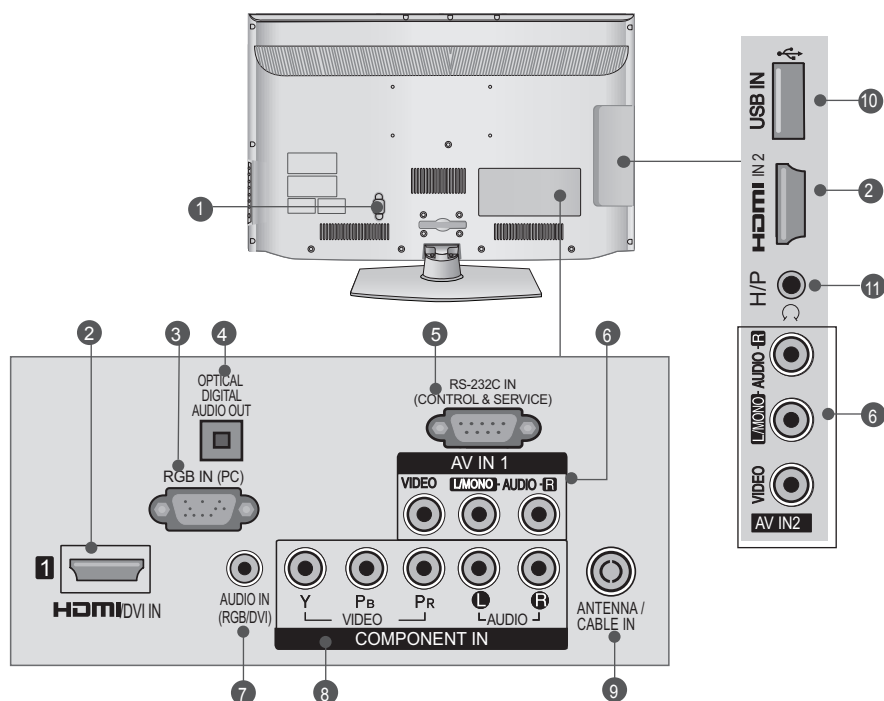


- ❶ **Khe cắm nguồn**
TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (▶ từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).
- ❷ **Khe cắm HDMI/DVI IN**
Nối tín hiệu HDMI với đường yào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.
- ❸ **Khe cắm RGB**
Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.
- ❹ **Đường ra âm thanh số quang học**
Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.
- ❺ **Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)**
Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.
- ❻ **Khe cắm Audio/Video**
Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.
- ❼ **Đường tiếng RGB/DVI Audio**
Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.
- ❽ **Khe cắm Component**
Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.
- ❾ **Đường Ăngten / Cáp vào**
Nối Ăngten
- ❿ **Cổng dành cho dịch vụ**
- ⓫ **Khe cắm tai nghe**
Cắm tai nghe vào cổng này.

CHUẨN BỊ

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 32/37/42/47LD4**



1 Khe cắm nguồn

TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (► từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).

2 Khe cắm HDMI/DVI IN

Nối tín hiệu HDMI với đường vào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.

3 Khe cắm RGB

Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.

4 Đường ra âm thanh số quang học

Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.

5 Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)

Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.

6 Khe cắm Audio/Video

Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.

7 Đường tiếng RGB/DVI Audio

Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.

8 Khe cắm Component

Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.

9 Đường Ăngten / Cáp vào

Nối Ăngten

10 Cổng USB

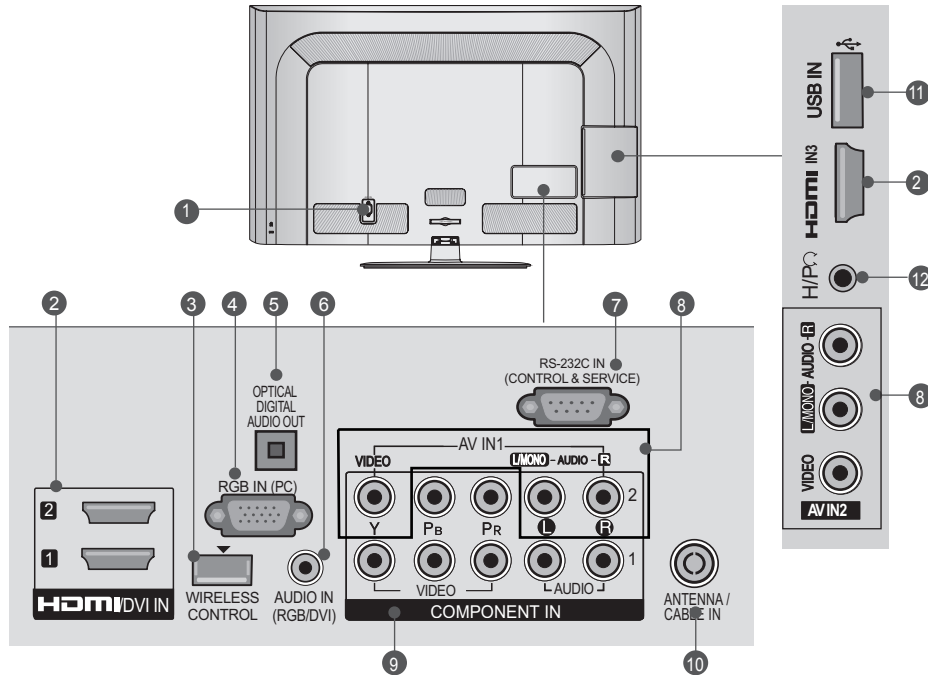
Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.

11 Khe cắm tai nghe

Cắm tai nghe vào cổng này.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

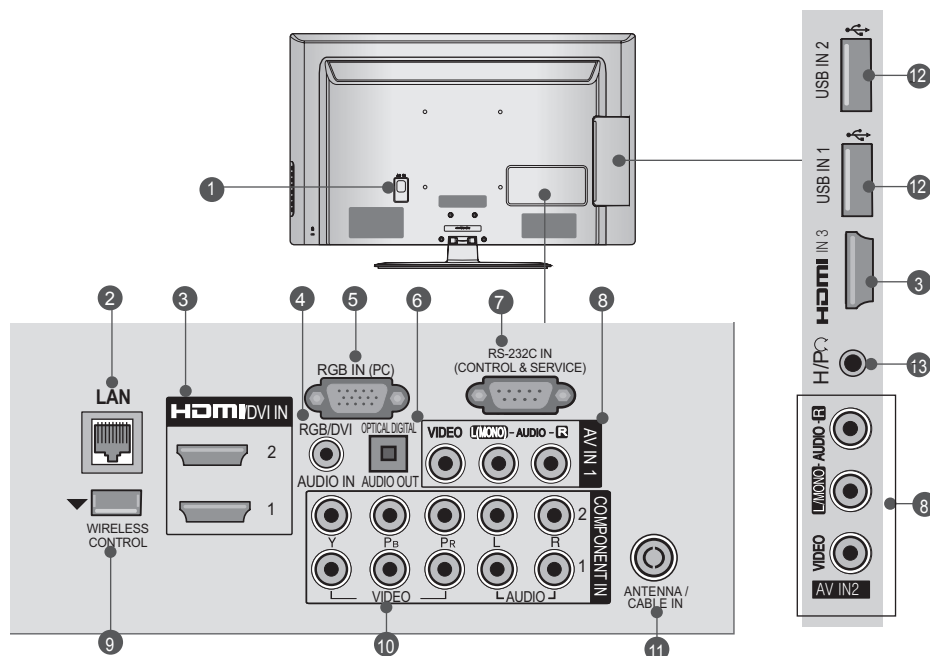
Dùng cho model 32/42/46/52/60LD55*



- 1 **Khe cắm nguồn**
TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (► từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).
- 2 **Khe cắm HDMI/DVI IN**
Nối tín hiệu HDMI với đường yào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.
- 3 **Kết nối không dây**
Kết nối chức năng không dây (Wireless Dongle) với TV để điều khiển các thiết bị ngoại vi đã được nối qua hộp đa phương tiện không dây.
- 4 **Khe cắm RGB**
Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.
- 5 **Đường ra âm thanh số quang học**
Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.
- 6 **Đường tiếng RGB/DVI Audio**
Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.
- 7 **Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)**
Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.
- 8 **Khe cắm Audio/Video**
Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.
- 9 **Khe cắm Component**
Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.
- 10 **Đường Ăngten / Cáp vào**
Nối Ăngten
- 11 **Cổng USB**
Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.
- 12 **Khe cắm tai nghe**
Cắm tai nghe vào cổng này.

CHUẨN BỊ

Dùng cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**



1 Khe cắm nguồn

TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (► từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).

2 Cổng kết nối mạng (LAN) (Mạng cục bộ)

Nối mạng để cập nhật thông tin thời tiết, album ảnh, xem phim online...
Sử dụng các file video, file ảnh, file nhạc thông qua mạng nội bộ.

3 Khe cắm HDMI/DVI IN

Nối tín hiệu HDMI với đường yào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.

4 Đường tiếng RGB/DVI Audio

Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.

5 Khe cắm RGB

Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.

6 Đường ra âm thanh số quang học

Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.

7 Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)
Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.

8 Khe cắm Audio/Video

Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.

9 Kết nối không dây

Kết nối chức năng không dây (Wireless Dongle) với TV để điều khiển các thiết bị ngoại vi đã được nối qua hộp đa phương tiện không dây.

10 Khe cắm Component

Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.

11 Đường Ăngten / Cáp vào Nối Ăngten

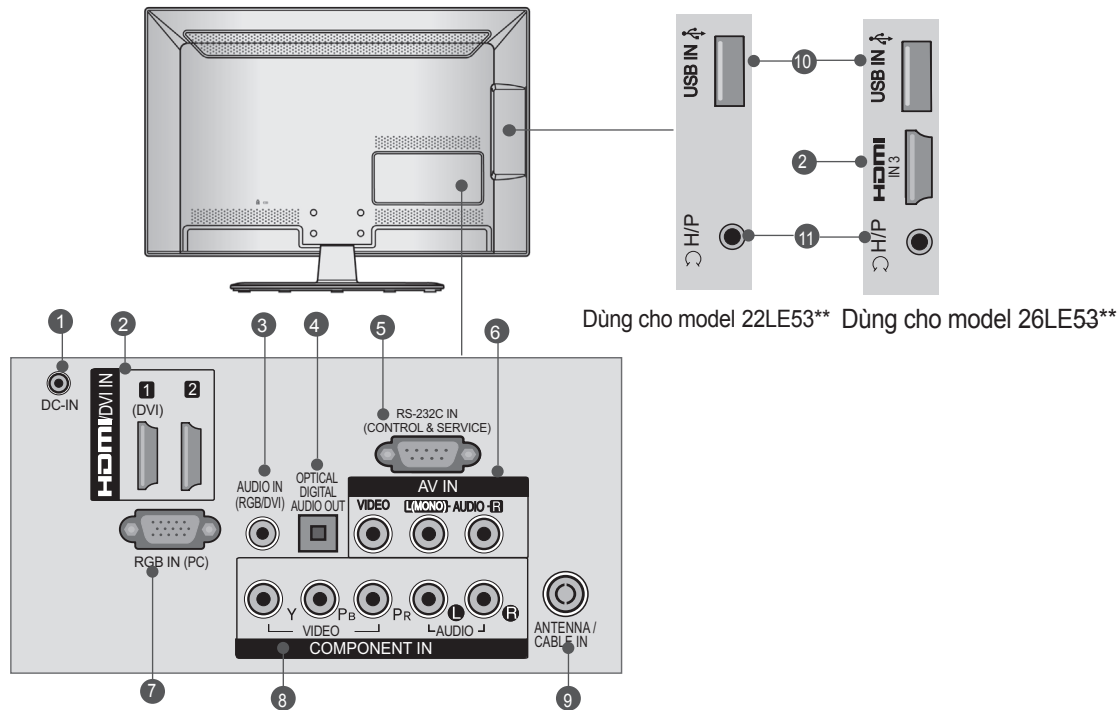
12 Cổng USB

Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.

13 Khe cắm tai nghe

Cắm tai nghe vào cổng này.

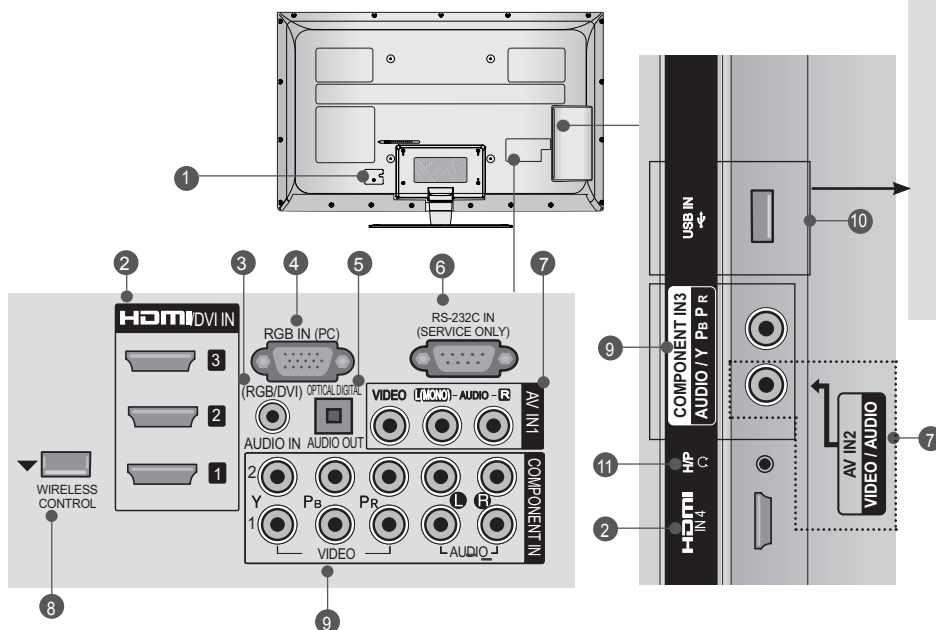
Dùng cho model 22/26LE53**



- ① **Cổng tích hợp DC**
Nối với ổ cắm dây nguồn.
- ② **Khe cắm HDMI/DVI IN**
Nối tín hiệu HDMI với đường vào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/ DVI bằng cáp DVI đến HDMI.
- ③ **Đường tiếng RGB/DVI Audio**
Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.
- ④ **Đường ra âm thanh số quang học**
Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.
- ⑤ **Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)**
Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.
- ⑥ **Khe cắm Audio/Video**
Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.
- ⑦ **Khe cắm RGB**
Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.
- ⑧ **Khe cắm Component**
Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.
- ⑨ **Đường Ăngten / Cáp vào**
Nối Ăngten
- ⑩ **Cổng USB**
Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.
- ⑪ **Khe cắm tai nghe**
Cắm tai nghe vào cổng này.

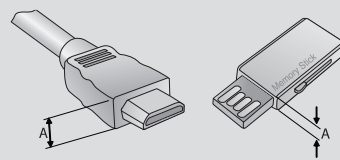
CHUẨN BỊ

Dùng cho model 32/42/47/55LE53**



⚠ CHÚ Ý

- ▶ Để kết nối với các thiết bị được tối ưu, bạn nên dùng cáp HDMI (loại HDMI IN 4), ổ USB có độ dày như sau: $A \leq 10\text{mm}$.



1 Khe cắm nguồn

TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (▶ từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).

2 Khe cắm HDMI/DVI IN

Nối tín hiệu HDMI với đường vào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/DVI bằng cáp DVI đến HDMI.

3 Đường tiếng RGB/DVI Audio

Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.

4 Khe cắm RGB

Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.

5 Đường ra âm thanh số quang học

Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.

6 Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)

Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.

7 Đường ra Audio/Video

Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.

8 Kết nối không dây

Kết nối chức năng không dây (Wireless Dongle) với TV để điều khiển các thiết bị ngoại vi đã được nối qua hộp đa phương tiện không dây.

9 Khe cắm component

Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.

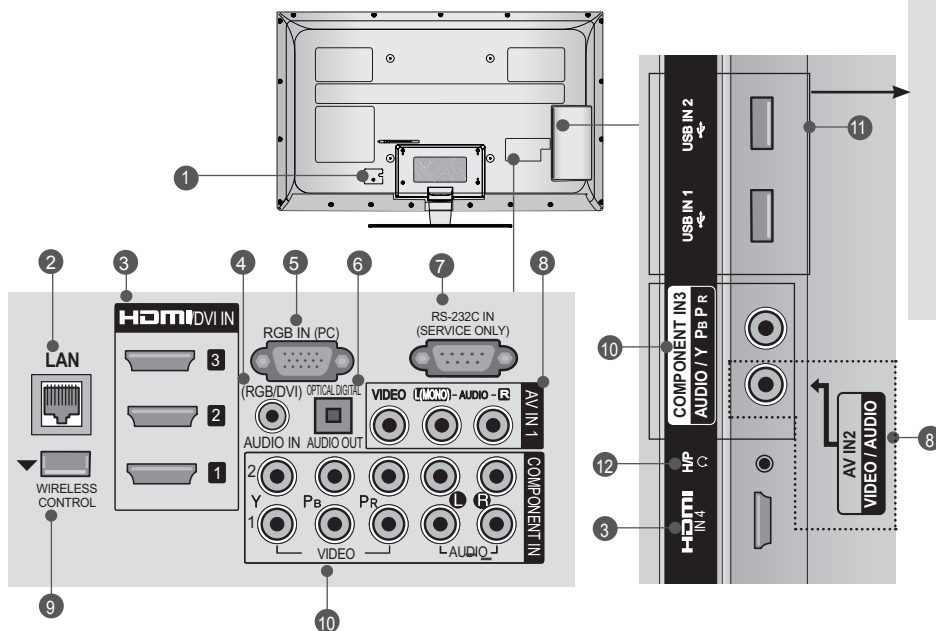
10 Cổng USB

Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.

11 Giắc cắm tai nghe

Cắm tai nghe vào cổng này.

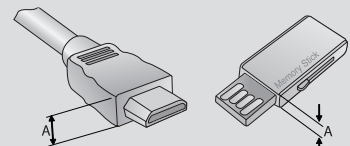
Dùng cho model 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***,



! CHÚ Ý

- Để kết nối với các thiết bị được tối ưu, bạn nên dùng cáp HDMI (loại HDMI IN 4) hoặc ổ USB có độ dày như sau:

*A ≤ 10 mm



1 Khe cắm nguồn

TV này hoạt động bằng nguồn AC (nguồn điện xoay chiều). Điện áp sử dụng được miêu tả ở trang Thông số kỹ thuật. (► từ tr.161 đến tr.173). Không được thử kết nối TV với nguồn DC (nguồn điện một chiều).

2 Cổng kết nối mạng (LAN) (Mạng cục bộ)

Nối mạng để cập nhật thông tin thời tiết, album ảnh, xem phim online...
Sử dụng các file video, file ảnh, file nhạc thông qua mạng nội bộ.

3 Khe cắm HDMI/DVI IN

Nối tín hiệu HDMI với đường vào HDMI hoặc tín hiệu DVI (VIDEO) với cổng HDMI/ DVI bằng cáp DVI đến HDMI.

4 Đường tiếng RGB/DVI Audio

Kết nối đường tiếng từ máy tính PC hoặc từ các thiết bị khác DTV.

5 Khe cắm RGB

Kết nối với đầu ra PC qua cổng RGB.

6 Đường ra âm thanh số quang học

Kết nối âm thanh kỹ thuật số với các thiết bị khác.
Kết nối với thiết bị âm thanh kỹ thuật số qua cáp quang học.

- 7 Khe cắm RS-232C (Điều chỉnh và sửa chữa)
Kết nối RS-232C với PC. Kết nối này dùng cho chế độ Service hoặc Hotel.

8 Đường ra Audio/ Video

Kết nối đường ra audio/video từ thiết bị ngoại vi vào TV.

9 Kết nối không dây

Kết nối chức năng không dây (Wireless Dongle) với TV để điều khiển các thiết bị ngoại vi đã được nối qua hộp đa phương tiện không dây.

10 Khe cắm component

Kết nối với đầu ra hình ảnh và âm thanh.

11 Cổng USB

Kết nối với thiết bị lưu trữ USB.

12 Giắc cắm tai nghe

Cắm tai nghe vào cổng này. socket.

CHUẨN BỊ

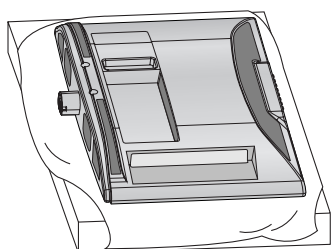
LẮP ĐẶT CHÂN ĐẾ CỦA TV

- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

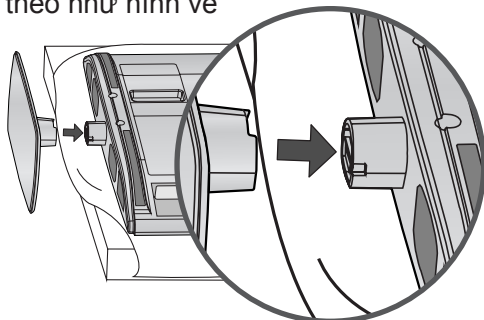
Khi lắp chân đế, kiểm tra các ốc vít đã vặn chặt chưa (Nếu không TV có thể bị nghiêng sau khi lắp đặt. Nếu bạn xiết ốc quá mạnh, ốc vít có thể bị trơn ren).

Dùng cho model 22LD3**

- 1 Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.

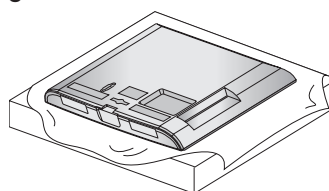


- 2 Lắp phần màn hình TV với chân đế theo như hình vẽ

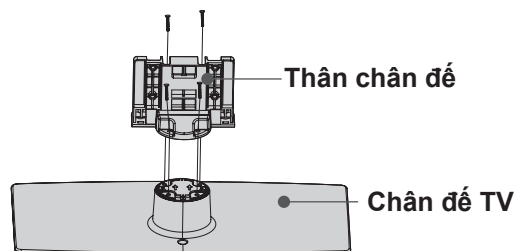


Cho model 26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 32/42/46/52/60LD5**, 32/37/42/47/55LD6**

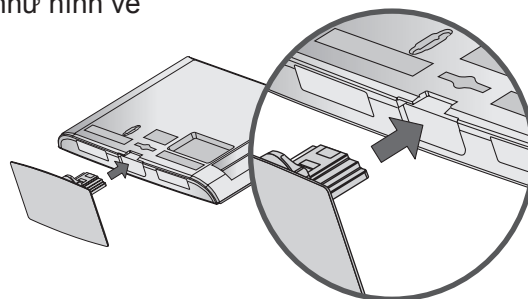
- 1 Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.



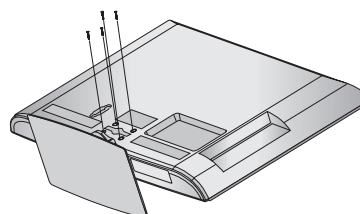
- 2 Lắp các phần của thân chân đế với chân đế của TV theo như hình vẽ.



- 3 Lắp phần màn hình TV với chân đế theo như hình vẽ



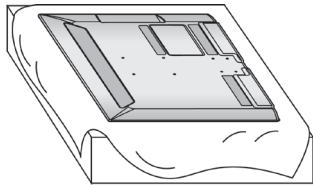
- 4 Vít 4 ốc vào để cố định màn hình TV và chân đế.



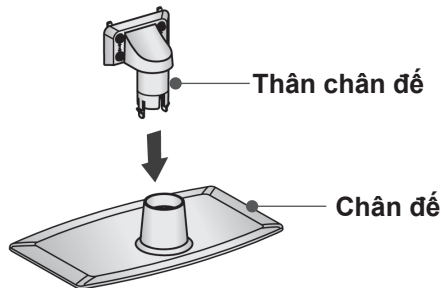
■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 22LE53**

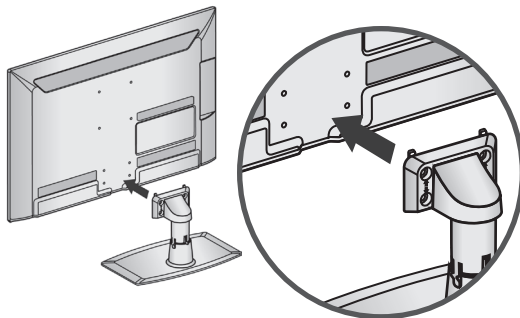
- 1 Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.



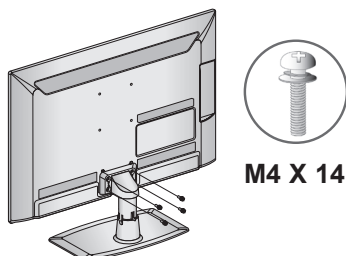
- 2 Lắp các phần của thân chân đế với chân đế của TV theo như hình vẽ.



- 3 Lắp phần màn hình TV với chân đế theo như hình vẽ.

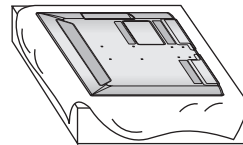


- 4 Vít 4 ốc vào để cố định màn hình TV và chân đế.

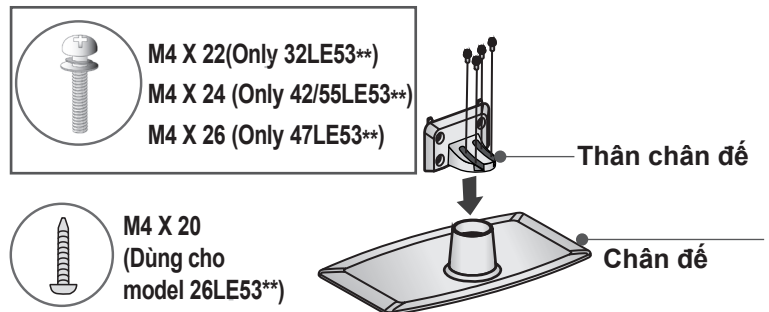


Dùng cho model 26/32/42/47/55LE53**

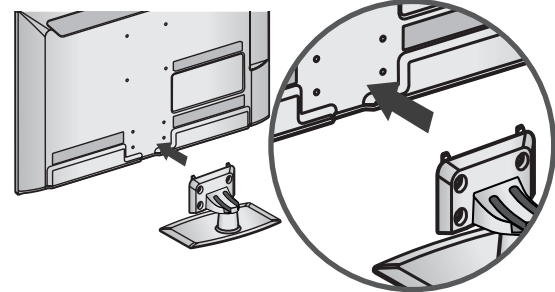
- 1 Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.



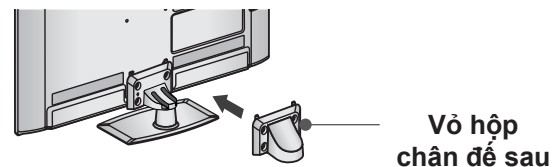
- 2 Lắp các phần của thân chân đế với chân đế của TV theo như hình vẽ.



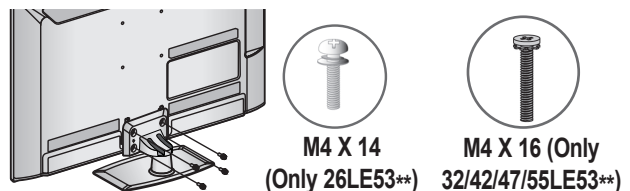
- 3 Lắp phần màn hình TV với chân đế theo như hình vẽ.



- 4 Lắp các phần của chân đế phía sau với TV.



- 5 Vít 4 ốc vào để cố định màn hình TV và chân đế.

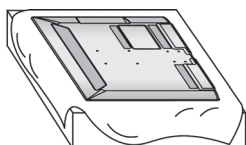


CHUẨN BỊ

- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 32/37/42/47/55LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***

- Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.



- Lắp các phần của thân chân đế với chân đế của TV theo như hình vẽ.
Đồng thời xiết chặt các ốc vít vào chân đế.



M4 X 16



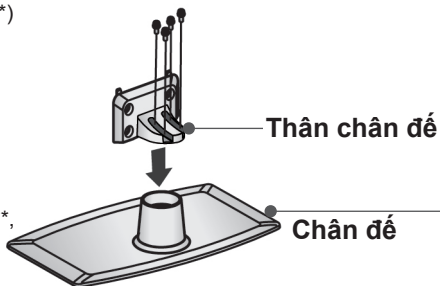
M4 X 20

(Chỉ model 32/37/42/47LE55**)(Chỉ model 42/47/55LE8***)
32/37/42/47LE7***)



M4 X 24

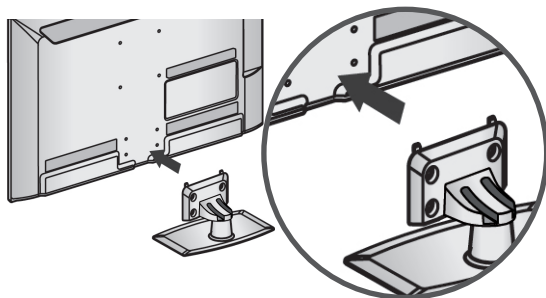
(Chỉ model 55LE55**,
55LE7***)



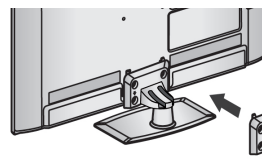
Thân chân đế

Chân đế

- Lắp màn hình TV với chân đế như hình vẽ.

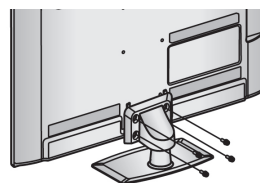


- Lắp các phần của chân đế phía sau với TV.



Vỏ hộp chân
đế sau

- Vít 4 ốc vào để cố định màn hình TV và chân đế.



M4 X 16

(Dùng cho model
32/37/42/47/55LE55**,
32/37/42/47/55LE7***)



M4 X 20

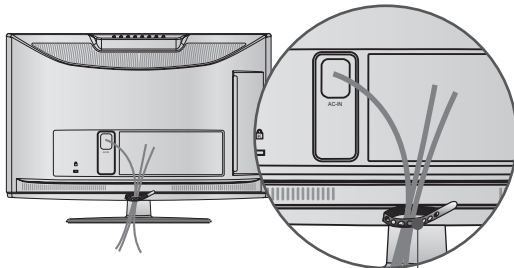
(Dùng cho model
42/47/55LE8***)

SẮP XẾP DÂY PHÍA SAU TV

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.

Dùng cho model 22LD3**

Sau khi nối các dây cáp cần thiết, hãy dùng dây kẹp để cố định theo như hình vẽ.



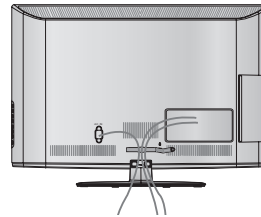
Dây kẹp

Dùng cho model 26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 32/37/42/47/55LD6**, 32/42/46/52/60LD5**

1

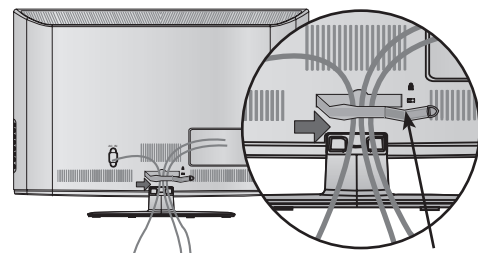
Nối các dây cáp cần thiết.

Để nối các thiết bị ngoại vi, hãy tham khảo phần "lắp đặt các thiết bị ngoại vi"



2

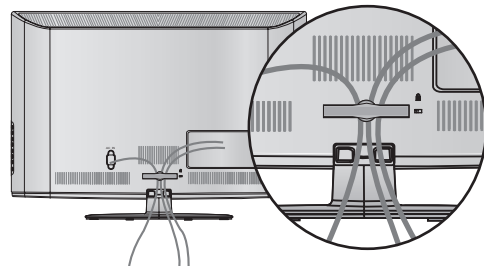
Mở đai kẹp dây và thực hiện như hình vẽ.



Đai kẹp dây

3

Thiết chặt và cố định đai kẹp dây lại.



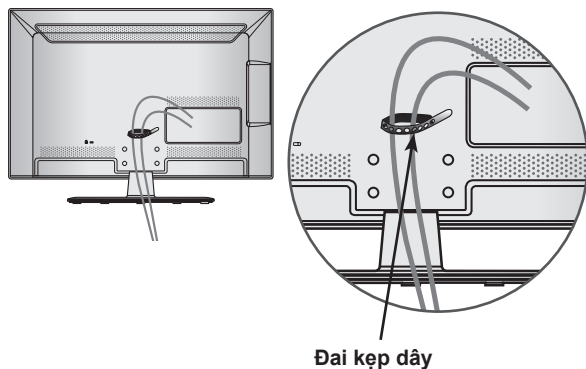
! LƯU Ý

- Không được dùng đai kẹp dây để dịch chuyển TV.
- Nếu TV bị rơi, bạn có thể bị thương hoặc hỏng TV.

CHUẨN BỊ

- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.
Dùng cho model 22/26LE5***

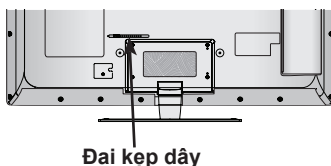
Sau khi kết nối các dây cáp cần thiết, hãy dùng đai kẹp bó các dây cáp lại theo hình vẽ.



Đai kẹp dây

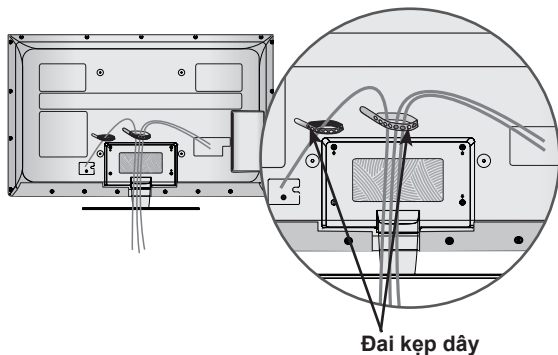
Dùng cho model 32/37/42/47/55/60LE5***, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***

- 1 Kẹp chặt dây nguồn vào đai kẹp dây ở phía sau TV. Sản phẩm nhà bạn sẽ an toàn hơn.



Đai kẹp dây

- 2 Sau khi kết nối các dây cáp cần thiết, hãy dùng đai kẹp bó các dây cáp lại theo hình vẽ.



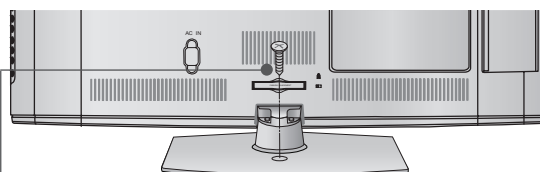
Đai kẹp dây

LẮP ĐẶT TV LÊN BÀN

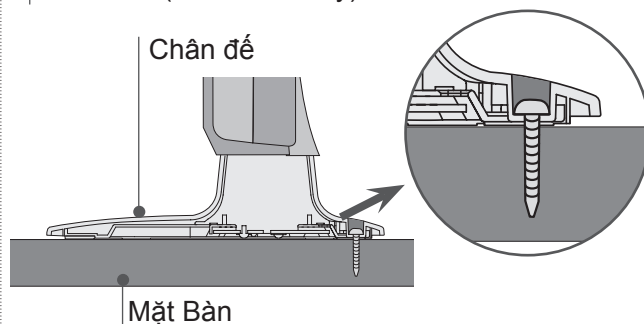
(Dùng cho model 26/32LD3**, 32/37/42LD4**, 32/42LD5**, 32/37/42LD6**, 32/37/42LD8**, 32/42LE4***, 32LE5***)

- Hình ảnh chỉ mang tính minh họa

Bạn phải gắn chặt TV lên bàn để tránh dịch chuyển. Nếu không nó sẽ hỏng và làm bạn bị thương. Bạn nên cố định TV với bàn bằng các ốc vít.



1-Ốc vít (Kèm theo máy)



Chân đế

Mặt Bàn

! CẢNH BÁO

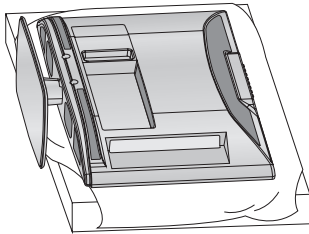
- Để TV không bị rơi, bạn nên cố định TV với bề mặt lắp đặt tường hay sàn nhà. Máy bị rung, lắc, chuyển động mạnh có thể làm bạn bị thương.

KHÔNG DÙNG BÀN KIỂU ĐỨNG

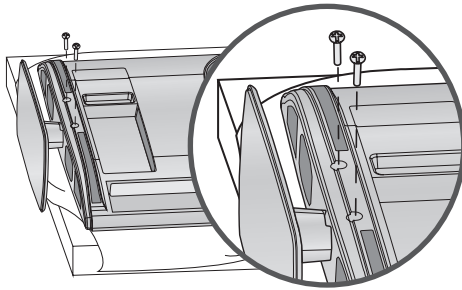
■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa. Khi lắp đặt TV lên tường, hãy sử dụng miếng bảo vệ

Dùng cho model 22LD3**

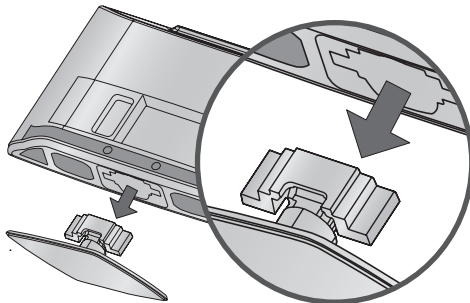
- 1 Khi lắp đặt, bạn hãy để màn hình TV úp xuống dưới một tấm đệm để tránh làm hỏng màn hình.



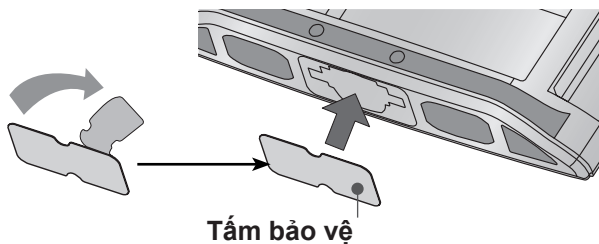
- 2 Tháo các ốc vít ra.



- 3 Tháo chân đế khỏi TV.

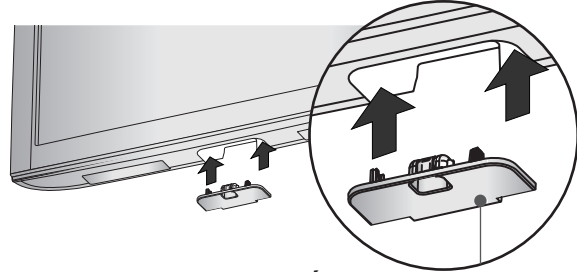


- 4 Sau khi tháo miếng lót tấm bảo vệ ra, hãy dính nó vào TV như hình dưới đây.



Dùng cho model 26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 32/42/46/52/60LD5**, 32/37/42/47/55LD6**

Hãy lắp tấm bảo vệ vào, ấn mạnh cho đến khi phát ra tiếng "tách" thì thôi.

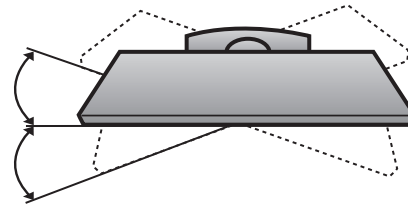


Tấm bảo vệ

ĐỂ XOAY

(Trừ model 22LD3**)

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa. Sau khi lắp đặt TV bạn có thể điều chỉnh TV sang trái, sang phải một góc 20° phù hợp với vị trí xem của bạn.

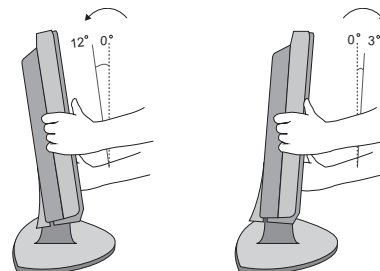


ĐIỀU CHỈNH MÀN HÌNH TV

(Dùng cho model 22LD3**)

■ Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa. Điều chỉnh vị trí màn hình TV theo những hướng tùy thích.

- Có thể xoay nghiêng màn hình TV.

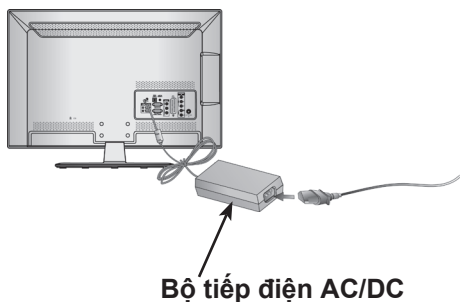


CHUẨN BỊ

Kết nối a TV

(Dùng cho model 22/26LE5***)

- Hình ảnh dưới đây chỉ có tính chất minh họa.



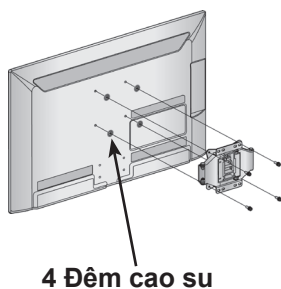
- 1 Nối dây ăngten với cổng ăng ten của TV.
- 2 Nối phích cắm bộ tiếp điện AC/DC với nguồn vào của TV.
- 3 Đầu tiên, nối dây nguồn với bộ tiếp điện AC/DC, sau đó, cắm phích điện của TV vào ổ điện trên tường.

⚠ CHÚ Ý

- ▶ Hãy đảm bảo rằng, nguồn điện TV đã nối với bộ tiếp điện DC trước khi cắm dây nguồn TV vào ổ điện trên tường.

< Dùng cho model 26LE5*** >

- Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



Đặt đệm cao su vào các lỗ vít trước khi lắp thanh đỡ treo tường vào. Các đệm cao su này sẽ giữ giá treo tường của TV luôn vững chắc và ngay ngắn.

HỆ THỐNG AN TOÀN KENSINGTON.

- Đặc tính này không có cho tất cả các model.
- Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.

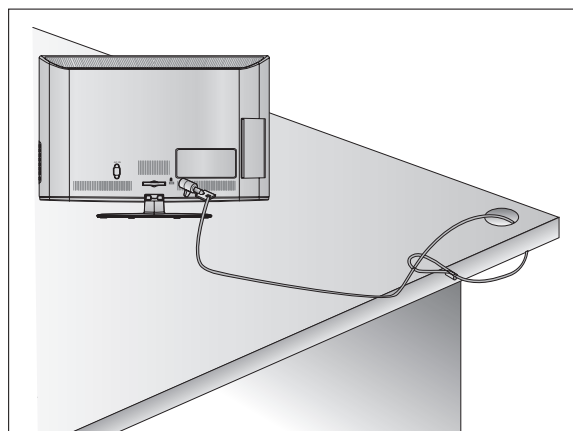
TV được trang bị thiết bị an toàn Kensington phía sau màn hình. Bạn tham khảo nối cáp an toàn Kensington ở hình bên dưới.

Lắp đặt chi tiết, cách sử dụng cáp an toàn Kensington. Tham khảo hướng dẫn sử dụng kèm theo thiết bị an toàn Kensington.

Để thêm thông tin hãy truy cập vào <http://www.kensington.com>, đây là trang chủ của công ty Kensington. Kensington chuyên cung cấp thiết bị an toàn cho các thiết bị điện tử.

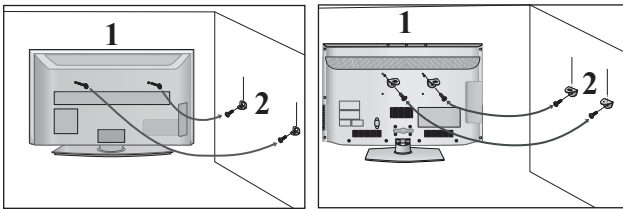
! CHÚ Ý

- ▶ Hệ thống an toàn Kensington là thiết bị tùy chọn.
- ▶ Nếu TV không sử dụng trong một thời gian. Khi bật, màn hình sẽ bị rung nhẹ.
- ▶ Một vài phút, trên màn hình TV xuất hiện những đốm đỏ, xanh lá cây và xanh da trời. Đó là điều bình thường, không ảnh hưởng tới vận hành của TV.
- ▶ Không được chạm hay ấn tay vào màn hình LCD trong một thời gian dài. Nếu làm như vậy hình ảnh sẽ bị méo và rung tạm thời.



KHUYẾN CÁO LẮP ĐẶT AN TOÀN

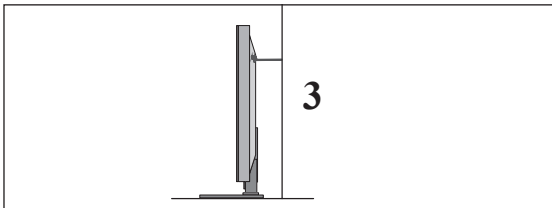
- Bạn nên mua các bộ phận cần thiết trên thị trường để lắp đặt TV an toàn và chắc chắn.
- Nên đặt TV gần với thành tường để tránh cho TV bị rơi khi bị đẩy.
- Hướng dẫn này giúp cho TV nhà bạn tránh được đồ vật có thể làm hỏng TV hoặc làm cho bạn bị thương. Đảm bảo rằng, trẻ em không được treo hay bám vào TV.



- 1 Sử dụng đinh khuy hay thanh đỡ để cố định TV với thành tường. Tham khảo hình minh họa ở dưới. (Nếu TV của bạn có kèm theo ốc ở đinh khuy, hãy tháo chúng ra.)

* Chèn đinh khuy hoặc thanh đỡ TV vào và siết chặt chúng vào lỗ phía trên.

- 2 Cố định thanh đỡ TV lên tường bằng các ốc vít. Đánh dấu chiều cao thanh đỡ để treo lên tường.



- 3 Dùng một sợi dây cố định TV ngay ngắn. Bộc dây sao cho nó nằm ngang giữa tường và TV.

! CHÚ Ý

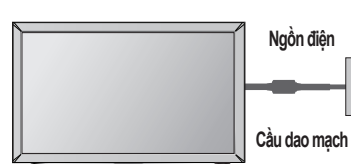
- Hãy tháo tất cả các dây ra, khi di chuyển TV. ► Dùng tú, bàn đủ rộng và chắc chắn phù hợp với kích thước và trọng lượng của TV.
- Để sử dụng TV an toàn, hãy đảm bảo rằng, giá treo trên tường và TV phải khít nhau.

- Có thể lắp đặt TV theo nhiều cách khác nhau, treo trên tường hoặc đặt trên bàn.
- TV được thiết kế treo trên tường theo phương ngang.

NỐI ĐẤT

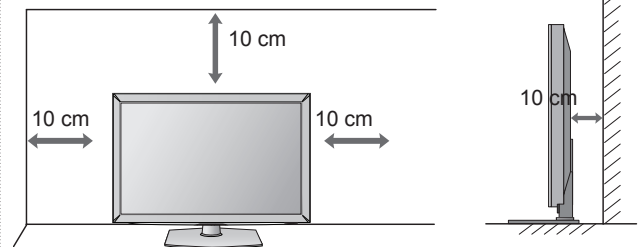
Đảm bảo bạn đã nối đất để tránh hiện tượng giật điện. Nếu phương pháp nối đất không thể thực hiện, bạn phải lắp đặt các thiết bị điện riêng bằng cầu dao mạch điện riêng biệt.

Không cố gắng nối đất bằng cách nối TV với dây điện thoại, cột đèn và ống gas.



LẮP ĐẶT TV TRÊN BÀN

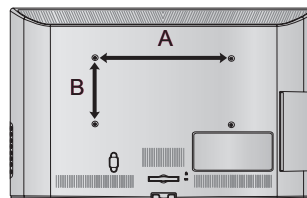
Để cho thoáng gió, hãy lắp đặt TV có khe hở xung quanh là 10 cm. Tham khảo hình dưới đây.



CHUẨN BỊ

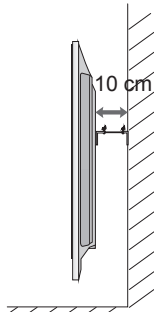
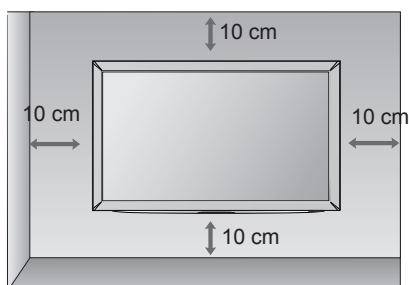
LẮP ĐẶT TV TRÊN TƯỜNG THEO PHƯƠNG NGANG

- Bạn nên sử dụng giá treo tường của LG để treo TV lên tường.
- Sử dụng giá treo tường có hỗ trợ chuẩn VESA.
- LG khuyến cáo, khi lắp đặt bạn phải sử dụng bộ giá treo tường chuyên dụng.



! CHÚ Ý

- ▶ Lắp đặt giá treo tường phải vuông góc với sàn.
- ▶ Nên sử dụng giá treo tường đặc biệt nếu bạn muốn lắp trên trần hoặc lắp nghiêng.
- ▶ Bề mặt tường phải đủ cứng để có thể giữ được TV có trọng lượng nhất định.
- ▶ Lắp kiểu ốc và độ cao ốc phụ thuộc vào việc sử dụng loại giá treo tường nào. Chi tiết có thể tham khảo hướng dẫn đi kèm.
- ▶ LG không chịu trách nhiệm với bất kỳ tai nạn hay thiệt hại nào khi lắp đặt không đúng hướng dẫn.
 - Không sử dụng giá treo tường chuẩn VESA.
 - Siết ốc lên tường không đúng. TV bị rơi và làm bạn bị thương.
 - Không lắp đặt theo hướng dẫn.



Model	VESA (A * B)	Ốc vít chuẩn	Số lượng
22LD3**	100 * 100	M4	4
26/32LD3**	200 * 100	M4	4
32LD4**	200 * 100	M4	4
37/42/47LD4**	200 * 200	M6	4
32LD5**	200 * 100	M4	4
42/46LD5**	200 * 200	M6	4
52/60LD5**	400 * 400	M6	4
32LD6**	200 * 100	M4	4
37/42/47LD6**	200 * 200	M6	4
55LD6**	400 * 400	M6	4
22LE5***	100 * 100	M4	4
26LE5***	100 * 100	M4	4
32LE5***	200 * 100	M4	4
37/42/47LE5***	200 * 200	M6	4
55/60LE5***	400 * 400	M6	4
32LE7***	200 * 100	M4	4
37/42/47LE7***	200 * 200	M6	4
55LE7***	400 * 400	M6	4
42/47LE8***	200 * 200	M6	4
55LE8***	400 * 400	M6	4

CHỨC NĂNG CÁC PHÍM ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 32/42/46/52/60LD55*, 22/26/32/42/47/55LE53**, 32/37/42/47LD8**, 22/26LE6***

Khi sử dụng điều khiển từ xa, hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến của TV.

Với TV Analogue và ở một số nước, một vài phím không thực hiện được.



⏻ (POWER) Chuyển TV từ bật về chế độ chờ và ngược lại.

ENERGY SAVING Điều chỉnh chế độ tiết kiệm điện của TV. (► **T.119**)

AV MODE Chọn và thay đổi hình ảnh, âm thanh khi kết nối với thiết bị AV. (► **T.55**)

INPUT Chuyển đổi liên tục đầu vào các thiết bị ngoại vi. (► **T.49**)

TV/RAD Chọn Đài phát thanh, kênh TV và kênh DTV.

0~9 number button Lựa chọn chương trình.
Lựa chọn các mục trong Menu.

LIST Hiển thị bảng chương trình. (► **T.47**)

Q.VIEW Quay lại chương trình vừa xem.

MENU Lựa chọn một Menu
Xóa tất cả các hiển thị trên màn hình và quay lại chương trình TV đang xem. (► **T.28**)

GUIDE Shows programme guide. (► **T.109**)

Q. MENU Lựa chọn nhanh Menu. (► **T.27**)

THUMBSTICK (Up/Down/Left/Right) Thay đổi Menu hiển thị và điều chỉnh hệ thống theo sở thích của bạn.

OK Chấp nhận lựa chọn và hiển thị chế độ hiện thời

BACK Cho phép người sử dụng quay trở lại bước trước đó.

INFO ⓘ Xem thông tin màn hình hiện thời.

EXIT Thoát tất cả các chương trình và quay trở lại chương trình TV đang xem.

Coloured buttons Các phím này chỉ sử dụng cho chế độ văn bản, hoặc đặt chương trình.

1 TELETEXT BUTTONS Các nút này sử dụng cho chế độ văn bản (xem mục "Teletext" ► **T.155**)

SUBTITLE Nhớ lại phụ đề ưa thích của bạn trong chế độ kỹ thuật số.

CHUẨN BỊ



VOLUME UP /DOWN Điều chỉnh âm lượng

MARK Lựa chọn đầu ra chấp nhận thiết lập chức năng Picture Wizard.
Kiểm tra chương trình chưa đánh dấu trong Menu USB.

FAV Hiển thị chương trình yêu thích đã chọn.

RATIO Lựa chọn định dạng ảnh mong muốn. (► T. 116)

MUTE Bật/Tắt tiếng.

Programme UP/DOWN Lựa chọn chương trình.

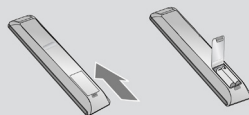
PAGE UP/ DOWN Di chuyển lên, xuống

SIMPLINK / MY MEDIA Điều chỉnh menu SIMPLINK hoặc MY MEDIA Menu control buttons

SIMPLINK Thấy một danh sách các thiết bị AV kết nối với TV.(► p.51)

AD Bật/Tắt chức năng hiển thị âm thanh.
(trừ model 22/26/32LD3**)

Lắp pin

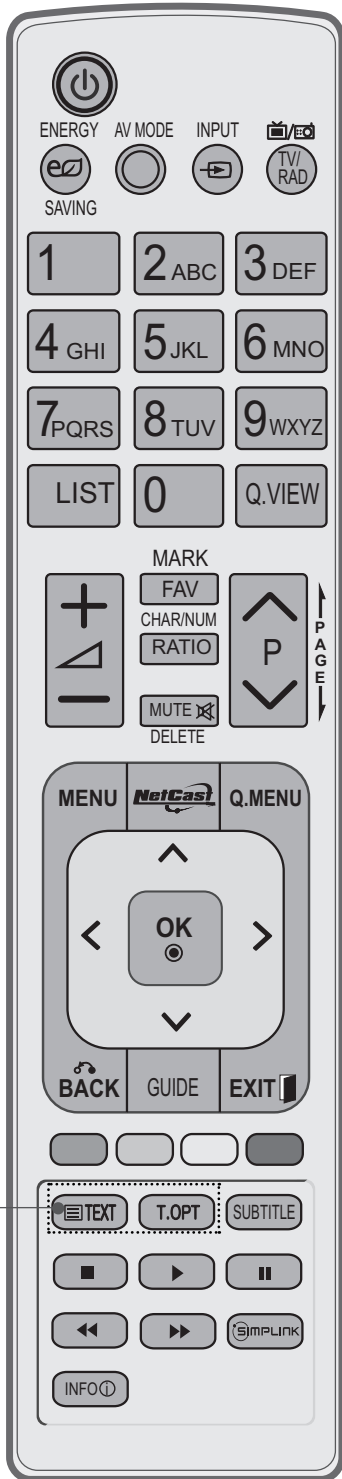


- Mở nắp đậy ở phía sau và lắp pin đúng chiều âm dương.
- Sử dụng loại pin 1.5 V AAA. Không dùng một pin mới với một pin cũ đã sử dụng.
- Đóng nắp lại.
- Hãy tháo pin ra ngay, khi bị lắp ngược.

CHỨC NĂNG CÁC PHÍM ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***

Khi sử dụng điều khiển từ xa, hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến của TV.
Với TV Analogue và ở một số nước, một vài phím không thực hiện được.



⏻ (POWER) Chuyển TV từ bật về chế độ chờ và ngược lại.

ENERGY SAVING Điều chỉnh chế độ tiết kiệm điện của TV. (► **T.119**)

AV MODE Chọn và thay đổi hình ảnh, âm thanh khi kết nối với thiết bị AV. (► **T.55**)

INPUT Chuyển đổi liên tục đầu vào các thiết bị ngoại vi. (► **T.49**)

TV/RAD Lựa chọn kênh TV.

0~9 number button Lựa chọn chương trình.
Lựa chọn các mục trong Menu.

LIST Hiển thị bảng chương trình. (► **T.47**)

Q.VIEW Quay lại chương trình vừa xem.

MENU Lựa chọn một Menu.
Xóa tất cả các hiển thị trên màn hình và quay lại chương trình TV đang xem. (► **T.28**)

NetCast Chọn Menu NetCast (Chức năng đọc ghi hình ảnh). (► **T.57**) (Cho phép bạn cập nhật thông tin thời tiết, xem ảnh, phim online...)

Q. MENU Lựa chọn nhanh Menu. (► **T.27**)

THUMBSTICK (Up/Down/Left/Right) Thay đổi Menu hiển thị và điều chỉnh hệ thống theo sở thích của bạn.

OK Chấp nhận lựa chọn và hiển thị chế độ hiện thời

BACK Cho phép người sử dụng quay trở lại bước trước đó.

GUIDE Shows programme guide. (► **p.109**)

EXIT Thoát tất cả các chương trình và quay trở lại chương trình TV đang xem.

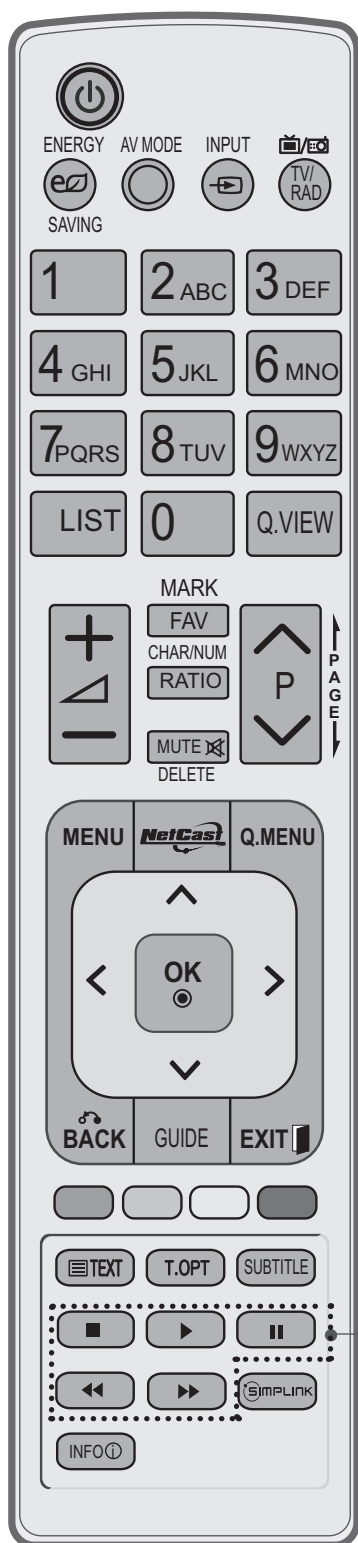
Coloured buttons Các phím này chỉ sử dụng cho chế độ văn bản, hoặc đặt chương trình.

1 TELETEXT BUTTONS Các nút này sử dụng cho chế độ văn bản (xem mục "Teletext" ► **T.155**)

SUBTITLE Nhớ lại phụ đề ưa thích của bạn trong chế độ kỹ thuật số.

CHUẨN BỊ

CHUẨN BỊ



VOLUME UP /DOWN Điều chỉnh âm lượng.

MARK Lựa chọn đầu ra chấp nhận thiết lập chức năng Picture Wizard. Kiểm tra chương trình chưa đánh dấu trong Menu USB.

FAV Hiện thị chương trình yêu thích đã chọn.

CHAR/NUM Thay đổi kiểu ký tự hay số cho Menu NetCast.

RATIO Lựa chọn định dạng ảnh mong muốn. (► T. 116)

MUTE Bật/ Tắt âm lượng.

DELETE Xóa ký tự khi nhập vào.

Programme UP/DOWN Lựa chọn chương trình.

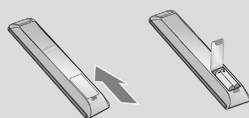
PAGE UP/ DOWN Di chuyển lên, xuống.

SIMPLINK / MY MEDIA Menu control buttons Điều chỉnh Menu SIMPLINK hay MY MEDIA.

SIMPLINK Thấy một danh sách các thiết bị AV kết nối với TV.(► p.51)

INFO ⓘ Bật/Tắt chức năng hiển thị âm thanh.

Lắp pin



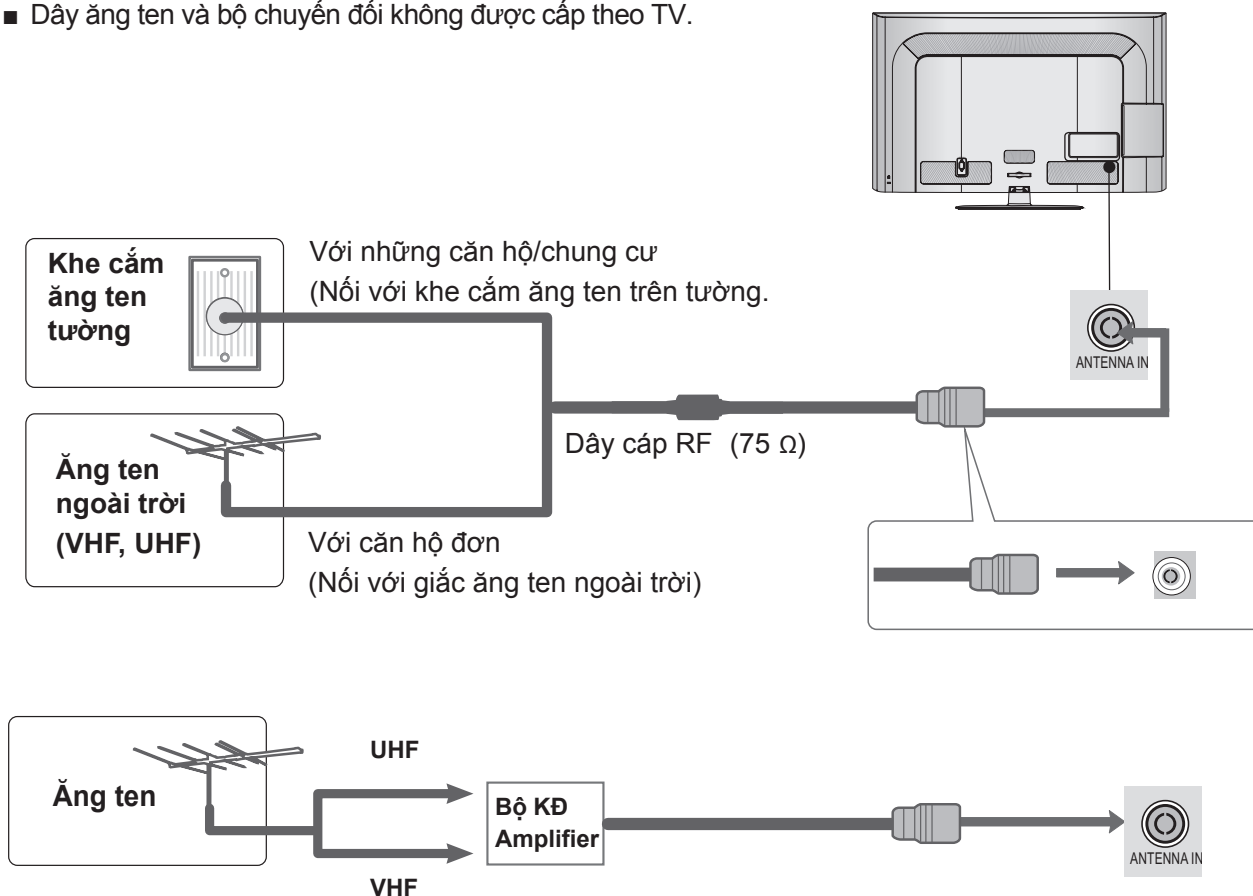
- Mở nắp đậy ở phía sau và lắp pin đúng chiều âm dương.
- Sử dụng loại pin 1.5 V AAA. Không dùng một pin mới với một pin cũ đã sử dụng.
- Đóng nắp lại.
- Hãy tháo pin ra ngay, khi bị lắp ngược.

KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ NGOẠI VI

- Để đảm bảo an toàn, hãy rút phích cắm TV ra khỏi nguồn điện cho đến khi các thiết bị được nối xong.

KẾT NỐI ĂNG TEN

- Để hình ảnh có chất lượng tốt nhất phải điều chỉnh hướng của ăng ten.
- Dây ăng ten và bộ chuyển đổi không được cấp theo TV.



- Với những vùng tín hiệu ăng ten yếu, để thu được hình ảnh tốt nhất bạn nên có một bộ khuếch đại.
- Nếu muốn chia tín hiệu ra cho các TV, bạn nên sử dụng bộ chia để kết nối.

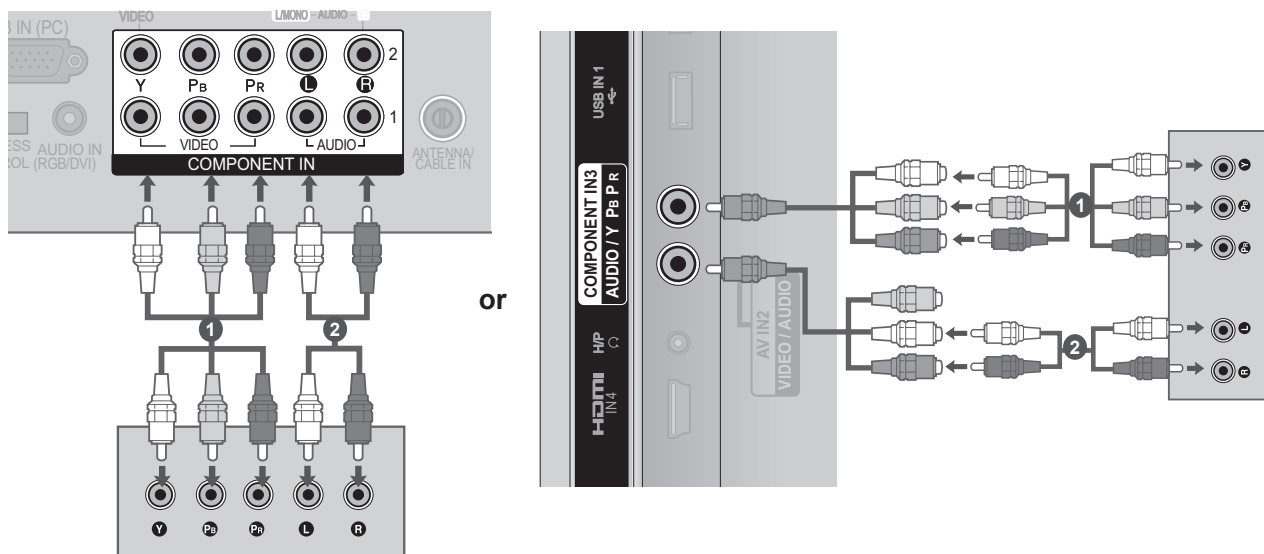
KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ NGOẠI VI

- Để tránh nguy hiểm cho các thiết bị, bạn nên rút phích cắm điện nguồn ra cho đến khi nào kết nối xong các thiết bị.
- Phần kết nối này áp dụng chủ yếu cho model 32/42/46/52/60LD55*

KẾT NỐI QUA CÁP COMPONENT

- TV có thể nhận được tín hiệu kỹ thuật số RF mà không cần đầu thu kỹ thuật số. Tuy nhiên nếu bạn muốn TV nhận tín hiệu qua đầu thu kỹ thuật số hay các thiết bị số ngoại vi khác bạn hãy tham khảo hướng dẫn kết nối ở bên dưới.

- 1 Kết nối đầu ra hình (Y, Pb, Pr) của thiết bị ngoại vi (đầu thu kỹ thuật số, đầu DVD,...vvv) tới giắc **COMPONENT IN VIDEO** của TV
- 2 Kết nối đầu ra tiếng của thiết bị ngoại vi (đầu thu kỹ thuật số, đầu DVD,...vvv) tới giắc **COMPONENT IN AUDIO** của TV.
- 3 Bật các thiết bị ngoại vi.
(Tham khảo hướng dẫn sử dụng các thiết bị ngoại vi).
- 4 Để chọn **Component1** nguồn đầu vào, hãy nhấn phím **INPUT** trên điều khiển từ xa.
Nếu kết nối cổng **COMPONENT IN2** hay **COMPONENT IN3** hãy chọn nguồn vào **Component2** hay **Component3**



Các cổng vào Component

Để chất lượng hình ảnh tốt nhất, hãy kết nối đầu DVD với cổng **Component** theo hướng dẫn sau:

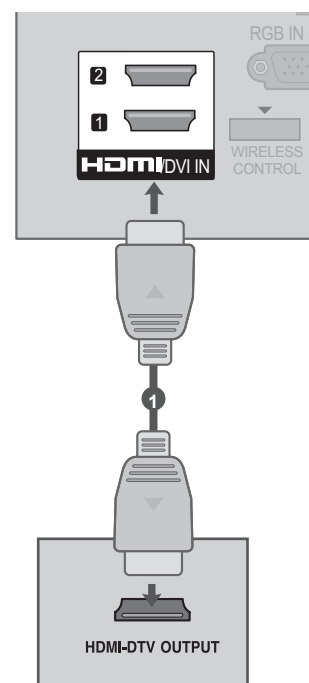
Các cổng Component trên TV	Y	P _B	P _R
Các đầu ra hình của đầu DVD	Y	P _B	P _R
	Y	B-Y	R-Y
	Y	Cb	Cr
	Y	Pb	Pr

- Định dạng phù hợp cho âm thanh chất lượng cao HDMI: Dolby Digital, PCM
Định dạng âm thanh DTS là định dạng không phù hợp.

Signal	Component	HDMI
480i/576i	O	X
480p/576p	O	O
720p/1080i	O	O
1080p	O	O
	(50 Hz / 60 Hz only)	(24 Hz / 30 Hz / 50 Hz / 60 Hz)

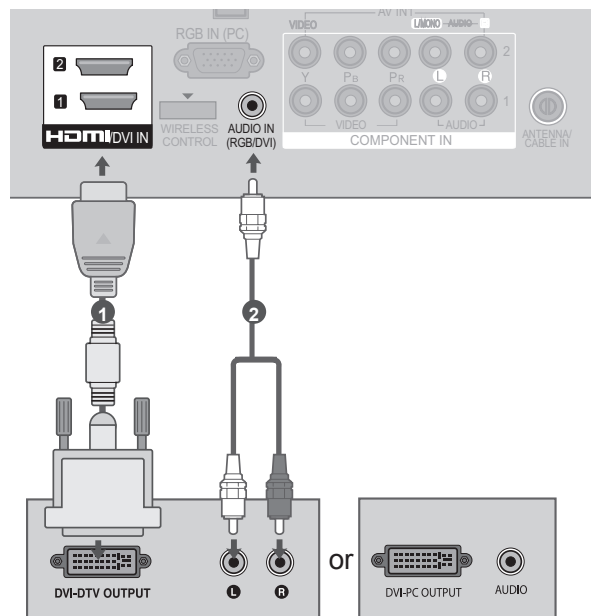
KẾT NỐI QUA CÁP HDMI

- 1 Kết nối đầu ra HDMI của thiết bị ngoại vi (đầu thu kỹ thuật số, đầu DVD,...vvv) tới cổng **HDMI/DVI IN 1**, **HDMI/DVI IN 2** (trừ model 22LD3**), **HDMI IN 3** (trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 22LE5***) hoặc **HDMI IN 4** (chỉ cho model 32/37/42/47/55/60LE5***, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***) của TV.
- 2 Bật các thiết bị ngoại vi.
các thiết bị ngoại vi) (Tham khảo hướng dẫn sử dụng
- 3 Để chọn nguồn ra **HDMI1**, **HDMI2** (trừ model 22LD3**), **HDMI3** (trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 22LE5***) hay **HDMI4** (chỉ cho model 32/37/42/47/55/60LE5***, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***) nhấn phím **INPUT** trên điều khiển từ xa.



! Chú ý

- TV có thể nhận được tín hiệu hình và tiếng cùng một lúc thông qua cáp HDMI
- Nếu đầu DVD không hỗ trợ tiếng HDMI, bạn phải thay đổi đầu ra tương đương.
- Kiểm tra cáp HDMI của bạn có phải là cáp HDMI phiên bản 1.3 hay cao hơn. Nếu cáp HDMI không hỗ trợ HDMI phiên bản 1.3, nó sẽ nhấp nháy hoặc không hiển thị trên màn hình. Hãy sử dụng cáp mới nhất có hỗ trợ HDMI 1.3.
- TV có hỗ trợ định dạng âm thanh PCM hay Dolby Digital, khi kết nối với các thiết bị ngoại vi qua cáp HDMI.

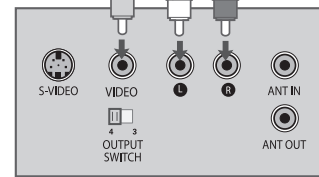
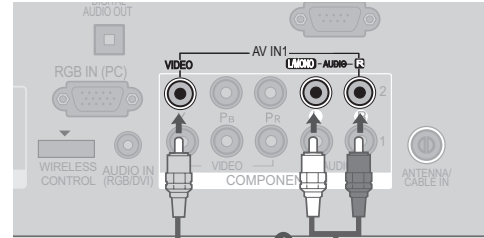


KẾT NỐI VỚI CÁP RCA

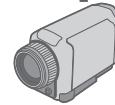
- 1 Kết nối giắc **AUDIO/VIDEO** của TV với thiết bị VCR hoặc các thiết bị ngoại vi.
- 2 Cho đĩa video vào thiết bị VCR nhấn phím **PLAY** trên VCR để bắt đầu phát hình.
(Tham khảo hướng dẫn sử dụng VCR) để bật thiết bị ngoại vi tương ứng. Hoặc
(Tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị ngoại vi.)
- 3 Chọn đầu vào **AV1** bằng cách nhấn phím **INPUT** trên điều khiển từ xa.
Nếu kết nối **AV2** thì chọn đầu vào **AV2**.

! CHÚ Ý

- Nếu bạn có mono VCR, hãy nối cáp tiếng (audio) từ VCR tới giắc **AUDIO L/MONO** của TV.



or

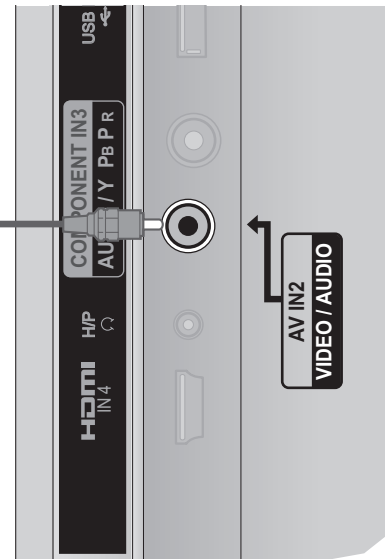
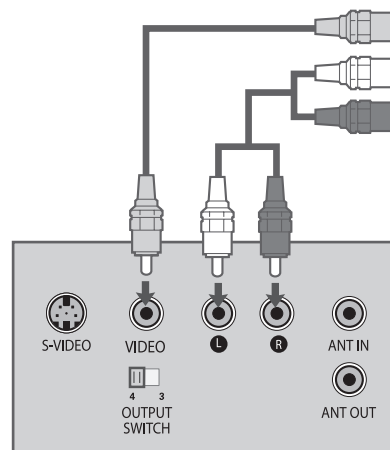


Máy ghi hình



Máy chơi game video

Hoặc

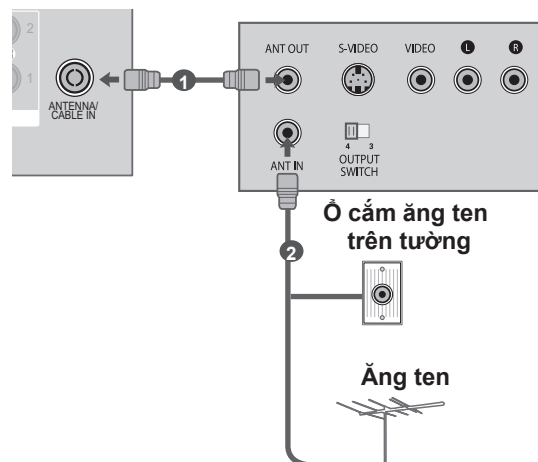


KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ NGOÀI VI

KẾT NỐI VỚI CÁP RF

- Để hình ảnh không bị nhiễu, hãy đặt thiết bị VCR và TV có một khoảng cách thích hợp.

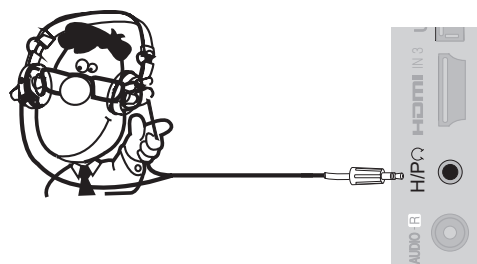
- 1 Kết nối cổng **ANT OUT** của VCR tới cổng **ANTENNA / CABLE IN** của TV.
- 2 Nối dây ăng ten với cổng **ANT IN** của VCR.
- 3 Nhấn phím **PLAY** trên VCR và chuyển kênh thích hợp giữa TV và VCR để xem.



KẾT NỐI TAI NGHE

Bạn có thể nghe âm thanh qua thiết bị tai nghe.

- 1 Cắm tai nghe vào cổng headphone trên TV.
- 2 Để điều chỉnh âm lượng của thiết bị tai nghe, nhấn phím + hoặc -. Nếu muốn tắt tiếng ở tai nghe nhấn phím MUTE.



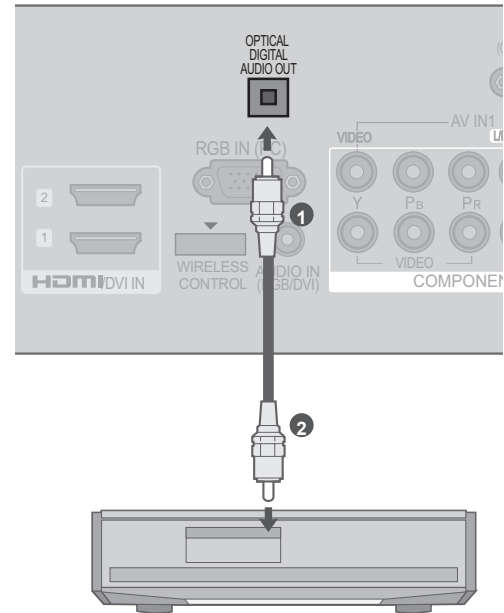
! CHÚ Ý

- ▶ Các mục menu AUDIO sẽ không hoạt động khi kết nối với thiết bị tai nghe.
- ▶ Khi thay đổi chế độ AV MODE với thiết bị tai nghe đã được kết nối, nó chỉ có hiệu lực với hình ảnh (video) nhưng không phải với đường tiếng (audio)
- ▶ Đường ra âm thanh số quang học không thực hiện được khi kết nối với thiết bị tai nghe.
- ▶ Điện trở thiết bị tai nghe (Headphone) là: 16 Ω
- ▶ âm thanh đầu ra tối đa của tai nghe là: 15 mW (trừ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)
- ▶ âm thanh đầu ra tối đa của tai nghe là: 10 mW to 15 mW (chỉ có ở model 32/42/52LD56* 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

KẾT NỐI ĐƯỜNG RA ÂM THANH KỸ THUẬT SỐ

Khi truyền tín hiệu âm thanh của TV tới các thiết bị ngoại vi qua cổng Digital Audio Output (Optical). Nếu muốn thưởng thức âm thanh kỹ thuật số qua hệ thống loa 5.1, Hãy nối đầu OPTICAL DIGITAL AUDIO OUT ở phía sau TV với Home Theater (hoặc amp).

- 1 Nối đầu cuối cáp quang học với cổng Digital Audio (Optical) Output của TV.
- 2 Nối đầu cuối khác của cáp quang học với đường vào âm thanh kỹ thuật số của thiết bị âm thanh.
- 3 Đặt mục "TV Speaker option là Off " trên menu AUDIO.(►T.138). Tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị âm thanh ngoại vi.



⚠ CẢNH BÁO

- Không được nhìn vào cổng ra quang học. Khi nhìn vào, chùm tia laser sẽ làm hỏng mắt của bạn.

! CHÚ Ý

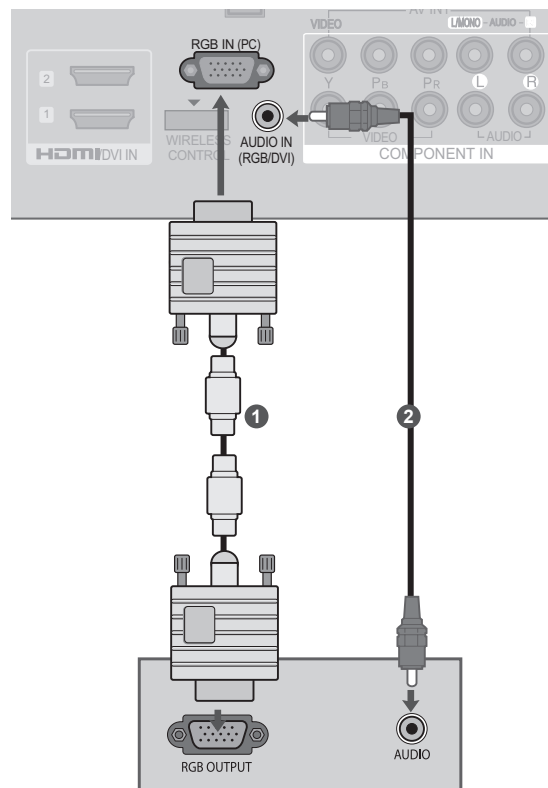
- Khi kết nối với các thiết bị âm thanh ngoại vi như âm li, loa ngoài, bạn nên tắt tiếng ở TV.

KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ NGOÀI VI

NỐI VỚI CÁP D-SUB 15 CHÂN

TV có chức năng Plug and Play, điều đó có nghĩa PC tự động điều chỉnh các thiết lập của TV.

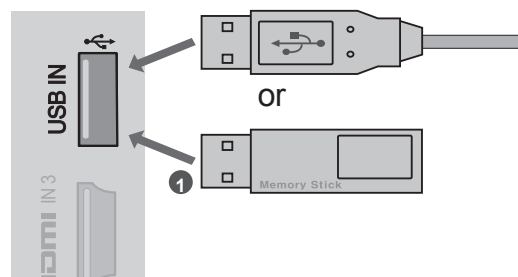
- 1 Nối đường ra RGB của PC với đường vào **RGB IN (PC)** của TV.
- 2 Nối đường ra tiếng của PC với đường vào tiếng **AUDIO IN (RGB/DVI)** của TV.
- 3 Bật máy tính (PC) và TV lên.
- 4 Lựa chọn đầu vào **RGB** bằng cách nhấn phím **INPUT** trên điều khiển từ xa.



KẾT NỐI VỚI USB

(Ngoại trừ model 22/26/32LD3**)

- 1 Nối thiết bị USB với cổng **USB IN 1** hoặc **USB IN 2** của TV.
- 2 Sau khi nối với cổng **USB IN1** hoặc **USB IN2**, hãy sử dụng chức năng của **USB**. (► T. 75)

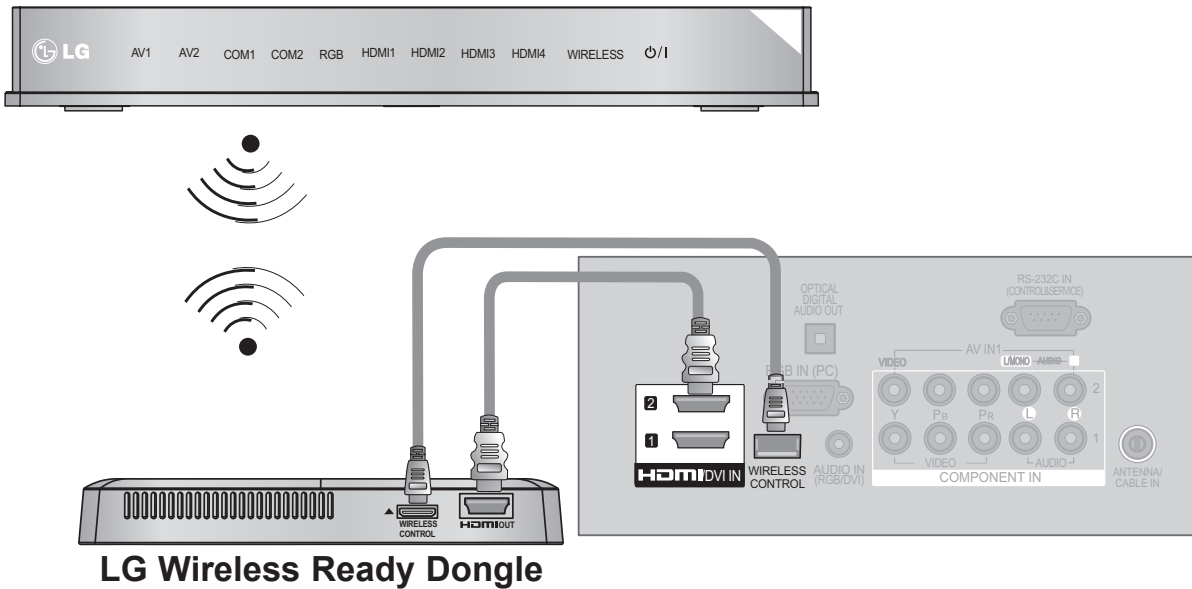


KẾT NỐI KHÔNG DÂY THIẾT BỊ NGOÀI VI

Chỉ áp dụng cho model 32/42/52LD5**, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE5**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Tất cả TV của LG có cổng Wireless Control đều tương thích với thiết bị LG Wireless Media Box, thiết bị này không kèm theo với TV mà phải mua riêng. Khi nối Wireless Ready Dongle (gồm cả Wireless Media Box) với TV, tất cả các thiết bị ngoại vi đã kết nối với LG Wireless Media Box truyền tín hiệu hình và tiếng đến TV không cần phải nối dây. Sau khi kết nối không dây, nhấn phím INPUT để hiển thị giao diện đường vào không dây. Tham khảo hướng dẫn sử dụng Wireless Media Box.

LG Wireless Media Box



LG Wireless Ready Dongle

- 1 Kết nối cổng **WIRELESS CONTROL** của **Wireless Ready Dongle** với **WIRELESS CONTROL** của TV.
- 2 Kết nối cổng **HDMI OUT** của thiết bị Wireless Ready Dongle với cổng **HDMI/DVI IN 1**, **HDMI/DVI IN 2** (trừ model 22LD3**), **HDMI IN 3** (trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 22LE5**) hoặc **HDMI IN 4** (áp dụng cho model 32/37/42/47/55/60LE5**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***) của TV.

! CHÚ Ý

- ▶ **WIRELESS CONTROL** : Cấp nguồn và sử dụng thiết bị Wireless Ready Dongle.
- ▶ **HDMI** : Tín hiệu Video/Audio đã kết nối với thiết bị Wireless Ready Dongle.
- ▶ Khi bạn nối thiết bị Wireless Media Box (thiết bị bán riêng), bạn có thể xem thiết bị ngoại vi kết nối với Wireless Media Box bằng kết nối không dây.
- ▶ Kết nối đầu ra không dây, chức năng Real Cinema và Digital Noise Reduction sẽ không thích hợp.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOẠI VI

ĐỘ PHÂN GIẢI MÀN HÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOẠI VI

Chế độ RGB-PC, HDMI/DVI-PC

Resolution	Horizontal Frequency(kHz)	Vertical Frequency(Hz)
720x400	31.468	70.08
640x480	31.469	59.94
800x600	37.879	60.31
1024x768	48.363	60.00
1280x768	47.78	59.87
1360x768	47.72	59.80
1280x1024	63.981	60.02
1920x1080 (RGB-PC)	66.587	59.93
1920x1080 (HDMI-PC)	67.5	60.00

(Ngoại trừ model 22/26/32LD3**, 22/26LE5***)

Chế độ HDMI/DVI-DTV

Resolution	Horizontal Frequency(kHz)	Vertical Frequency(Hz)
720x480	31.469	59.94
	31.5	60
720x576	31.25	50
	37.5	50
1280x720	44.96	59.94
	45	60
	33.72	59.94
	33.75	60
	28.125	50
	26.97	23.97
	27	24
1920x1080	33.716	29.976
	33.75	30.00
	56.25	50
	67.43	59.94
	67.5	60

! CHÚ Ý

- ▶ Để tránh giữ một hình ảnh cố định trên màn hình trong thời gian dài, điều này có thể dẫn đến hiện tượng lưu hình. Bạn hãy dùng chế độ bảo vệ màn hình khi có thể.
- ▶ Màn hình có thể bị nhiễu do độ phân giải, độ tương phản và độ sáng ở chế độ PC. Bạn thử thay đổi sang độ phân giải khác hoặc làm tươi và thay đổi độ tương phản và độ sáng cho đến khi nào hình ảnh đẹp. Nếu không được bạn nên thay đổi Card màn hình khác.
- ▶ Dạng sóng đầu vào đồng bộ hóa cho tần số ngang và dọc là khác nhau.
- ▶ Để có chất lượng hình ảnh tốt nhất, bạn nên đặt độ phân giải ở chế độ PC là 1920x1080, 60 Hz (Trừ model 22/26/32LD3**, 22/26LE5***), 1360x768, 60Hz (cho model 22/26/32LD3**, 22/26LE5***).
- ▶ Nối cáp tín hiệu từ PC tới cổng RGB (PC) của TV hoặc cổng ra HDMI của PC với HDMI IN (hoặc HDMI/DVI IN) của TV.
- ▶ Nối dây cáp tiếng từ PC tới đường tiếng ra của TV. (Cáp Audio không đi kèm với TV).
- ▶ Nếu dùng card âm thanh, hãy điều chỉnh âm thanh của PC theo yêu cầu.
- ▶ Nếu card đồ họa của PC không có đầu ra analogue và đầu ra kỹ thuật số RGB cùng một lúc, hãy kết nối hoặc RGB hoặc HDMI IN (hay HDMI/DVI IN) với hiển thị đầu ra PC của TV.
- ▶ Nếu card đồ họa của PC có đồng thời cả cổng ra analogue và kỹ thuật số RGB, hãy kết nối với TV hoặc là cổng RGB hoặc là cổng HDMI; (ở chế độ khác thiết lập TV tự động Plug và Play).
- ▶ Ở môi trường DOS, không hoạt động, điều đó phụ thuộc vào card video, nếu kết nối cổng HDMI với cổng DVI.
- ▶ Nếu bạn sử dụng cáp RGB-PC quá dài, hình ảnh có thể bị nhiễu. Bạn nên dùng cáp có độ dài không quá 5m để có chất lượng hình ảnh đẹp nhất.

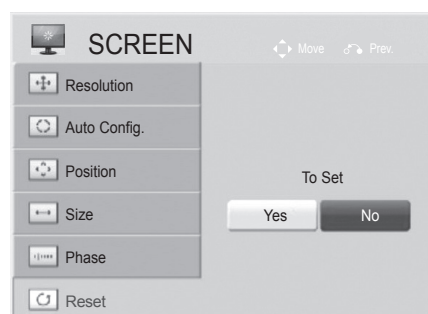
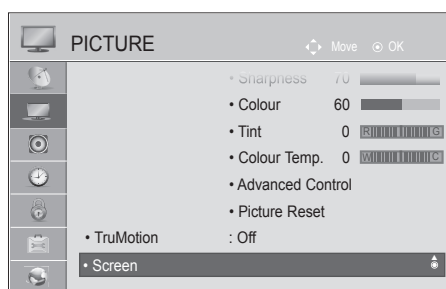
CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOẠI VI

CÀI ĐẶT MÀN HÌNH CHO CHẾ ĐỘ PC

Đặt lại màn hình

Quay lại vị trí, kích thước và hướng về chế độ mặc định của nhà sản xuất.

Chức năng này làm việc ở chế độ sau: RGB[PC].



1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **Screen**.
3. Chọn **Reset**.
4. Chọn **Yes**.
5. Chọn **Reset**.

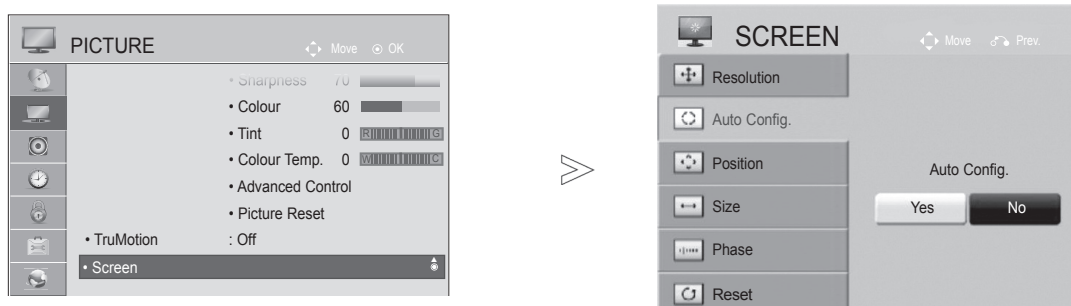
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Cấu hình tự động (Chỉ ở chế độ RGB [PC])

TV tự động điều chỉnh vị trí hình ảnh và giảm thiểu tính không ổn định của hình ảnh. Sau khi điều chỉnh, hình ảnh vẫn không tốt, TV vẫn hoạt động đúng nhưng cần phải điều chỉnh thêm nữa.

Cấu hình tự động

Chức năng này để điều chỉnh tự động vị trí, kích thước và hướng của màn hình, hình ảnh hiển thị sẽ không ổn định trong vài giây, khi quá trình tự động cấu hình chưa kết thúc.



1 Chọn **PICTURE**.

2 Chọn **Screen**.

3 Chọn **Auto Config..**

4 Chọn **Yes**.

5 Chọn **Auto Config..**

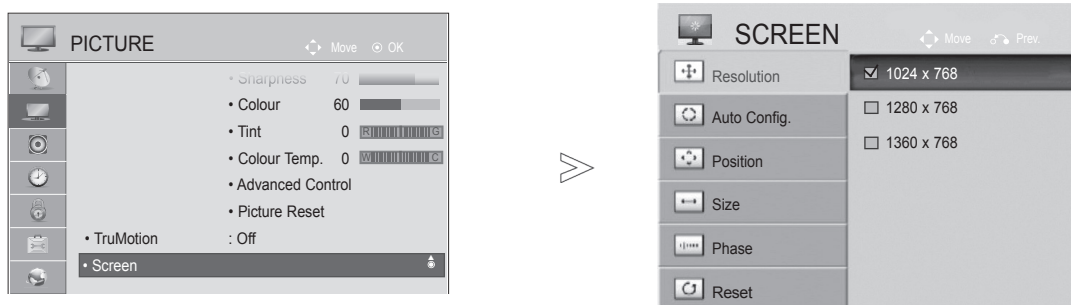
- Nếu vị trí của hình ảnh chưa chính xác, bạn hãy thực hiện điều chỉnh tự động một lần nữa.
- Nếu hình ảnh điều chỉnh tự động lần nữa, sau khi điều chỉnh tự động ở RGB (PC), bạn có thể điều chỉnh **Vị trí**, **Kích thước** và **Hướng**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOÀI VI

Chọn độ phân giải màn hình

Để xem hình ảnh bình thường, lựa chọn độ phân giải giữa chế độ RGB và PC phải phù hợp. Chức năng này làm việc ở chế độ sau: RGB[PC].



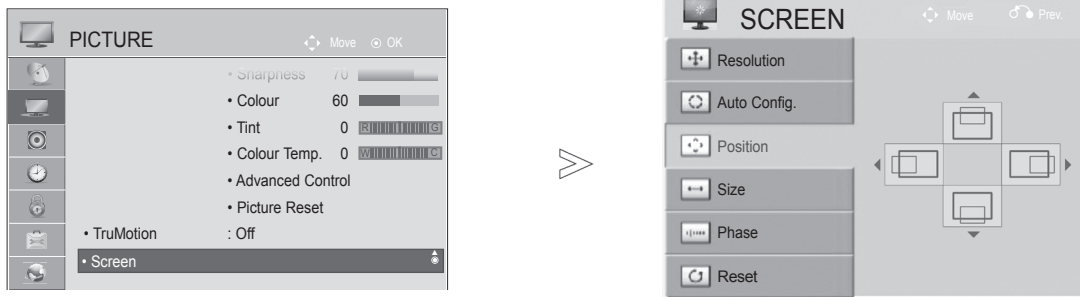
1.   Chọn **PICTURE**.
2.   Chọn **Screen**.
3.   Chọn **Resolution**.
4.   Chọn độ phân giải mong muốn
5. 

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Điều chỉnh vị trí, kích thước và hướng của màn hình.

Nếu hình ảnh không rõ ràng, khi tự động điều chỉnh và đặc biệt các ký tự trên màn hình vẫn bị rung, bạn hãy điều chỉnh lại vị trí màn hình bằng tay.

Chức năng này làm việc ở chế độ sau: RGB[PC].



- 1   Chọn **PICTURE**.
- 2   Chọn **Screen**.
- 3   Chọn **Position**, **Size** hoặc **Phase**.
- 4    Điều chỉnh thích hợp
- 5 

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

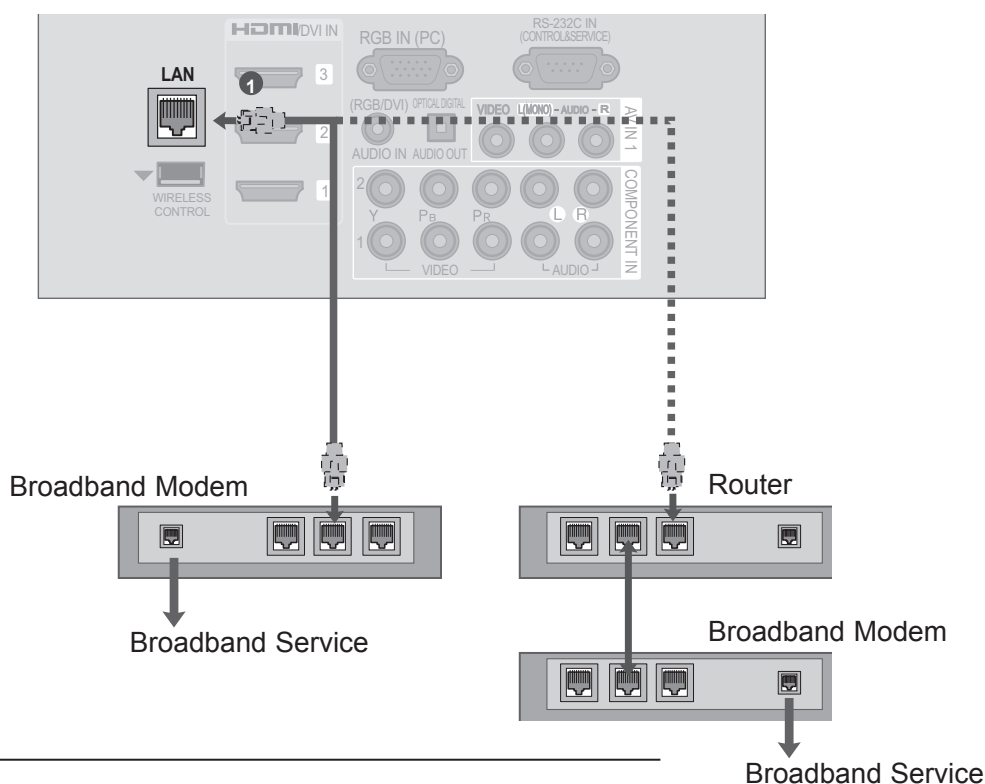
CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOÀI VI

CÀI ĐẶT MẠNG

(Chỉ có ở model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Kết nối mạng có dây

TV có thể được kết nối với mạng cục bộ (mạng LAN) thông qua cổng LAN. Sau khi kết nối vật lý, cần cài đặt TV để kết nối mạng hoạt động.



- 1 Kết nối cổng LAN của Modem hoặc Router với cổng LAN của TV.
- 2 Chọn “**Network Setting**” trên menu **NETWORK**.
- 3 Sau khi kết nối cổng **LAN**, mở menu **NetCast**.
(Tham khảo mục cài đặt **NETCAST** và kiểm tra sai hỏng <http://lgknowledgebase.com>. Search for **NetCast**.)

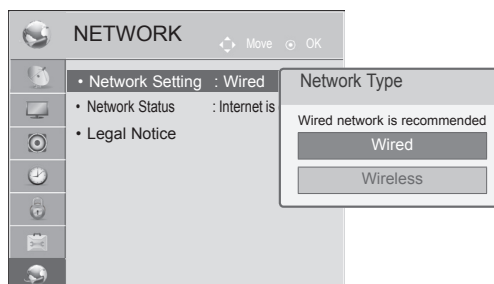
⚠ CẢNH BÁO

- ▶ Không được nối cáp điện thoại với cổng mạng LAN.
- ▶ Có nhiều cách kết nối khác nhau, bạn hãy thực hiện theo những đặc điểm kỹ thuật của trung tâm viễn thông và các nhà cung cấp dịch vụ internet.

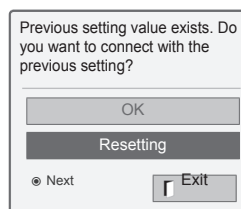
Cài đặt mạng có dây

Nếu TV dùng được cả mạng không dây và có dây, mạng có dây vẫn là lựa chọn tối ưu. Sau khi kết nối hệ thống dây, đối với một số nhỏ mạng gia đình, cần phải thiết lập lại thông số mạng.

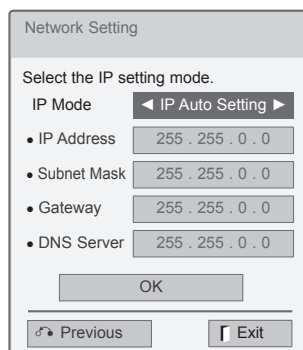
Để biết thêm chi tiết, hãy liên hệ với nhà cung cấp mạng và hướng dẫn sử dụng.



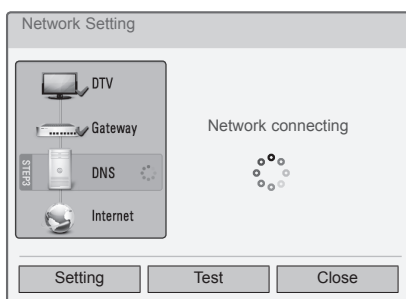
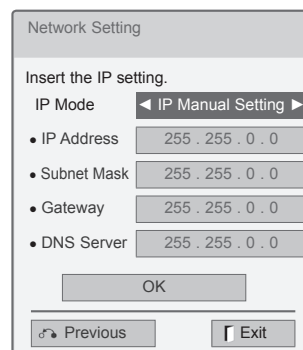
Cài đặt thiết lập mạng Network Setting



Thiết lập IP tự động



Thiết lập IP bằng tay



1 Chọn **NETWORK**.

2 Chọn **Network Setting**.

3 Chọn **Wired**.

4 Nếu mạng đã sẵn sàng, hãy chọn **Resetting**.
Thiết lập mạng mới sẽ được cài đặt lại

5 Chọn **IP Auto Setting** hoặc **IP Manual Setting**.

Khi chọn **IP Manual Setting**:
Hãy điền thông số địa chỉ IP vào.

6 Chọn **OK**.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOẠI VI

- Đặc tính này luôn đòi hỏi kết nối mạng băng thông rộng.
- Bạn không cần phải kết nối với PC để thực hiện chức năng này.
- Nếu **Network Setting** không hoạt động, hãy kiểm tra quy cách mạng, cáp nối mạng LAN. Đảm bảo rằng tín hiệu DHCP trên Router vẫn sáng nếu bạn muốn sử dụng chức năng thiết lập tự động.
- Nếu **Network Setting** chưa hoàn thành, mạng sẽ không hoạt động bình thường.
- **IP Auto Setting**: Hãy chọn mục này, nếu có máy chủ DHCP mạng nội bộ (LAN) kết nối với nhau bằng kết nối có dây, TV sẽ tự động gán địa chỉ IP. Nếu bạn sử dụng thiết bị định tuyến băng thông rộng (Broadband Router) hoặc thiết bị điều biến băng thông rộng (Broadband Modem), nó sẽ có chức năng máy chủ DHCP (Dynamic Host Configuration Protocol - Giao thức cấu hình host động). Địa chỉ IP sẽ tự động được gán vào.
- **IP Manual Setting**: Chọn mục này, sẽ không có DHCP (Giao thức cấu hình host động) và bạn phải điền địa chỉ IP vào.

! CHÚ Ý

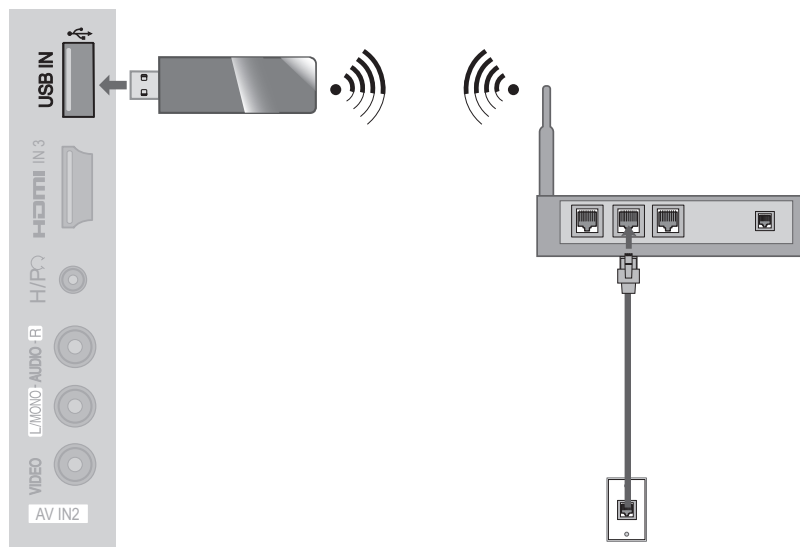
- ▶ Để biết thêm thông tin về cài đặt Netcast và khắc phục sự cố, hãy đăng nhập vào địa chỉ **http://lgknowledgebase.com**. Search for Netcast.
- ▶ Sử dụng cáp mạng LAN tiêu chuẩn. Cáp Cat5 và đầu nối chuẩn RJ45.
- ▶ Nếu có vấn đề về mạng kết nối, bạn hãy khởi động lại Router và Modem. Khi kết nối với các thiết bị qua hệ thống mạng nội bộ, hãy tắt nguồn nhanh hoặc cắm lại dây nguồn của Router mạng nội bộ hoặc của Modem. Sau đó khởi động lại nguồn hoặc cắm lại dây nguồn.
- ▶ Tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP), thiết bị nhận dịch vụ internet có thể bị giới hạn bởi những yêu cầu của dịch vụ. Chi tiết liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP).
- ▶ LG sẽ không chịu trách nhiệm với bất kỳ trục trặc nào của TV hay các thiết bị kết nối internet mà những lỗi đó liên quan đến kết nối bằng thông rộng hoặc bất cứ kết nối nào khác.
- ▶ LG không chịu trách nhiệm với những vấn đề liên quan đến kết nối internet.
- ▶ Một số chức năng có thể hoạt động qua hệ thống kết nối mạng nhưng lại không tương thích với TV. Nếu bạn thắc mắc hãy liên hệ với nhà sản xuất.
- ▶ Bạn sẽ có những sự cô không mong muốn nếu như tốc độ kết nối mạng không đáp ứng yêu cầu nội dung truy cập.
- ▶ Một số hoạt động kết nối internet có thể không được do những hạn chế nhất định của nhà cung cấp dịch vụ internet cung cấp dịch vụ internet bằng thông rộng.
- ▶ Bất kỳ một chi phí nào phải trả nhà cung cấp ISP, bạn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- ▶ Để kết nối với TV bạn phải sử dụng cổng mạng LAN chuẩn A 10 Base-T hoặc 100 Base-TX LAN. Nếu gói dịch vụ internet không cho phép kết nối thế, bạn sẽ không thể kết nối được với TV.
- ▶ Modem ADSL đòi hỏi sử dụng dịch vụ mạng DSL. Phụ thuộc vào phương pháp truy cập thỏa thuận thuê bao nhà cung cấp (ISP), bạn không thể dùng các chức năng kết nối internet trong TV này hoặc bạn có thể bị giới hạn số lượng các thiết bị mà bạn kết nối trong cùng một thời điểm. (Nếu ISP giới hạn, thì khi đó TV không được phép kết nối khi PC đang kết nối).
- ▶ Sử dụng “Router” có thể không được phép hoặc việc sử dụng nó có thể bị giới hạn điều đó phụ thuộc vào chính sách và hạn chế của ISP. Biết thêm chi tiết, hãy liên hệ trực tiếp với ISP.
- ▶ Mạng không dây hoạt động ở tần số vô tuyến 2.4 GHz, các thiết bị gia dụng khác như điện thoại không dây, thiết bị Bluetooth®, lò vi sóng, cũng hoạt động ở tần số đó, và chính vì vậy nó có thể bị ảnh hưởng vì nhiễu từ. Nó có thể bị gián đoạn bởi các thiết bị sử dụng tần số 5 GHz. Nó giống với hộp phương tiện không dây LG, điện thoại không dây, và các thiết bị không dây khác.
- ▶ Điều kiện xung quanh có thể làm ảnh hưởng tới tốc độ dịch vụ mạng không dây.
- ▶ Hãy tắt cả các thiết bị mạng không sử dụng trong mạng nội bộ gia đình. Một số thiết bị có thể phát ra lưu thông mạng.
- ▶ Trong một số trường hợp, việc đặt các điểm truy cập, bộ định tuyến không dây cao hơn sàn nhà có thể cải thiện khả năng tiếp nhận.
- ▶ Chất lượng tiếp nhận không dây phụ thuộc vào một số yếu tố như kiểu điểm truy cập, khoảng cách giữa TV và điểm truy cập và vị trí của TV.
- ▶ Khi kết nối internet thông qua thiết bị chia sẻ không dây và có dây, nó có thể ngắt kết nối vì những hạn chế và xác nhận của công ty cung cấp dịch vụ.
- ▶ Để kết nối điểm truy cập không dây, và điểm truy cập đó hỗ trợ kết nối không dây là cần thiết, và chức năng kết nối không dây của điểm truy cập đó cần được kích hoạt. Hãy hỏi nhà cung cấp AP về khả năng kết nối không dây của AP.
- ▶ Xin vui lòng xác minh các thiết lập bảo vệ của AP SSID cho kết nối điểm truy cập không dây, và tham khảo nhà cung cấp AP về những thiết lập bảo vệ AP SSID.
- ▶ TV có thể bị chậm hoặc trục trặc do thiết lập lỗi các thiết bị mạng (bộ định tuyến có dây/không dây, hub...). Hãy lắp đặt đúng bằng cách tham khảo hướng dẫn sử dụng các thiết bị và cài đặt mạng.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOÀI VI

Nối mạng không dây

Thiết bị LG Wireless LAN for Broadband/DLNA Adaptor, kết nối TV với mạng LAN không dây.

Cấu hình mạng và phương thức kết nối có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu người sử dụng và môi trường mạng. Tham khảo hướng dẫn cài đặt cung cấp kèm theo các thiết bị.



- 1 Kết nối “LG Wireless LAN for Broadband/DLNA Adaptor” với cổng **USB IN 1** hoặc **USB IN 2** của TV.
- 2 Chọn “**Network Setting**” trên menu **NETWORK**. Sau khi kết nối, bạn có thể sử dụng menu **NetCast**.

Cài đặt mạng không dây

Để kết nối TV với hệ thống mạng, hãy cài đặt AP (**Access Point** - Điểm truy cập) hoặc **Wireless Router** (Bộ định tuyến không dây).



1 Chọn **NETWORK**.

2 Chọn **Network Setting**.

3 Chọn **Wireless**.

4 Nếu mạng đã sẵn sàng, hãy chọn **Resetting**. Thiết lập mạng mới sẽ được cài đặt lại.

5 Chọn **Setting from the AP list**.

6 Quét tất cả các AP (Điểm truy cập) hoặc Wireless Routers sẵn có và hiển thị thành một danh sách.

7 Chọn AP (Access Point) hoặc Wireless Router trên danh sách (Nếu AP bị khóa, hãy nhập mã bảo vệ vào).

8 Nhập mã bảo vệ của AP.

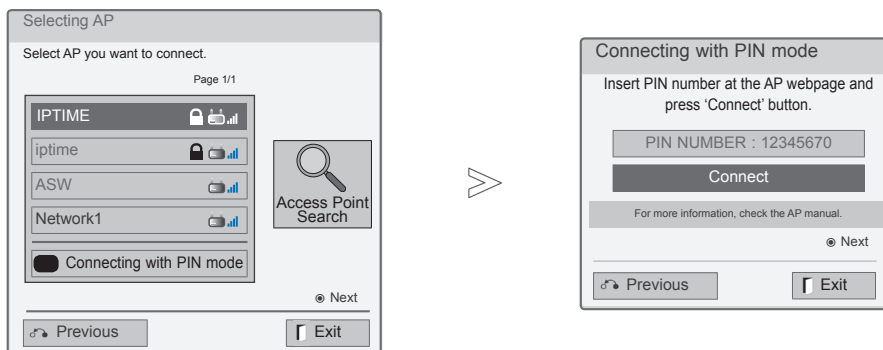
9 Nhắc lại bước 4-5 trang 17.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOÀI VI

Khi mã số bảo mật được thiết lập

PIN (Personal Identification Number)

Nếu bạn muốn kết nối điểm truy cập (Access Point) hoặc Router với PIN (Mã số nhận dạng), hãy sử dụng chức năng này.

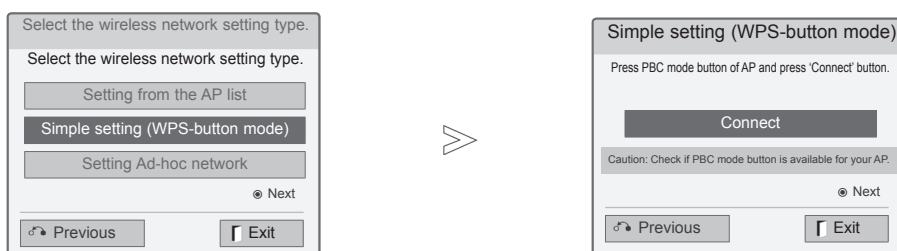


- 1 Nhắc lại bước 1-7 T.21.
- 2 **RED** Kết nối Access Point với chế độ **PIN**.
- 3 Bạn có thể thấy ID mạng và mã số bảo vệ hiển thị trên màn hình TV.
Hãy nhập mã PIN vào.
- 4  Chọn **Connect**.
- 5 Nhắc lại bước 4-5 T.17.

■ Mã số PIN gồm có 8 chữ số duy nhất.

WPS (Cài đặt bảo vệ Wi-Fi)

Nếu điểm truy cập hoặc Wireless Router phù hợp với PIN hoặc WPS, có thể sử dụng điểm truy cập hoặc Wireless Router trong vòng 120 điểm. Bạn cần phải biết tên của điểm truy cập (SSID: Service Set Identifier - Tên vùng dịch vụ mạng WIFI) và mã bảo vệ của điểm truy cập (Access point) hoặc bộ định tuyến không dây (Wireless Router).



1 Nhắc lại bước 1-4 T.21.

2   Chọn **Simple setting (WPS-button mode)**.

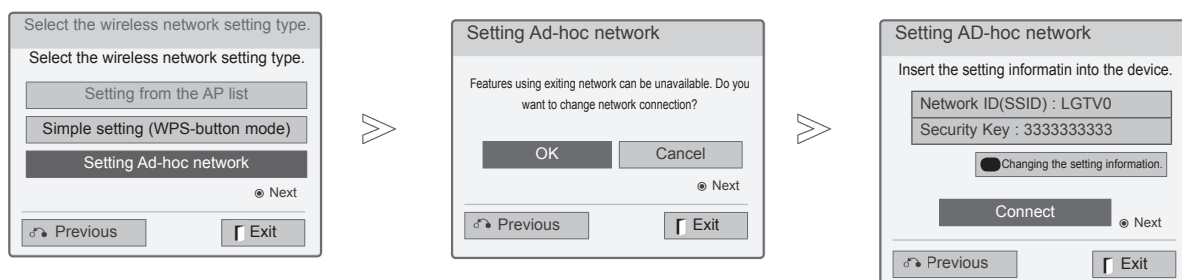
3  Chọn **Connect**.

4 Nhắc lại các bước 4-5 T.17.

CÀI ĐẶT THIẾT BỊ NGOÀI VI

Chế độ kết nối trực tiếp (AD-hoc)

Đây là phương pháp kết nối trao đổi thông tin trực tiếp giữa các máy không cần điểm truy cập (AP). Phương pháp này giống như kết nối hai máy tính (PC) với nhau thông qua cáp chéo (Cross Cable).



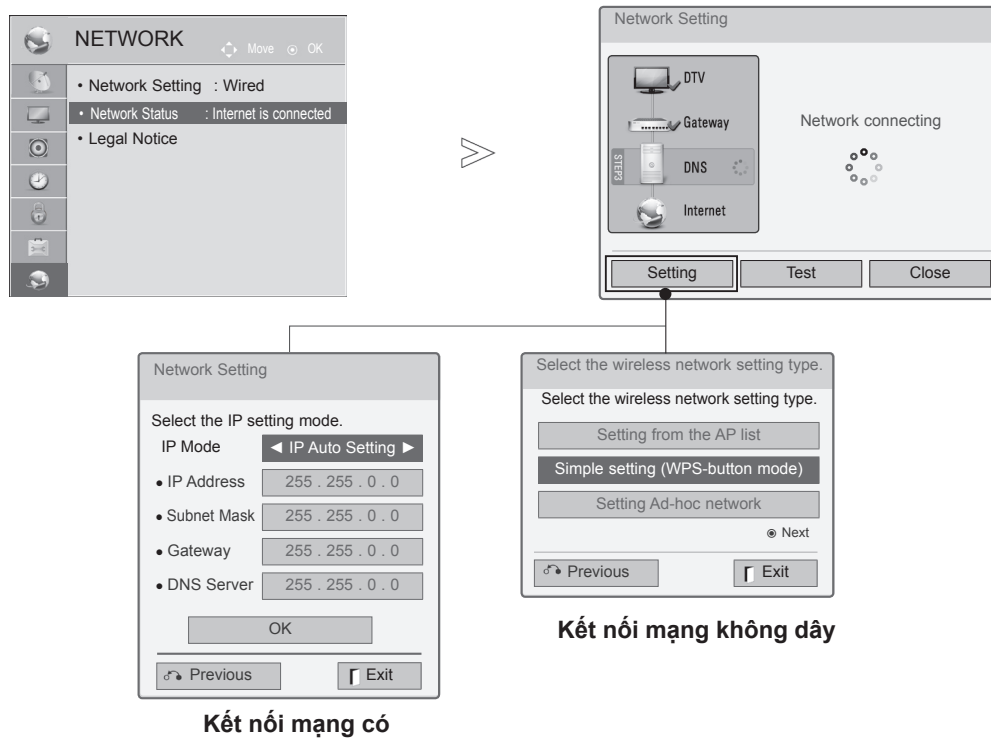
1 Nhắc lại bước 1-3 T.21.

2   Chọn **Setting Ad-hoc network**.

3    Chọn **OK**.

4  Chọn **Connect** để bật kết nối mạng trực tiếp (Ad-hoc). Bạn có thể thấy địa chỉ mạng (Network ID) và khóa bảo mật (Security Key) trên màn hình TV. Hãy nhập địa chỉ (Network ID) và khóa bảo mật (Security Key) này vào.. Nếu mạng không hoạt động hãy thay đổi thiết lập thông số bằng cách nhấn phím RED.

Trạng thái mạng



1. Chọn **NETWORK**.
2. Chọn **Network Status**.
3. Kiểm tra lại trạng thái mạng

- **Setting:** Quay trở lại trình đơn thiết lập mạng hoặc trình đơn thiết lập mạng không dây.
- **Test:** Kiểm tra trạng thái mạng hiện thời sau khi thiết lập.
- **Close:** Quay lại trình đơn trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

DÒ KÊNH TV

Khi TV bật, bạn có thể sử dụng chức năng này.

- 1 Trước tiên, hãy cắm dây nguồn đúng.
Khi cắm dây nguồn, TV chuyển sang chế độ
- 2 Ở chế độ chờ, để bật TV hãy nhấn phím  / **I**, **INPUT** hoặc **P**   trên TV hoặc nhấn phím **POWER**, **INPUT**, **P**   hoặc phím **NUMBER** trên điều khiển từ xa.

CÀI ĐẶT GỐC

- 1 Nếu OSD (On Screen Display) hiển thị trên màn hình khi TV được bật, bạn có thể điều chỉnh ngôn ngữ (**Language**) (Ngoại trừ Australia, New Zealand, Singapore, South Africa), thiết lập chế độ (**Mode Setting**), **Power Indicator** (Khi chọn **Home Use** từ **Mode Setting**), **Country** (chỉ có Australia, New Zealand), Múi giờ (**Time Zone**) (chỉ có Australia), Dò kênh tự động (**Auto Tuning**).

Chú ý:

- a. Nếu bạn thoát ra mà chưa hoàn thành xong cài đặt gốc, trình đơn cài đặt gốc (Initial Setting) sẽ hiển thị lần nữa.
- b. Nhấn phím BACK để thay đổi OSD hiện thời quay lại OSD trước đó.
- c. Với những quốc gia không cần xác nhận tiêu chuẩn phát sóng DTV và DTV một số chức năng có thể không làm việc tùy thuộc vào môi trường phát sóng DTV.(Chỉ có DTV)
- d. "Home Use" là chế độ sử dụng ở nhà, là chế độ mặc định của TV.
- e. "Store Demo" là chế độ hiển thị ở các cửa hàng. Nếu người sử dụng thay đổi dữ liệu chất lượng hình ảnh, chế độ "Store Demo" sẽ thiết lập lại chất lượng hình ảnh ta đặt trước đó sau một thời gian nào đó.
- f. Chế độ (Home Use, Store Demo) có thể thay đổi khi thiết lập chế độ (Mode Setting) trên menu OPTION.

LỰA CHỌN CHƯƠNG TRÌNH

- 1 Nhấn phím **P**   hoặc phím số để lựa chọn số chương trình.

ĐIỀU CHỈNH ÂM LƯỢNG

- 1 Nhấn phím  + hoặc - để điều chỉnh âm lượng.

- 2 Nếu muốn tắt tiếng hãy nhấn phím MUTE.

Bạn có thể hủy bỏ chức năng này bằng cách nhấn phím  + , - hoặc phím AV Mode.

MENU NHANH (QUICK MENU)

OSD (hiển thị trên màn hình) TV nhà bạn có thể khác so với trong hướng dẫn.

Q.Menu (Menu nhanh) là menu hiển thị các chức năng sử dụng thường xuyên.

 **Aspect Ratio**: Lựa chọn kiểu hình ảnh mong muốn. Với Zoom Setting, chọn 14:9, Zoom và Cinema Zoom trên menu Ratio. Sau khi kết thúc Zoom Setting, Q.Menu. hiển thị quay trở lại

 **Clear Voice II** : Bằng việc phân biệt phạm vi âm thanh của người với các âm thanh khác, chức năng này giúp ta nghe tiếng của người tốt hơn.

 **Picture Mode** : Lựa chọn chế độ hình ảnh ưa thích của bạn.

 **Sound Mode** : Đây là đặc tính tự động thiết lập kết hợp âm thanh phù hợp nhất với hình ảnh đang xem. Chọn chế độ âm thanh mong muốn Sound Mode.

 **Audio Language** : Lựa chọn âm thanh đầu ra.

 **Sleep Timer** : Hẹn giờ tắt

 **Skip Off/On** : Lựa chọn Skip Off/On. **USB**

 **Device** : Chọn "Eject" tắt kết nối với ổ USB. (ngoại trừ mdel 22/26/32LD3**).

 **Energy Saving** : Chọn chế độ tiết kiệm điện mong muốn. (dùng cho model 22/26/32LD3**)

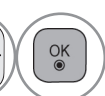


or



1   Hiển thị từng menu một

2  Lựa chọn thiết bị mong muốn

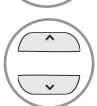
3  

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

LỰA CHỌN VÀ ĐIỀU CHỈNH TRÊN MENU HIỂN THỊ

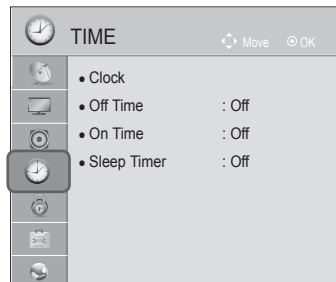
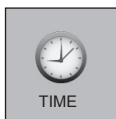
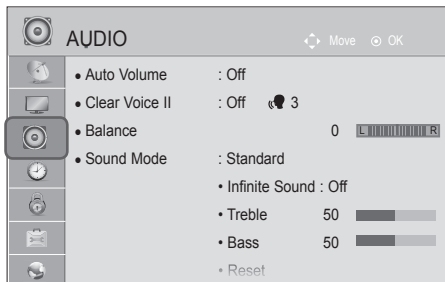
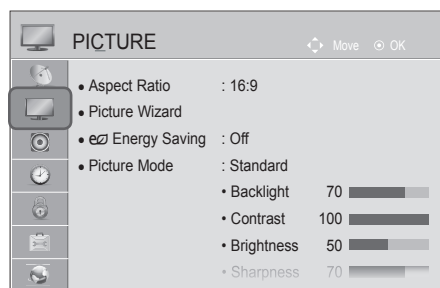
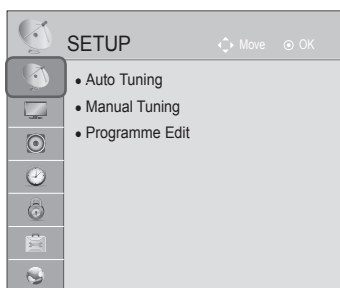
OSD (hiển thị trên màn hình) TV của bạn có thể khác so với trong hướng dẫn.

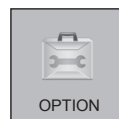
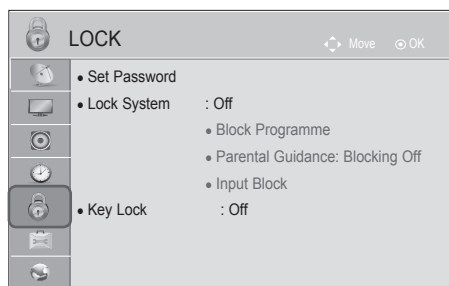
- 1   Hiển thị từng menu.
- 2   Chọn từng mục của Menu.
- 3  Di chuyển tới pop up menu.

- Nhấn phím **RED**, có thể kiểm tra Menu **Customer Support**.
- Nhấn phím **GREEN**, kiểm tra Menu **Simple Manual**.
- Nhấn phím **MENU/EXIT** trở về chế độ xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** quay trở lại màn hình trước đó.

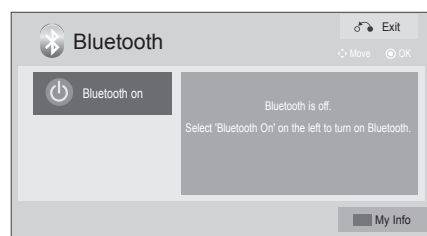
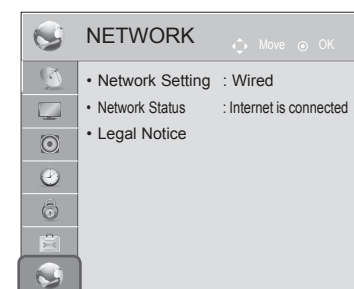
! CHÚ Ý

- ▶ Chỉ có thể sử dụng menu **Country** ở Australia và New Zealand.
- ▶ Chỉ có thể sử dụng menu **Hard of Hearing**, **Parental Guidance** ở chế độ phát DTV.



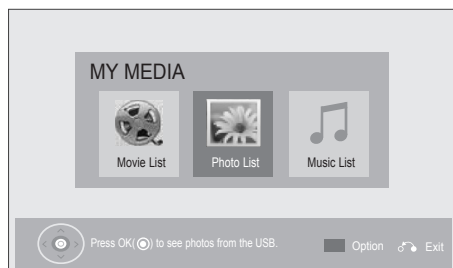
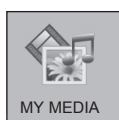


- Để biết thêm chi tiết, tham khảo hướng dẫn cài đặt và sử dụng “Wireless Media Box & Wireless Dongle”.



(Chỉ có ở model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

(Chỉ có ở model 32/37/42/47/55LE7***,

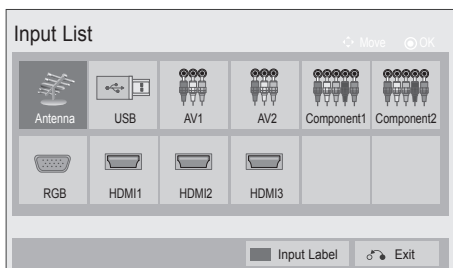
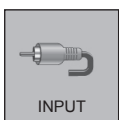


(Ngoại trừ model 22/26/32LD3**)



(Chỉ có ở model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



(Ngoại trừ model 22/26/32LD3**)

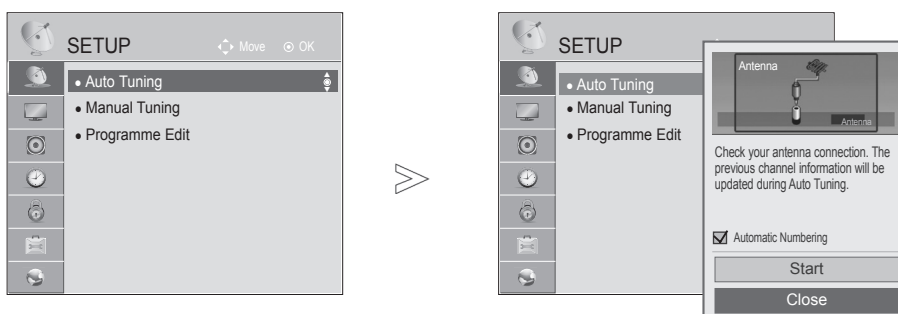
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

DÒ KÊNH TỰ ĐỘNG

Dùng chức năng này để tự động tìm và lưu trữ tất cả các kênh có thể.

Khi bắt đầu thực hiện dò kênh, tất cả các thông tin đã lưu trước đó sẽ bị xóa.

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



1. Chọn **SETUP**.
2. Chọn **Auto Tuning**.
3. Chọn **Start**.
4. Chạy **Auto tuning**.

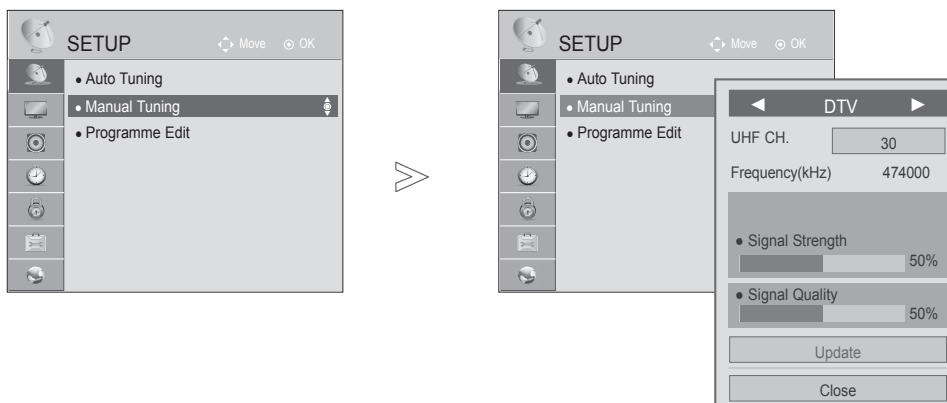
- Dùng phím số để nhập mật khẩu gồm 4 ký tự vào hộp thoại **Lock System 'On'**.
- Nếu muốn tiếp tục dò kênh tự động hãy chọn **Start** bằng cách nhấn phím **^** **v**. Sau đó nhấn phím **OK**. Cách khác là chọn **Close**.
- **Automatic Numbering**: Quyết định liệu có sử dụng số chương trình phát bởi các trạm phát sóng để dò hay không. (chỉ dùng cho hệ phát DTV)

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

DÒ KÊNH BẰNG TAY

(Ở CHẾ ĐỘ KỸ THUẬT SỐ)(CHỈ DÙNG CHO HỆ DTV)

Dò kênh bằng tay giúp bạn dò và sắp xếp các kênh theo sở thích của bạn.



1. Chọn **SETUP**.
2. Chọn **Manual Tuning**.
3. Chọn **DTV**.
4. Chọn số kênh bạn ưa thích.
5. Cập nhật

• Dùng phím số để nhập mật khẩu gồm 4 ký tự vào hộp thoại **Lock System 'On'**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

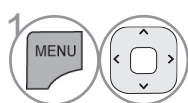
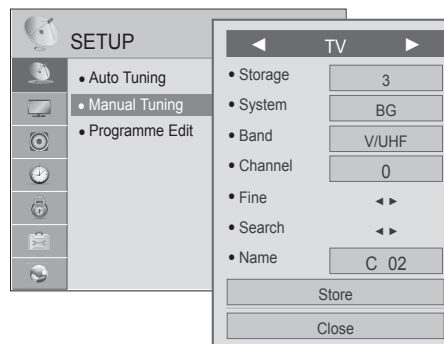
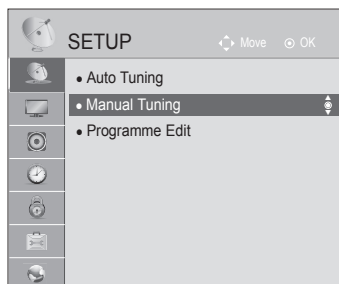
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

DÒ KÊNH BẰNG TAY

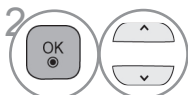
(Ở CHẾ ĐỘ TÍN HIỆU ANALOGUE)

Dò kênh bằng tay giúp bạn dò và sắp xếp các kênh theo sở thích của bạn.

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



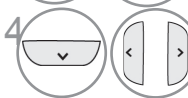
Chọn **SETUP**.



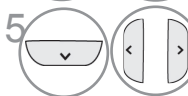
Chọn **Manual Tuning**.



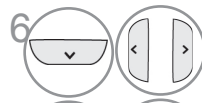
Chọn **TV**. (Chỉ ở hệ DTV)



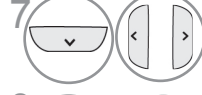
Chọn kênh muốn lưu.



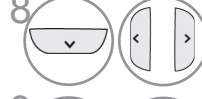
Lựa chọn hệ TV.
(Ngoại trừ Australia)



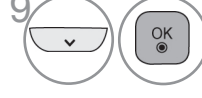
Chọn **V/UHF** hoặc **Cable**.



Chọn số đặt kênh ưa thích.



Bắt đầu dò.



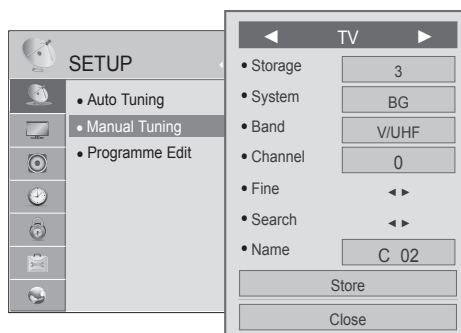
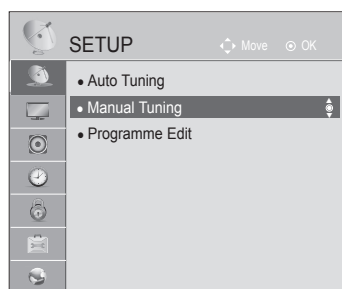
Chọn **Store** để lưu chương trình.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

- Dùng phím số để nhập mã khóa gồm 4 ký tự vào hộp thoại **Lock System 'On'**.
- **BG** : PAL B/G (New Zealand / South Africa / Singapore / Indonesia / Israel / Malaysia / Vietnam / Asia)
- **DK** : PAL D/K (New Zealand / South Africa / Singapore / Indonesia / Israel / Malaysia / Vietnam / Asia)
- **I** : PAL I/II (New Zealand / South Africa / Singapore / Indonesia / Israel / Malaysia / Vietnam / Asia)
- **B/B** : Australia
- **M** : NTSC-M (South Africa / Indonesia / Israel / Malaysia / Vietnam / Asia)
- Để lưu các kênh khác lặp lại bước 4 - 9.

(Ở CHẾ ĐỘ ANALOGUE)

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



■ Gán tên chương trình.

Bạn có thể gán tên có 5 ký tự cho mỗi chương trình.

- 1 Chọn **SETUP**.
- 2 Chọn **Manual Tuning**.
- 3 Chọn **TV**. (Chỉ có ở hệ DTV)
- 4 Chọn **Name**.

- Lựa chọn vị trí và gán tên cho chương trình bạn thích.
Bạn có thể dùng các ký tự từ **A** đến **Z**, các số từ **0** đến **9**, **+/-**, và các ký tự trống.
- 5 Chọn **Close**.
 - 6 Chọn **Store** để lưu chương trình.

■ Tinh chỉnh

Bình thường việc tinh chỉnh chỉ cần thiết khi tín hiệu quá xấu.

- 1 Chọn **SETUP**.
- 2 Chọn **Manual Tuning**.
- 3 Chọn **TV**. (Chỉ ở hệ DTV)
- 4 Chọn **Fine**.
- 5 Tinh chỉnh để có chất lượng hình ảnh, âm thanh tốt nhất.
- 6 Chọn **Store** để lưu chương trình.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH

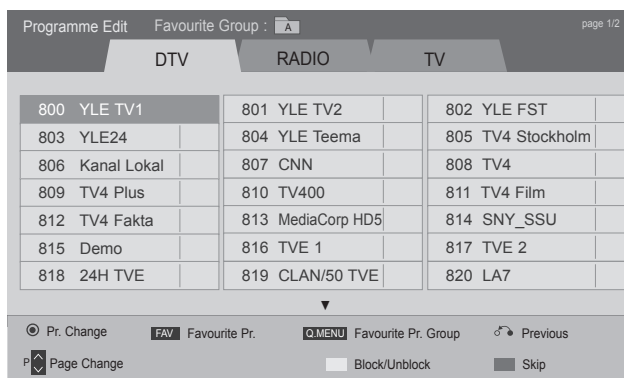
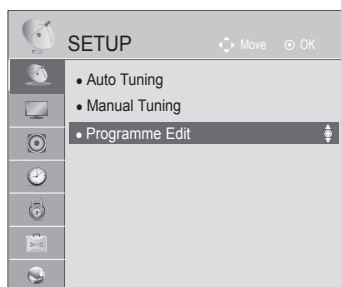
Khi số chương trình bị bỏ qua, nghĩa là không thể lựa chọn nút P ∨ ^ khi xem TV.

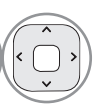
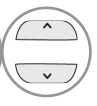
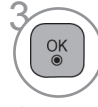
Nếu bạn muốn chọn chương trình bị bỏ qua, hãy nhập trực tiếp số kênh bằng phím số hoặc chọn trong menu Programme edit.

Chức năng này cho phép bạn bỏ qua chương trình đã lưu.

Bạn có thể thay đổi số chương trình bằng cách dùng chức năng di chuyển “Move”, nếu “Automatic Numbering” không được đánh dấu.

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.

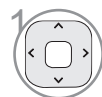


- 1   Chọn **SETUP**.
- 2   Chọn **Programme Edit**.
- 3  Nhấn **Programme Edit**.
- 4  Lựa chọn chương trình để lưu hoặc bỏ qua.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Ở CHẾ ĐỘ DTV/RADIO (Chỉ ở hệ DTV)

■ Khóa chương trình



1 Lựa chọn chương trình muốn khóa.



2 Bật số chương trình sang màu vàng.



3 Thoát ra.

■ Bỏ qua một chương trình.



1 Chọn chương trình cần bỏ qua.



2 Bật số chương trình sang màu xanh.



3 Thoát ra.

- Khi chương trình bị bỏ qua, những chương trình bị bỏ qua sẽ hiển thị màu xanh và không thể chọn nó bằng phím **P** ^ v khi xem TV.
- Nếu bạn muốn chọn chương trình bị bỏ qua, hãy nhấn trực tiếp số chương trình bằng các phím số hoặc chọn trong Programme edit hoặc EPG (Lịch phát sóng điện tử).

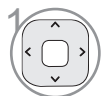
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Ở CHẾ ĐỘ TV

Chức năng này cho phép bạn xóa hoặc bỏ qua chương trình đã lưu.

Bạn cũng có thể di chuyển một số kênh và sử dụng các chương trình khác.

■ Xóa một chương trình



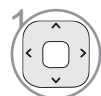
1 Chọn chương trình cần xóa.



2 **RED** Bật số chương trình sang màu đỏ.

- Chương trình đã chọn sẽ bị xóa, tất cả các chương trình ở sau sẽ được di chuyển lên.

■ Di chuyển chương trình



1 Chọn chương trình cần di chuyển.

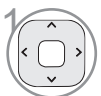


2 **GREEN** Bật chương trình đó sang màu xanh.



3 **GREEN** Thoát ra.

■ Khóa chương trình



1 Chọn chương trình cần khóa.

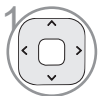


2 **YELLOW** Bật chương trình đó sang màu vàng.



3 **YELLOW** Thoát ra.

■ Bỏ qua một chương trình



1 Chọn chương trình cần bỏ qua.



2 **BLUE** Bật chương trình đó sang màu xanh.



3 **BLUE** Thoát ra.

- Khi chương trình bị bỏ qua, những chương trình bị bỏ qua sẽ hiển thị màu xanh và không thể chọn nó bằng phím **P** ^ v khi xem TV.
- Nếu bạn muốn chọn chương trình bị bỏ qua, hãy nhấn trực tiếp số chương trình bằng các phím số hoặc chọn trong Programme edit hoặc EPG (Lịch phát sóng điện tử).

■ Chọn chương trình yêu thích

Chương trình yêu thích là tính năng tiện lợi để tìm nhanh các chương trình mà bạn yêu thích.



1 Chọn chương trình bạn thích.



2 Thêm chương trình tương ứng vào danh sách yêu thích (Favourite list) của nhóm chương trình (Favourite group) hiện thời .



3 Thoát ra..

■ Chọn nhóm chương trình yêu thích



1 Chọn chương trình yêu thích.



2 Hiển thị cửa sổ kéo, nơi nhóm chương trình yêu thích có thể được thay đổi.



3 Chọn nhóm chương trình yêu thích (Favourite group)).

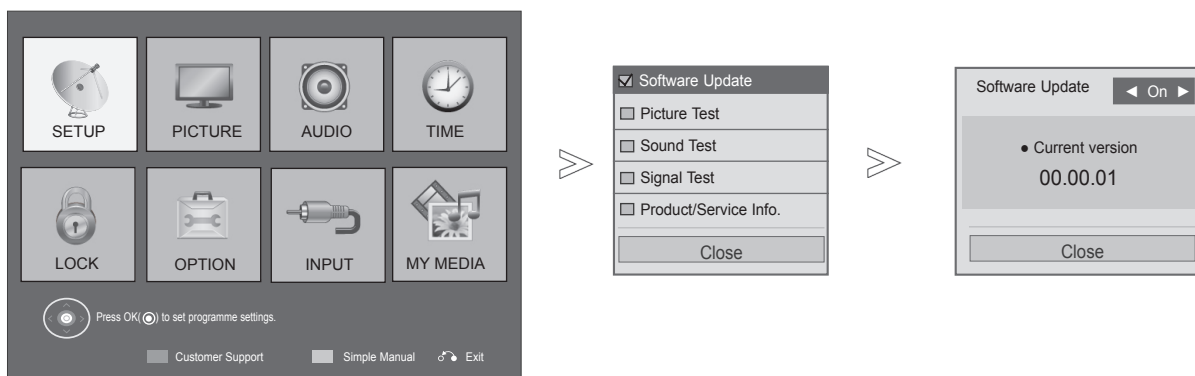
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

CẬP NHẬT PHẦN MỀM

(Ngoại trừ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Bạn có thể cập nhật phần mềm mới nhất cho TV, để TV hoạt động tốt nhất và có thêm những chức năng mới.

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



1. Chọn **Customer Support**.

2. Chọn **Software Update**.

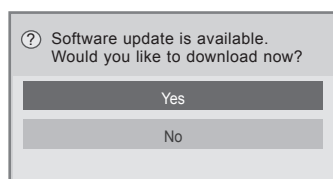
3. Chọn **On** hoặc **Off**.
• Nếu bạn chọn **On**, sẽ hiển thị một hộp thoại thông báo xác nhận cho người sử dụng chú ý phần mềm mới đã được tìm thấy.

4. Lưu lại

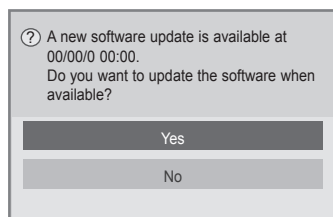
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

■ Thiết lập cập nhật phần mềm “Software Update”

Thỉnh thoảng, trên màn hình TV sẽ hiển thị truyền dẫn thông tin phần mềm kỹ thuật số đã cập nhật.



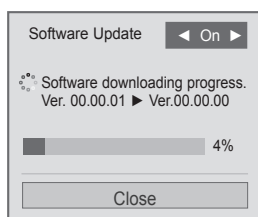
Simple Update : Cho dòng dữ liệu cập nhật hiện thời.



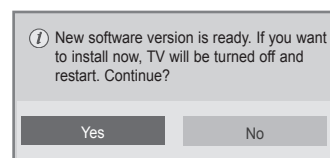
Schedule Update : Cho dòng dữ liệu cập nhật theo kế hoạch. Khi menu Software Update tắt "Off", hộp thông báo thay đổi sang chế độ bật "On" xuất hiện.

Quá trình tải dữ liệu bắt đầu khi chọn "Yes". Trong lúc này, cửa sổ quá trình tải dữ liệu không hiển thị nữa.

Ta có thể kiểm tra quá trình tải phai ở menu Software Update.



Một cửa sổ hiển thị như dưới đây xuất hiện khi quá trình tải dữ liệu hoàn thành. TV sẽ khởi động lại, nếu chọn "Yes".



- Trong quá trình tải dữ liệu bạn hãy chú ý:
- Nguồn TV luôn bật.
- Sau khi cập nhật phần mềm (Software Update), bạn có thể xác nhận phiên bản phần mềm cập nhật ở menu Software Update.
- Quá trình tải phần mềm có thể mất nhiều tiếng, vì vậy nguồn điện phải luôn bật. <Simple Update, Schedule Update>
- Không được rút ăng ten.
- Phần mềm chỉ được tải ở chế độ chờ (Standby mode) hoặc ở chế độ MUX với Software Update Service. Quá trình tải phần mềm dừng lại khi rút dây nguồn hoặc khi xem MUX cần Software Update Service.
- Khi quay về chế độ chờ (Standby mode) hoặc MUX với Software Update Service, quá trình tải dữ liệu sẽ tiếp tục bắt đầu từ lúc quá trình bị dừng lại.

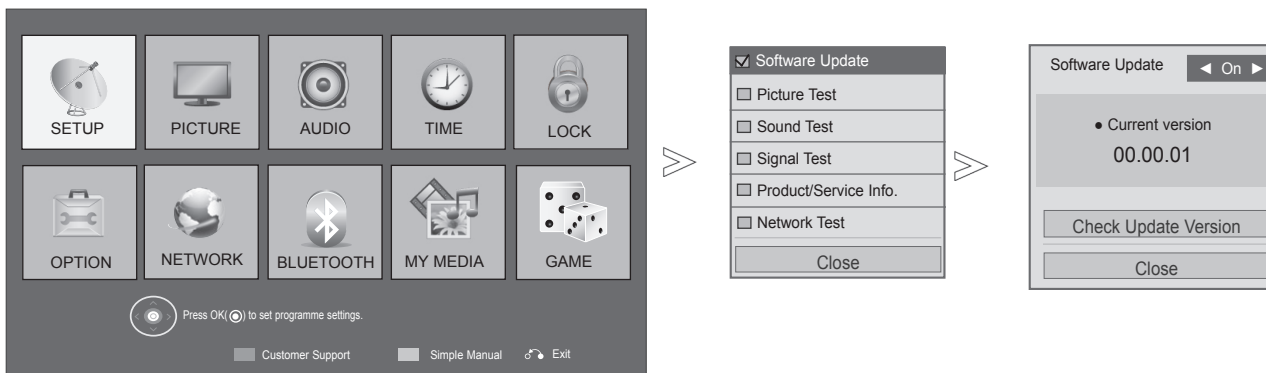
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

CẬP NHẬT PHẦN MỀM

(Chỉ cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Bạn có thể cập nhật phần mềm mới nhất cho TV, để TV hoạt động tốt nhất và có thêm những chức năng mới. Bạn có thể cập nhật phần mềm bằng cách kết nối trực tiếp TV với máy chủ nơi lưu trữ phần mềm cập nhật. Chức năng Software Update có thể làm việc không đúng do môi trường internet nhà bạn. Trong trường hợp này bạn có thể tìm phần mềm mới nhất từ trung tâm dịch vụ ủy quyền của LG để cập nhật cho TV nhà bạn.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



1 **RED** Chọn **Customer Support**.

2 Chọn **Software Update**.

3 Chọn **On** hoặc **Off**.
• Nếu bạn chọn **On**, sẽ hiển thị một hộp thoại thông báo xác nhận cho người sử dụng chú ý phần mềm mới đã được tìm thấy.

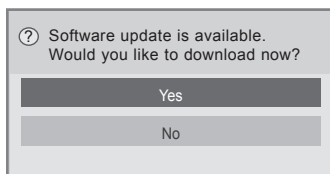
4 Lưu lại.

• Sử dụng **Check Update Version** để cập nhật bằng tay phần mềm mới nhất ở máy chủ mạng.

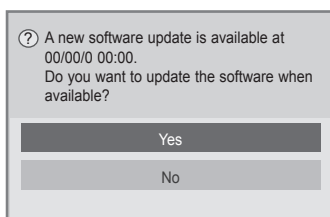
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

■ Thiết lập cập nhật phần mềm “Software Update”

Thình thoảng, trên màn hình TV sẽ hiển thị truyền dẫn thông tin phần mềm kỹ thuật số đã cập nhật.



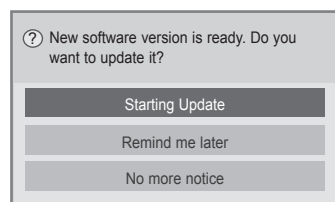
Simple Update : Cho dòng dữ liệu cập nhật hiện thời.



Schedule Update : Cho dòng dữ liệu cập nhật theo kế hoạch.

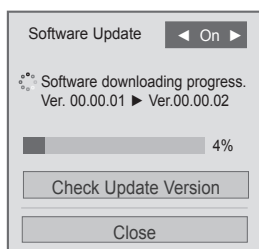
Khi menu Software Update tắt "Off", hộp thông báo thay đổi sang chế độ bật "On" xuất hiện.

Khi phần mềm mới đã sẵn sàng kết nối Internet, sẽ hiển thị một hộp thoại thông báo như sau.



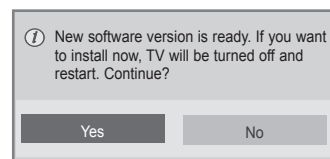
Quá trình tải dữ liệu bắt đầu khi chọn "Yes". Trong lúc này, cửa sổ quá trình tải dữ liệu không hiển thị nữa.

Ta có thể kiểm tra quá trình tải phai ở menu Software Update.



Một cửa sổ hiển thị như dưới đây xuất hiện khi quá trình tải dữ liệu hoàn thành.

TV sẽ khởi động lại, nếu chọn "Yes".



- Trong quá trình tải dữ liệu bạn hãy chú ý:

- Nguồn TV luôn bật.
- Sau khi cập nhật phần mềm (Software Update), bạn có thể xác nhận phiên bản phần mềm cập nhật ở menu Software Update.
- Quá trình tải phần mềm có thể mất nhiều tiếng, vì vậy nguồn điện phải luôn bật. <Simple Update, Schedule Update>
- Không được rút ăng ten.
- Phần mềm chỉ được tải ở chế độ chờ (Standby mode) hoặc ở chế độ MUX với Software Update Service. Quá trình tải phần mềm dừng lại khi rút dây nguồn hoặc khi xem MUX cần Software Update Service.
- Khi quay về chế độ chờ (Standby mode) hoặc MUX với Software Update Service, quá trình tải dữ liệu sẽ tiếp tục bắt đầu từ lúc quá trình bị dừng lại.

<Network Update>

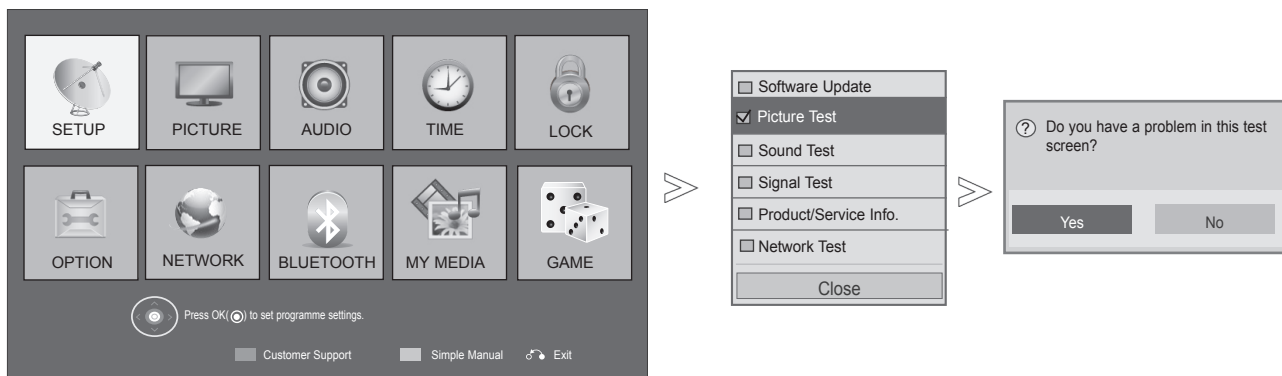
- Khi mở NetCast, yêu cầu cập nhật phần mềm mới, nếu bạn không cập nhật phần mềm mới, bạn sẽ không mở được NetCast.
- Bạn không mở được NetCast nếu quá trình cập nhật phần mềm chưa kết thúc.
- Hãy thoát khỏi kết nối mạng khi Update.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

KIỂM TRA HÌNH ẢNH / ÂM THANH

Đây là chức năng hỗ trợ khách hàng kiểm tra chất lượng hình ảnh và âm thanh của TV.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



1. **RED** Chọn **Customer Support**.
2. Chọn **Picture Test** or **Sound Test**.
3. Chọn **Yes** hoặc **No**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

DIAGNOSTICS (Only DTV)

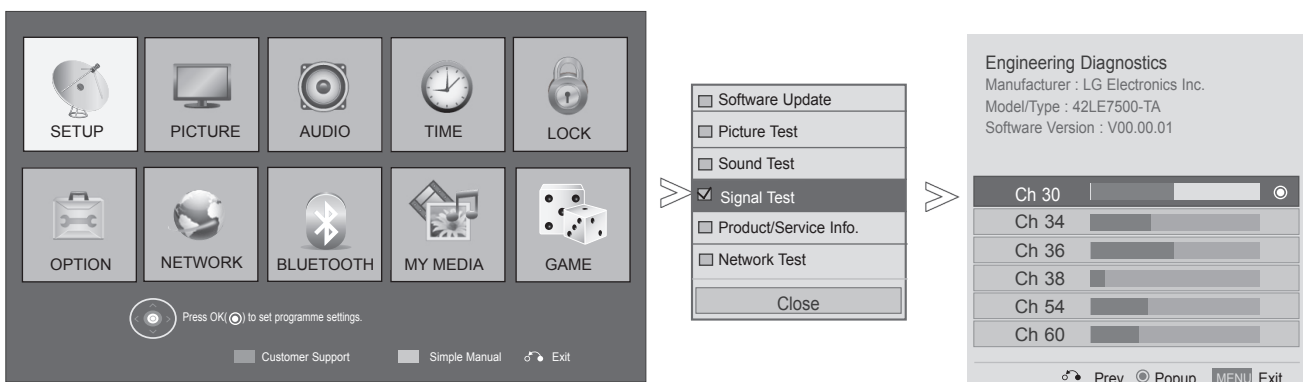
Chức năng này cho phép bạn xem thông tin của nhà sản xuất, kiểu loại model và phiên bản phần mềm của TV.

Hiển thị các thông tin và cường độ tín hiệu điều chỉnh *MUX.

Hiển thị các thông tin tín hiệu và tên dịch vụ khi chọn MUX.

(*MUX: Đây là thư mục cao cấp các kênh trong truyền hình kỹ thuật số (Một (Bộ dồn kênh) MUX đơn gồm có nhiều kênh).

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



1 **RED** Chọn **Customer Support**.

2 Chọn **Signal Test**.

3 Hiển thị thông tin nhà sản xuất, Kiểu loại Model và phiên bản phần mềm.

4 Hiển thị thông tin của kênh.

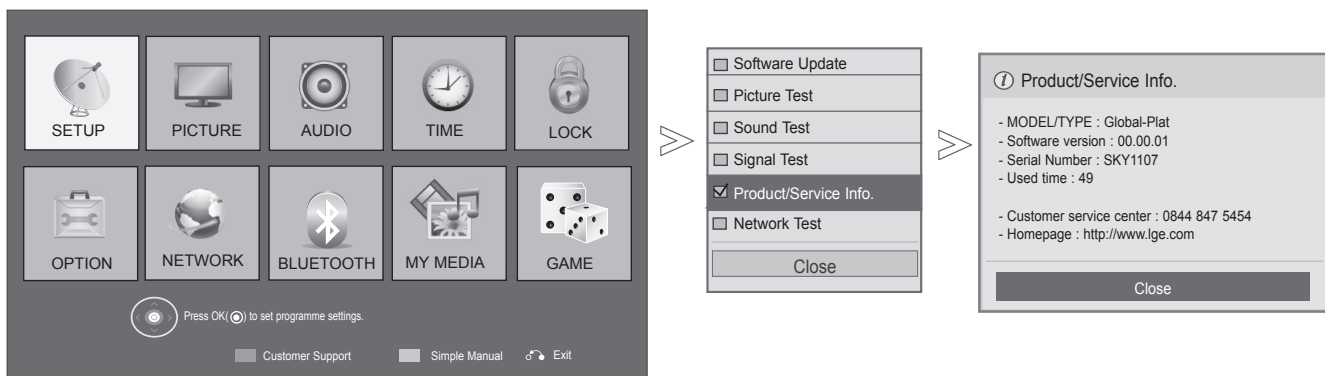
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

THÔNG TIN SẢN PHẨM / DỊCH VỤ

Đây là chức năng hỗ trợ khách hàng xem thông tin sản phẩm các dịch vụ và thông tin trung tâm dịch vụ khách hàng.

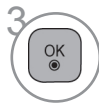
■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



RED Chọn **Customer Support**.



Chọn **Product/Service Info..**



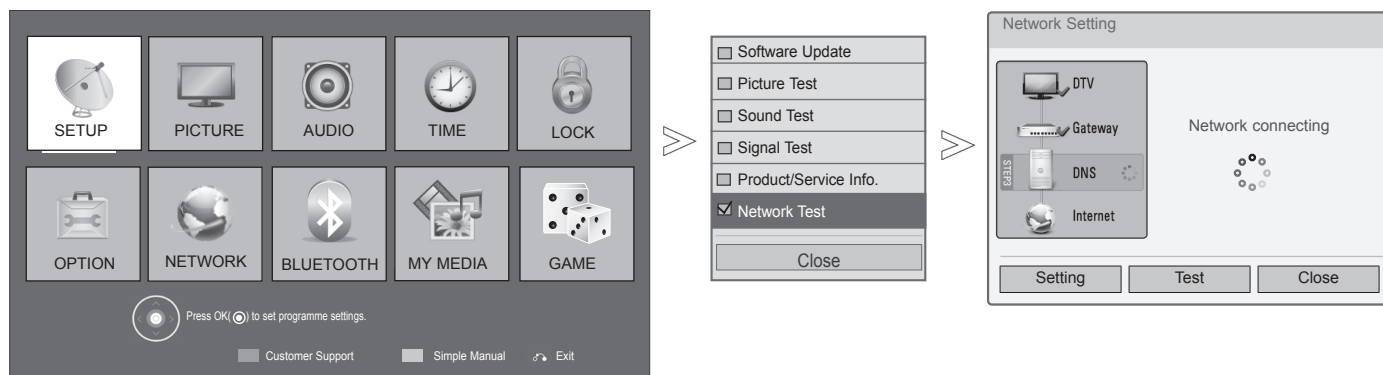
Hiển thị MODEL/TYPE, phiên bản phần mềm, Số Serial, thời gian sử dụng, trung tâm dịch vụ khách hàng và trang chủ nhà sản xuất.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

KIỂM TRA MẠNG

(Chỉ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Kiểm tra trạng thái mạng.



1. Chọn **Customer Support**.
2. Chọn **Network Test**.
3. Kiểm tra trạng thái mạng.

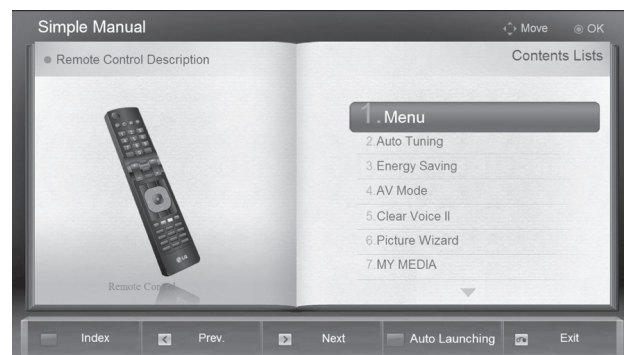
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NHANH

Bạn có thể dễ dàng truy cập thông tin của TV bằng cách mở chức năng hướng dẫn sử dụng nhanh trên TV. Khi xem hướng dẫn sử dụng nhanh, tiếng sẽ tắt.

■ Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



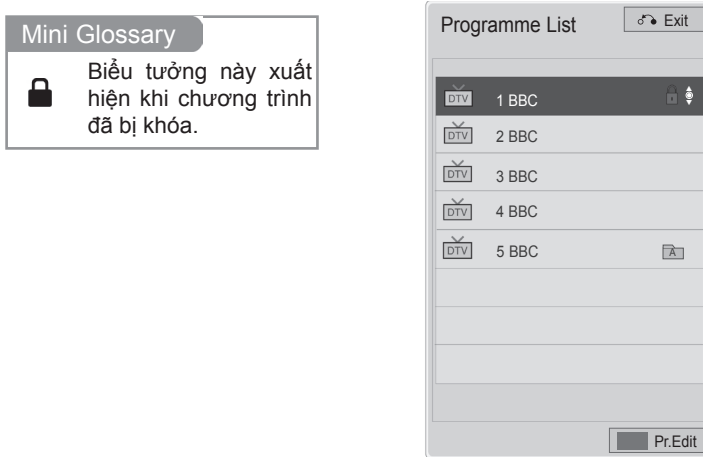
1. **GREEN** Chọn **Simple Manual**.

2. Chọn phần hướng dẫn sử dụng nhanh bạn muốn xem.

• Nhấn phím **EXIT** để quay trở lại xem TV bình thường.

LỰA CHỌN DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH

Bạn có thể kiểm tra các chương trình đã được lưu trong bộ nhớ bằng cách hiển thị danh sách chương trình.



■ Hiển thị danh sách chương trình

- 1  Hiển thị danh sách chương trình. **Programme List.**

- Bạn có thể thấy một số chương trình có màu xanh. Những chương trình này đã được thiết lập bị bỏ qua khi cài đặt chương trình tự động hoặc ở trong chế độ đặt chương trình.
- Một số chương trình với số kênh hiển thị trên danh sách chương trình cho thấy không có tên đài phát nào được đăng ký.

 Về chỉnh sửa chương trình.

■ Chọn chương trình trong danh sách chương trình

- 1  Chọn chương trình.
- 2  Chuyển sang chương trình đã chọn.

 Các chế độ sẽ chuyển đổi giữa TV, DTV, và Radio từ các chương trình mà bạn đang xem. (Chỉ ở DTV)

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

■ Đánh dấu danh sách chương trình



Mở trang danh sách.



Quay về chế độ xem TV bình thường.

■ Hiển thị danh sách chương trình



Hiển thị danh sách chương trình yêu thích.



Về đặt chương trình.



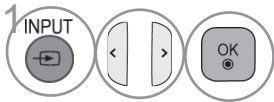
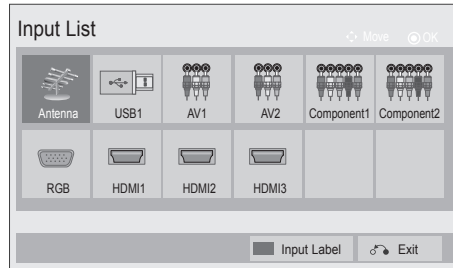
Những kênh hiện thời đã được đăng ký/hủy bỏ như những kênh được yêu thích trong nhóm được chọn hiện thời.



DANH SÁCH ĐẦU VÀO

Bằng cách nhấn phím **TV/RAD**, bạn có thể chuyển từ đầu ngoài vào (External Input) sang đầu vào RF (RF Input) và những chương trình đã xem gần nhất ở chế độ DTV/RADIO/TV. (Chỉ ở DTV)

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



Chọn nguồn đầu vào

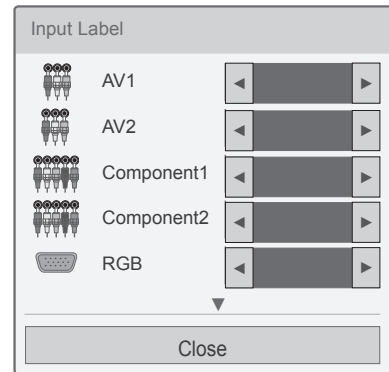
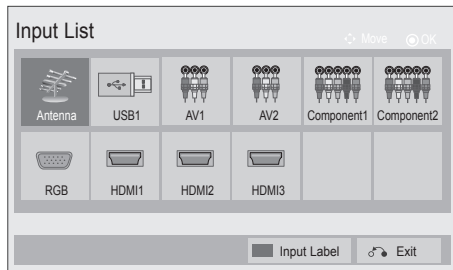
- **Antenna** : Chọn khi xem TV. (Chỉ ở DTV : Chọn khi xem DTV/TV/RADIO.)
- **USB** : Chọn khi dùng USB phụ thuộc vào kết nối.
- **AV** : Chọn khi xem VCR hoặc các thiết bị ngoại vi.
- **Component** : Chọn khi dùng đầu DVD hoặc đầu thu KTS phụ thuộc vào kết nối.
- **RGB** : Chọn khi dùng máy tính (PC) phụ thuộc vào kết nối.
- **HDMI** : Chọn khi dùng đầu DVD, PC hoặc đầu thu KTS phụ thuộc vào kết nối.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

NHẤN ĐẦU VÀO

Lựa chọn nhấn cho mỗi nguồn đầu vào.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



- 1  **BLUE** Chọn **Input Label**.
- 2  Chọn nguồn.
- 3  Chọn nhấn.

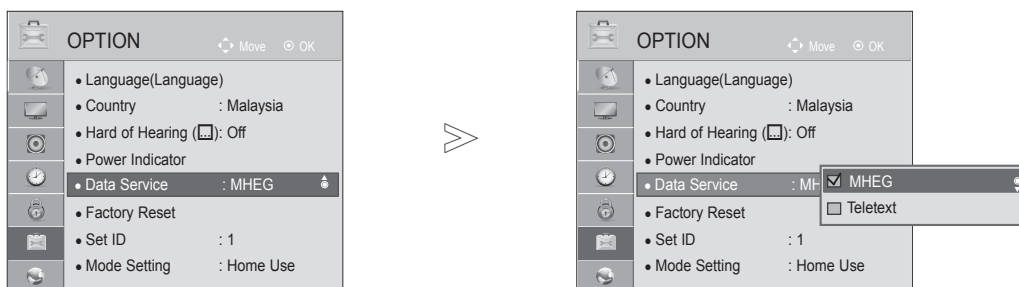
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

DỊCH VỤ DỮ LIỆU

(Menu này chỉ cho phép ở South Africa, Malaysia.)

Chức năng này cho phép người sử dụng chọn giữa chế độ **MHEG (Digital Teletext)** và **Teletext** nếu cả hai đều có.

Nếu chỉ có một trong 2 chức năng trên, hoặc là **MHEG** hoặc là **Teletext** được chấp nhận bất chấp tùy chọn nào bạn chọn.



1.   Chọn **OPTION**.
2.   Chọn **Data Service**.
3.   Chọn **MHEG** hoặc **Teletext**.
4.  Lưu lại.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

CHỨC NĂNG SIMPLINK

Chức năng này chỉ hoạt động với những thiết bị có lô gô SIMPLINK.

Hãy kiểm tra lô gô SIMPLINK.

TV này có thể không hoạt động đúng khi sử dụng với các sản phẩm có chức năng HDMI-CEC.

Chức năng này cho phép bạn điều khiển và chơi các thiết bị AV kết nối với thiết bị hiển thị qua cáp HDMI không cần cáp bổ sung và cài đặt.

Nếu bạn không muốn sử dụng chức năng SIMPLINK, hãy chọn “**Off**”.

Trong kết nối đầu ra không dây, chức năng SIMPLINK không được hỗ trợ.



1 Hiển thị **SIMPLINK**.



2 Chọn **On** hoặc **Off**.

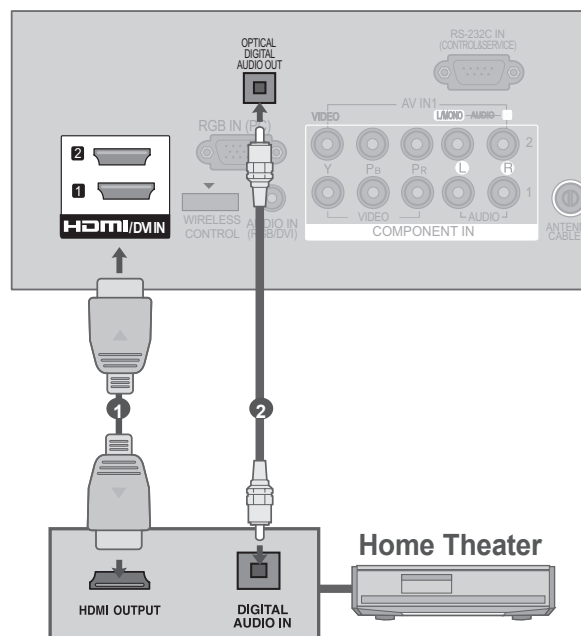


3 Lưu lại

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Kết nối rạp hát tại nhà (Home Theater) qua SIMPLINK.

- 1 Kết nối cổng **HDMI/DVI IN 1, HDMI/DVI IN 2** (Ngoại trừ model 22LD3**), **HDMI IN 3** (Ngoại trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 22LE5**) hoặc **HDMI IN 4** (Chỉ model 32/37/42/47/55/60LE5**, 32/37/42/47/55LE7**, 42/47/55LE8**) ở phía sau TV và cổng ra HDMI của thiết bị Home Theater dùng cáp HDMI.
- 2 Nối cổng ra Digital Audio phía sau TV với cổng vào Digital Audio của Home Theater qua cáp quang.
- 3 Chọn Home Theater trên menu Speaker bằng cách nhấn phím **SIMPLINK**.



- Khi bạn chọn và vận hành các phương tiện truyền thông với chức năng rạp hát tại gia (Home theater), loa sẽ tự động bật sang chế độ loa Home Theater (HT speaker).

! CHÚ Ý

- Kết nối cổng HDMI/DVI IN hoặc HDMI IN của TV với cổng (HDMI) của thiết bị SIMPLINK với cáp HDMI.
- Khi bạn chuyển nguồn đầu vào bằng cách nhấn phím INPUT trên điều khiển từ xa, bạn có thể tắt thiết bị bằng điều khiển SIMPLINK.

XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

Chức năng SIMPLINK

Disc playback

Điều khiển kết nối thiết bị AV bằng cách nhấn $\wedge \vee < >$, OK, $\blacktriangleright$, $\blacksquare$, II, $\blacktriangleleft$ và $\blacktriangleright\blacktriangleright$.

Direct Play

Sau khi kết nối thiết bị AV với TV, bạn có thể trực tiếp điều khiển thiết bị và chơi các phương tiện truyền thông mà không cần phải cài đặt.

Select AV device

Cho phép bạn chọn một trong các thiết bị AV kết nối với TV và vận hành nó.

Power off all devices

Khi tắt TV, tắt cả các kết nối đều tắt.

Switch audio-out

Cung cấp một cách dễ dàng để âm thanh ngoài.

Sync Power on

Khi thiết bị có chức năng Simplink kết nối với cổng HDMI bắt đầu chơi, TV sẽ tự động thay đổi chế độ.

* Thiết bị kết nối với TV qua cáp HDMI không tương thích với SIMPLINK, không có chức năng này.

Chú ý: Để vận hành chế độ SIMPLINK, phải sử dụng cáp HDMI Version 1.3 trở lên có chức năng *CEC". (*CEC: Điều khiển điện tử gia dụng).

Menu SIMPLINK

Nhấn phím $\wedge \vee < >$ chọn OK để chọn nguồn SIMPLINK mong muốn.

- 1 **TV viewing** : Chuyển sang chương trình TV trước đó không phụ thuộc vào chế độ hiện thời.

- 2 **DISC playback** :

Chọn và chơi các đĩa đã kết nối.

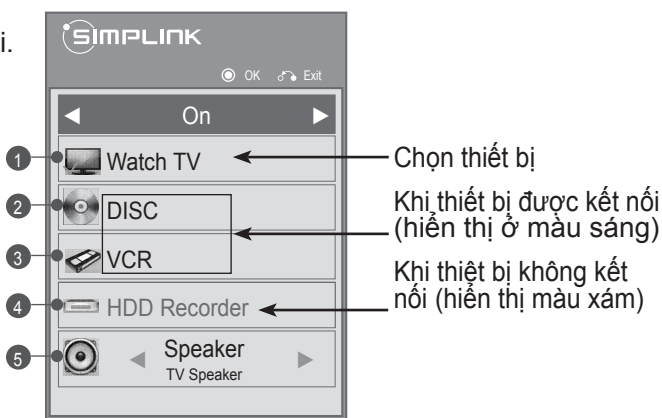
Khi nhiều đĩa có sẵn, kiểu thiết bị đĩa hiển thị phía dưới màn hình.

- 3 **VCR playback** : Chơi và điều khiển VCR được kết nối.

- 4 **HDD Recordings playback** : Chơi và điều chỉnh lưu trữ ổ cứng HDD.

Audio Out to Home theater/Audio Out to

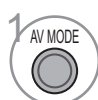
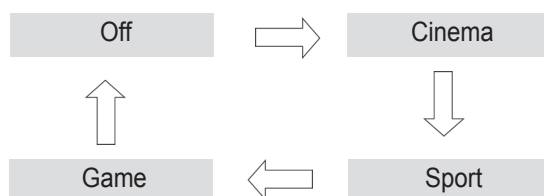
- 5 **TV**: Chọn Home theater hoặc TV speaker cho Audio Out.



CHẾ ĐỘ AV

Bạn có thể chọn tối ưu hình ảnh và âm thanh khi kết nối thiết bị AV với thiết bị vào ngoại vi.

Off	Tắt chế độ AV MODE.
Cinema	Tối ưu hóa hình ảnh video và âm thanh để xem phim.
Sport	Tối ưu hóa hình ảnh và âm thanh để xem thể thao.
Game	Tối ưu hóa hình ảnh và âm thanh để chơi Game.



Nhấn phím **AV MODE** nhiều lần chọn nguồn mong muốn.



- Nếu chọn **Cinema** trong chế độ AV, **Cinema** sẽ được lựa chọn cho cả chế độ **Picture Mode** và **Sound Mode** trên menu **PICTURE** tương ứng.
- Nếu chọn “**Off**” trong chế độ AV, hình ảnh thiết lập bạn đầu sẽ được chọn.

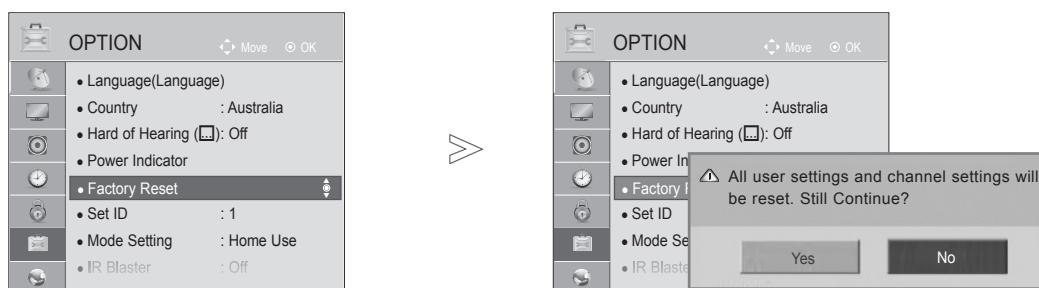
XEM TV / ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

KHỞI TẠO (VỀ CHẾ ĐỘ MẶC ĐỊNH CỦA NHÀ SẢN XUẤT)

Chức năng này khởi tạo lại tất cả các thiết lập.

Nhưng thiết lập **Day** và **Night** của chế độ **Picture Mode** không thể khởi tạo lại được.

Khởi tạo lại thiết lập của nhà sản xuất rất tiện lợi, khi ta chuyển tới thành phố hoặc đất nước khác. Khi quá trình thiết lập mặc định của nhà sản xuất hoàn thành, bạn phải khởi động lại thiết lập khởi tạo.



1. Chọn **OPTION**.
2. Chọn **Factory Reset**.
3. Chọn **Yes**.
4. Bắt đầu khởi tạo lại thiết lập của nhà sản xuất.

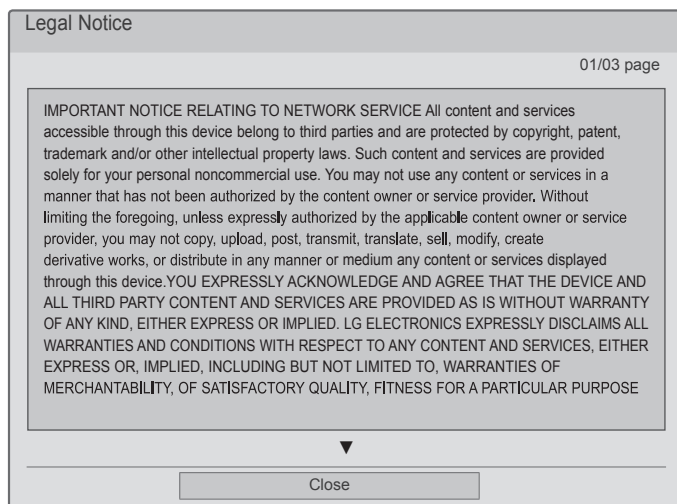
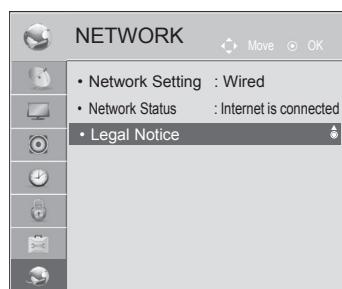
- Trên **Lock System "On"**, Nếu bạn quên mật khẩu, hãy nhấn '0', '3', '2', '5' trên thiết bị điều khiển từ xa.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

NETCAST

(Chỉ áp dụng cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

LƯU Ý VỀ BẢN QUYỀN



1.   Chọn **NETWORK**.
2.   Chọn **Legal Notice**.
3.   Chọn lưu ý về bản quyền.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** quay trở lại chế độ xem TV bình thường.

LƯU Ý QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ MẠNG.

Tất cả nội dung dịch vụ truy cập qua thiết bị này thuộc về bên thứ ba và được bảo hộ bởi quyền tác giả, bằng sáng chế thương hiệu hoặc luật sở hữu trí tuệ khác. Vì vậy nội dung và dịch vụ được cung cấp chỉ cho sử dụng cá nhân phi thương mại. Bạn không được phép sử dụng bất kỳ nội dung dịch vụ nào khi chưa được phép của chủ sở hữu hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Không giới hạn ở phạm vi nói trên, trừ khi được sự ủy quyền tuyệt đối của chủ sở hữu nội dung và nhà cung cấp dịch vụ, bạn không được sao chép, tải lên, đăng tải, truyền tải, mua bán, sửa đổi, tạo sản phẩm phát sinh hoặc phân phối dưới bất kỳ hình thức và phương tiện nào nội dung và dịch vụ hiển thị trên thiết bị này.

BẠN HOÀN TOÀN ĐỒNG Ý VÀ THỪA NHẬN THIẾT BỊ VÀ NỘI DUNG DỊCH VỤ BÊN THỨ BA ĐƯỢC CUNG CẤP "NHƯ VẬY" MÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐẢM BẢO NÀO, HOẶC LÀ HIỂN NHIÊN VÀ RÕ RÀNG. LG TUYỆT ĐỐI TỪ CHỐI MỌI ĐẢM BẢO VÀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI BẤT KỲ NỘI DUNG DỊCH VỤ NÀO HOẶC LÀ RÕ RÀNG HOẶC LÀ HIỂN NHIÊN BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, BẢO ĐẢM THƯƠNG MẠI, BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, PHÙ HỢP MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM BẢN QUYỀN BÊN THỨ BA. LG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ ĐỘ CHÍNH XÁC, HIỆU LỰC, HỢP THỜI, TÍNH PHÁP LÝ, HOÀN THIỆN CỦA BẤT KỲ NỘI DUNG VÀ DỊCH VỤ NÀO HIỆN CÓ TRÊN THIẾT BỊ, LG KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG, NỘI DUNG VÀ DỊCH VỤ TRÊN THIẾT BỊ NÀY SẼ ĐÁP

ỨNG NHIỀU YÊU CẦU CỦA BẠN HOẶC SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG SẼ KHÔNG BỊ GIÁN ĐOẠN HOẶC CÓ LỖI. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, BAO GỒM CẢ SƠ SUẤT, LG SẼ CHỊU TRÁCH NHIỆM DÙ TRONG HỢP ĐỒNG HAY SAI LẦM CÁ NHÂN, DO LỖI CỐ Ý HAY NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT HAY DO HẬU QUẢ HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI PHÁT SINH NÀO, BẤT CỨ THÔNG TIN NÀO TRONG ĐÓ, HOẶC NỘI DUNG VÀ DỊCH VỤ BẠN TRUY CẬP HOẶC BÊN THỨ BA, NGAY CẢ KHI KHẢ NĂNG THIẾT HẠI BẢO VỆ.

Dịch vụ của bên thứ ba có thể được thay đổi, đình chỉ, loại bỏ, chấm dứt, gián đoạn hoặc truy cập có thể bị gián đoạn trong một thời gian mà không có thông báo trước., và LG không đại diện hoặc đảm bảo rằng bất kỳ nội dung và dịch vụ sẽ sẵn sàng cho bất kỳ thời gian nào. Nội dung và dịch vụ được truyền bởi các bên thứ ba bằng các phương tiện truyền dẫn trên LG không kiểm soát. LG có thể áp đặt các giới hạn về việc sử dụng và truy cập vào một số dịch vụ hoặc nội dung, trong bất kỳ trường hợp và không cần thông báo hoặc có trách nhiệm pháp lý. LG từ chối bất cứ trách nhiệm hoặc trách nhiệm pháp lý cho bất kỳ thay đổi, gián đoạn, vô hiệu hoá, cắt bỏ hoặc đình chỉ bất kỳ nội dung hoặc dịch vụ đã có sẵn thông qua thiết bị này.

LG cũng không chịu trách nhiệm về dịch vụ khách hàng liên quan tới nội dung và dịch vụ này. Bất cứ câu hỏi hay yêu cầu cho các dịch vụ liên quan đến nội dung và dịch vụ sẽ được nối trực tiếp tới nhà cung cấp nội dung dịch vụ tương ứng.

MENU NETCAST

Dịch vụ này được cung cấp riêng bởi các nhà cung cấp dịch vụ.

Hãy tham khảo webside của nhà cung cấp dịch vụ để có thông tin chi tiết về dịch vụ này. (Nhưng, một số sách hướng dẫn có được cung cấp hay không phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ.

Menu **NetCast** ở mỗi nước có thể khác nhau.



1   Chọn menu **NETCAST**.

2  Xem thông tin thời tiết (**Weather info**), album ảnh (**Photo Album**) hoặc xem phim trực tuyến (**Movie Online**).

❗ CHÚ Ý

- ▶ Danh sách video tìm kiếm từ TV có thể khác với danh sách video tìm kiếm từ trình duyệt web trên máy tính (PC).
- ▶ Chế độ thiết lập của TV không ảnh hưởng đến chất lượng phát lại của phim trực tuyến.
- ▶ Những video phát có thể bị tạm dừng, dừng hoặc tăng đệm thường xuyên, điều đó phụ thuộc vào tốc độ đường truyền phát của bạn.

Chúng tôi đề nghị, tốc độ kết nối tối thiểu là 1,5 Mbps. Điều kiện cho phát lại tốt nhất, tốc độ kết nối là 4,0 Mbps. Đôi khi tốc độ đường truyền phát của bạn căn cứ trên điều kiện mạng ISP. Nếu có vấn đề về tốc độ, hoặc bạn muốn tăng tốc độ kết nối, bạn hãy liên hệ với nhà cung cấp mạng (ISP). Một số nhà cung cấp mạng (ISPs) đưa ra nhiều tùy chọn về tốc độ đường truyền phát.

- ▶ Để xem sách hướng dẫn cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ bạn hãy truy cập vào trang web [http:// www.lge.com](http://www.lge.com).
- ▶ Đến với dịch vụ bạn sẽ được yêu cầu đăng nhập và tham gia vào dịch vụ thích hợp trên website sử dụng PC và đăng nhập qua TV. Khi đăng nhập vào bạn sẽ sử dụng nhiều chức năng khác nhau.
- ▶ Khi cài đặt thành phố bạn muốn Setup bằng cách nhấn phím màu đỏ, nền của NetCast sẽ được thiết lập thời tiết của thành phố đã được lựa chọn.

- Nhấn phím **RED** để lựa chọn thời tiết của từng vùng.
- Nhấn phím **EXIT** để quay về chế độ xem TV bình thường.

NETCAST

Phim trực tuyến

Phim trực tuyến (Movie Online) đây là video được chia sẻ trên website, ở đó ta có thể tải lên, xem và chia sẻ các đoạn video.

Giao diện màn hình phim trực tuyến

- 1 Menu phim trực tuyến (Movie Online).
- 2 Danh sách Videos.



RED

Thiết lập menu tùy chọn.

NetCast

Quay lại menu Netcast.

EXIT

Quay lại chế độ xem TV.

! CHÚ Ý

- Khi nhấn phím Q.menu đồng thời phim trực tuyến (Movie Online) đang phát ở chế độ đầy màn hình, bạn có thể thiết lập lại tùy chọn của file video.

Hộp thoại dịch vụ phim trực tuyến

- **Home:** Bạn có thể xem những phim phổ biến.
- **Featured:** Hiển thị danh sách nội dung tóm tắt của phim.
- **Popular:** Hiển thị danh sách phim được đánh giá tốt nhất từ dịch vụ phim trực tuyến.
- **Most Viewed:** Hiển thị danh sách phim được xem nhiều nhất.
- **Search:** Hiển thị menu keypad/keyboard.
- **History:** Hiển thị danh sách phim vừa mới xem. Có thể lưu tối đa 20 phim.
- **Favorites:** Ở trạng thái đăng nhập, menu này hiển thị danh sách phim được sắp xếp trên dịch vụ phim trực tuyến bằng tài khoản của bạn. (Một số phim có thể không có trên danh sách phim yêu thích (**Favorites** list), thậm trí cả các phim sắp xếp trên máy chủ.)
- **Sign in (Sign Out):** Hiển thị menu keypad/keyboard để đăng nhập vào hoặc quay trở lại trạng thái đăng xuất.

Sử dụng điều khiển từ xa

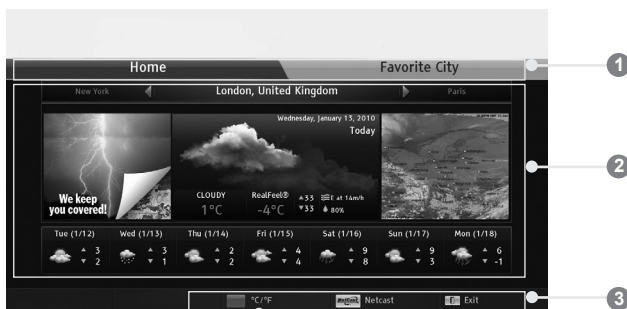
	Dừng phim và hiển thị danh sách phim liên quan.
II	Tạm dừng phim khi đang xem.
	Xem phim đã chọn.
	Tua phim lại, tua phim đi.
RED	Thiết lập menu tùy chọn.
	Quay về menu Netcast.
	Quay về chế độ xem TV bình thường.

THÔNG TIN THỜI TIẾT

Weather info là chương trình hiển thị thời tiết của thành phố mà bạn muốn.

Giao diện màn hình thông tin thời tiết (Weather info)

- ① Hộp thoại thông tin thời tiết.
- ② Danh sách thời tiết từng thành phố.
- ③ Các phím tương ứng trên điều khiển từ xa.



RED

Thay đổi giữa Celsius và Fahrenheit.



Chuyển tập trung tới hộp thoại mong muốn.



Chọn hộp thoại trọng điểm.



Quay về menu Netcast.



Quay về chế độ xem TV bình thường.

Hộp thoại dịch vụ thông tin thời tiết

- **Home:** Hiển thị thời tiết của thành phố được chọn.
- **Favorite City:** Những thành phố kiểm tra thường xuyên có thể được đăng ký để kiểm tra thời tiết.

! CHÚ Ý

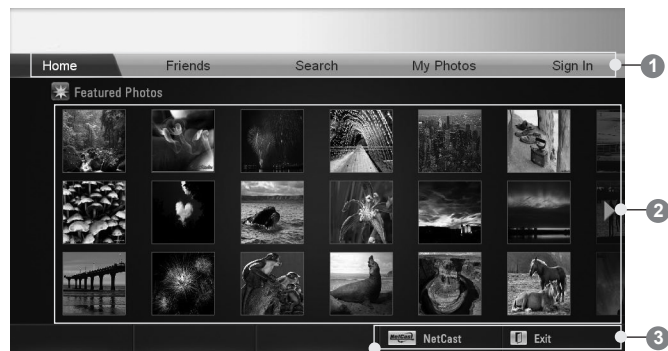
- ▶ Theo mặc định, các thành phố New York, London và Paris đã được đăng ký và người dùng có thể thêm hoặc xóa thành phố từ danh sách thành phố yêu thích (**Favorite City**).
- ▶ LG không chịu trách nhiệm với độ chính xác của dự báo thời tiết.
- ▶ Thông tin thời tiết có thể khác so với thời tiết thực tế phụ thuộc vào thông tin cung cấp bởi dịch vụ cung cấp thông tin thời tiết (Weather info).

ALBUM ẢNH (PHOTO ALBUM)

Photo Album là một ứng dụng xem những file ảnh kỹ thuật số.

Giao diện màn hình Photo Album

- ❶ Menu Album ảnh.
- ❷ Danh sách ảnh.
- ❸ Các phím tương ứng trên điều khiển từ xa.



Chọn ảnh mong muốn.



Hiển thị file ảnh được chọn.



Quay về menu Netcast.



Quay về chế độ xem TV bình thường.

Hộp thoại dịch vụ Photo Album

- **Home:** Hiển thị danh sách ảnh được xem.
- **Friends:** Bạn có thể đăng ký người sử dụng với những hình ảnh bạn muốn như bạn bè. Bạn có thể thêm lên tới 10 người bạn.
- **Search:** Hiển thị menu bàn phím.
- **My Photos:** Bạn có thể xem các hình ảnh được tải lên mạng. Chức năng này thực hiện được khi bạn đăng nhập vào.

SỬ DỤNG BLUETOOTH

(Chỉ dùng cho model 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

KHÁI NIỆM BLUETOOTH

Bluetooth là công nghệ kết nối mạng ở khoảng cách ngắn sử dụng tần số 2.4 GHz, dùng để kết nối các loại thiết bị thông tin như: máy tính, điện thoại và thiết bị PDA, cũng như các thiết bị kỹ thuật số thông qua kết nối không dây, không cần bất kỳ cáp kết nối nào để truyền tải dữ liệu.

Với chức năng giao tiếp Bluetooth, bạn có thể kết nối Bluetooth kích hoạt tai nghe không dây hoặc nhận hình ảnh (chỉ định dạng JPEG), nghe nhạc từ điện thoại trên TV.

- Communication Spec.: Bluetooth Specification Version 2.0 + EDR (Enhanced Data Rate)
- Output: Bluetooth Specification Power Class 2
- Maximum Communication Range: Line of open sight approx. 10 m (30 ft)
- Frequency Band: 2.4 GHz band (2.4 GHz to 2.4835 GHz)
- Bluetooth Module: RBFS-B721A (LG Electronics)
- Compatible Bluetooth Profile : GAVDP(Generic Audio/Video Distribution Profile)
A2DP(Advanced Audio Distribution Profile) HSP(Headset Profile)
OPP(Object Push Profile)
BIP(Basic Imaging Profile)
FTP(File Transfer Profile)

CE0700

Chú ý khi sử dụng Bluetooth

- ▶ Sử dụng trong phạm vi 7 m (-45° to 45°).
- ▶ Nếu bạn sử dụng thiết bị ngoài phạm vi cho phép, truyền thông tin sẽ bị lỗi.
- ▶ Lỗi giao tiếp có thể xảy ra phụ thuộc vào các thiết bị ngoại vi.
- ▶ Thiết bị sử dụng cùng tần số 2.4 GHz (Mạng LAN không dây, sóng cực ngắn...), có thể có lỗi giao tiếp khi sử dụng dải tần số như nhau.
- ▶ Thời gian tìm kiếm thiết bị phụ thuộc vào số lượng các thiết bị Bluetooth và tình trạng vận hành.
- ▶ Khả năng tìm kiếm sẽ tăng nếu số lượng các thiết bị ít.
- ▶ Sóng điện từ có thể làm nhiễu các thiết bị không dây.
- ▶ Vì các thiết bị không dây ứng dụng có khả năng nhiễu sóng điện từ, chúng không được cung cấp dịch vụ liên quan đến cuộc sống con người.
- ▶ Bạn chỉ kết nối được một cổng Bluetooth trong cùng một thời gian.
- ▶ Bạn không thể nhận được hình ảnh (chỉ định dạng JPEG) hoặc nghe nhạc từ các thiết bị Bluetooth khác khi đang sử dụng tai nghe Bluetooth.
- ▶ Để biết thêm chi tiết về Bluetooth, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị Bluetooth.
- ▶ Khi vận hành thiết bị cần tuân thủ hai điều kiện sau:
 - (1) Thiết bị không gây nhiễu có hại.
 - (2) Thiết bị này chấp nhận bất kỳ sự nhiễu sóng nào nhận được, bao gồm sự nhiễu sóng mà làm cho thiết bị vận hành không như mong muốn.
- ▶ Có thể dùng Bluetooth khoảng 30 giây sau khi bật nguồn.
- ▶ Tùy thuộc vào phương pháp truyền dẫn và hiệu suất của tai nghe được sử dụng, âm thanh có thể bị ngắt kết nối tức thì.

QDID (Chứng nhận thiết kế tiêu chuẩn) : B015199

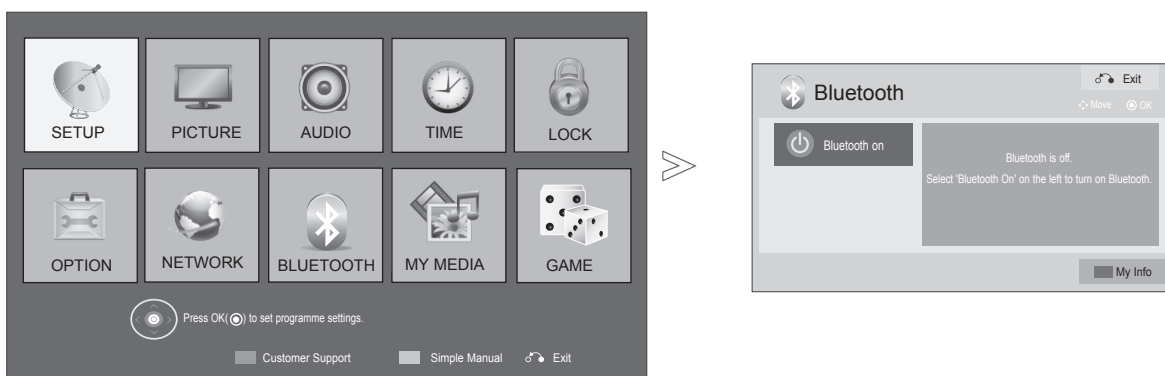
CÀI ĐẶT BLUETOOTH

Nếu bạn muốn nghe âm thanh phát sóng bằng cách dùng thiết bị tai nghe Bluetooth hoặc nhận hình ảnh định dạng JPEG từ các thiết bị ngoại vi và xem chúng trên TV, nghe nhạc từ điện thoại (Bluetooth device), bạn có thể sử dụng giao thức không dây, không cần bất kỳ cáp kết nối nào để truyền tải dữ liệu.

Bạn có thể dùng menu BLUETOOTH bằng cách chọn “**Bluetooth on**”.

Nếu bạn không muốn sử dụng chức năng Bluetooth, hãy chọn “**Bluetooth off**”.

Nếu kết nối với thiết bị Bluetooth ngoại vi, bạn có thể chọn “**Bluetooth off**” sau khi ngắt kết nối các thiết bị.



-    Chọn **BLUETOOTH**.
-  Chọn **Bluetooth on**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

TAI NGHE BLUETOOTH

Khi bạn chọn tai nghe Bluetooth bạn có thể nghe âm thanh của TV qua tai nghe Bluetooth bằng giao thức không dây.

Bạn phải cặp với bất kỳ thiết bị Bluetooth mới nào khi sử dụng lần đầu tiên. Biết thêm thông tin, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị ứng dụng.

Có thể ghép nối tối đa 12 thiết bị.

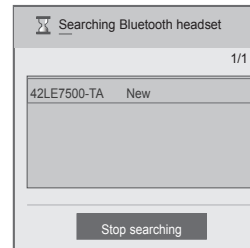
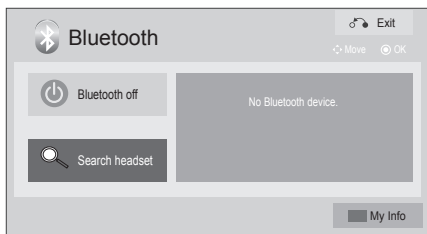
Khi thiết bị tìm kiếm tai nghe Bluetooth, tất cả các phím ngoại trừ phím “Stop” (OK button) không hoạt động.

Kết nối thiết bị tai nghe Bluetooth mới

Bạn chỉ có thể tìm kiếm tai nghe thiết bị Bluetooth mới chỉ trong điều kiện **Disconnected**.

Khi bạn kích hoạt tìm kiếm, nó sẽ hiển thị danh sách tất cả các thiết bị tai nghe Bluetooth tương ứng.

Sau khi thiết bị tai nghe Bluetooth mới được tìm thấy, mã số PIN được xác nhận để kết nối thiết bị. Để biết thêm thông tin hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.



1.    Chọn **BLUETOOTH**.
2.   Chọn **Search headset**.
3.   Chọn thiết bị tai nghe Bluetooth thích hợp.
4.  Chọn mã số PIN tai nghe Bluetooth thích hợp. Tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị phần mã số PIN.
5.  Kết nối thiết bị tai nghe Bluetooth.

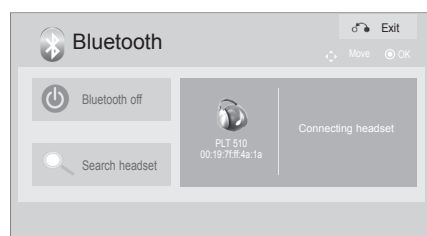
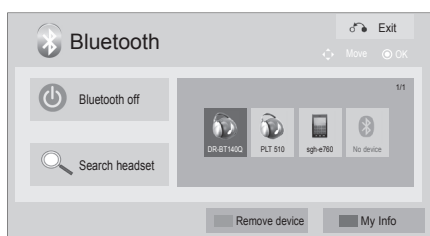
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

SỬ DỤNG BLUETOOTH

Kết nối thiết bị tai nghe Bluetooth đã được đăng ký

Những thiết bị tai nghe Bluetooth được liệt kê theo thứ tự đã sử dụng gần đây nhất với tai nghe đang sử dụng liệt kê ở đầu trang.

Khi kết nối với thiết bị Bluetooth đã được đăng ký, bạn có thể chọn và kết nối trực tiếp mà không cần xác nhận mã số PIN.

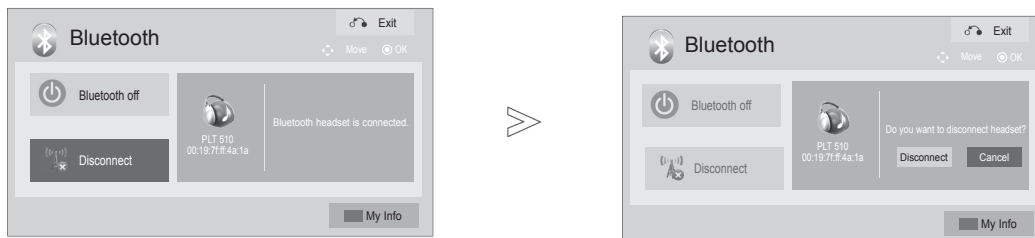


1. Chọn **BLUETOOTH**.
2. Chọn tai nghe Bluetooth mong muốn.
3. Kết nối tai nghe Bluetooth.

- Sau khi kết nối hoặc sử dụng tai nghe Bluetooth, chế độ thiết lập tai nghe sẽ tự động hiển thị là **Disconnected** khi bạn tắt nguồn TV và sau đó bật lên.
- Sau khi kết nối tai nghe Bluetooth, loa của TV sẽ chuyển sang chế độ tắt tiếng (Mute) và tiếng chỉ phát ra từ tai nghe.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Kết nối lại tai nghe Bluetooth khi đang sử dụng



1. Chọn **BLUETOOTH**.
2. Chọn **Disconnect**.
3. Chọn **Disconnect**.
4. Kết nối lại tai nghe Bluetooth.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

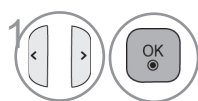
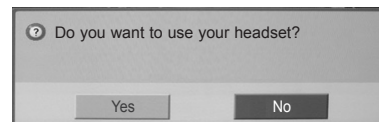
SỬ DỤNG BLUETOOTH

Yêu cầu kết nối TV từ tai nghe Bluetooth

Khi menu Bluetooth menu ở chế độ "On" sẽ xuất hiện thông báo yêu cầu kết nối từ tai.

Không phải tất cả thiết bị tai nghe đều tương thích với chức năng này. (Tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị tai nghe Bluetooth).

Một số loại tai nghe có thể cố gắng kết nối khi chúng vẫn tắt hoặc mở thậm chí chúng không có trong danh sách thiết bị đã đăng ký.



Chọn **Yes** hoặc **No**.

! CHÚ Ý

► LG khuyến cáo nên sử dụng các loại tai nghe sau.

- Plantronics VOYAGER-855 / SONY HBHDS970, HBHDS980 / Motorola S605 / Logitech Freepulse-wireless

Có thể có sự trậm trễ âm thanh, điều đó phụ thuộc vào kích thước bộ nhớ đệm của tai nghe.

► Tai nghe âm thanh stereo/mono chính thức xác nhận tương thích Bluetooth có thể được tìm kiếm và kết nối.

► Tai nghe âm thanh stereo/mono tương thích với chức năng A2DP hoặc HSP trong số các thiết bị Bluetooth được kết nối.

► Nếu trong môi trường âm thanh xung quanh của TV như liệt kê, thiết bị sẽ không được tìm thấy hoặc được kết nối đúng.

- Có sóng điện từ mạnh.

- Có một số thiết bị Bluetooth.

- Có tai nghe đang tắt, không đúng chỗ hoặc có lỗi.

- Các thiết bị như: Lò vi sóng, Mạng LAN, ánh sáng plasma... sử dụng cùng một dải tần số, nó có thể gây lỗi giao thức truyền tải.

► Chỉ có một tai nghe Bluetooth được kết nối trong cùng một thời điểm.

► Kết nối sẽ mất khi tắt TV. Kết nối sẽ không tự động khôi phục. Hãy kết nối lại thiết bị lần nữa.

► Một số ứng dụng có thể bị chậm khi tai nghe đang hoạt động.

► Ngay cả khi bạn chọn kết nối Simplink Home Theater, khi dùng tai nghe trong khi Simplink kích hoạt, thiết bị sẽ không tự động chuyển sang loa Home Theater.

► Khi kết nối tai nghe liên tục bị ngắt, hãy liên kết thiết bị một lần nữa.

► Chất lượng âm thanh mono của tai nghe sẽ không hay như âm thanh stereo.

► Tai nghe âm thanh Mono có thể bị nhiễu như khoảng cách từ TV tăng lên, vì thiết bị dùng phương pháp truyền dẫn khác so với tai nghe âm thanh stereo.

► Khi tai nghe Bluetooth đang sử dụng, phím âm lượng (Volume) +/- và phím tắt tiếng (Mute) không làm việc, và menu âm thanh (Audio) quay về giá trị mặc định và không có tác dụng.

► Khi cài đặt Bluetooth là On, nếu một số thiết bị đã được đăng ký đang bật, TV sẽ tự động chuyển sang chế độ Bluetooth ngay cả khi bạn đang xem trong chế độ vào khác. Trong trường hợp này, hãy cài đặt chế độ Bluetooth là Off.

NGẮT KẾT NỐI BLUETOOTH

Khi 12 thiết bị được đăng ký, bạn không thể đăng ký được thêm thiết bị nào nữa, và một số thiết bị ngoại vi sẽ không thể liên kết với TV nữa. Trong trường hợp này, bạn nên xóa kết nối (đầu tiên ngắt kết nối nếu một thiết bị kết nối với TV) và sau đó bạn có thể đăng ký thiết bị khác. Thiết bị điều khiển từ xa "Remove device" sẽ sẵn sàng khi bạn chọn thiết bị mà không kết nối với TV.



1. Chọn **BLUETOOTH**.
2. Chọn **Remove device**.
3. Chọn **Delete**.
4. Ngắt thiết bị Bluetooth.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

SỬ DỤNG BLUETOOTH

THÔNG TIN BLUETOOTH CỦA BẠN

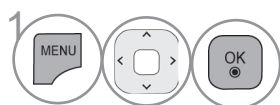
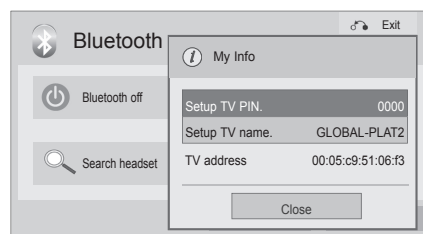
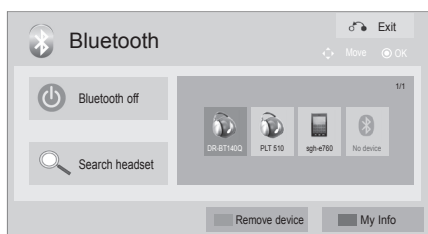
Chức năng này cung cấp thông tin về Bluetooth cho người sử dụng.
Chức năng "Edit" sẽ sẵn sàng khi TV không kết nối với bất kỳ một thiết bị nào.

Bạn có thể chỉnh sửa thiết lập mã PIN TV (Setup TV PIN) hoặc cài đặt tên TV (Setup TV name).
Bạn có thể kiểm tra địa chỉ TV.

Để xác nhận kết nối từ thiết bị Bluetooth ngoại vi hoặc để kết nối tới thiết bị Bluetooth, phải nhập mã PIN vào.

Để biết thêm thông tin cách cài đặt mã PIN của thiết bị Bluetooth ngoại vi, tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Mã PIN TV bao gồm các số lên đến 16 số.
Mã PIN TV phải có ít nhất 1 số.



Chọn **BLUETOOTH**.

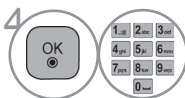
• Nhấn phím < để xóa từng ký tự một.



Chọn **My Info**.



Chọn **Setup TV PIN** hoặc **Setup TV name**.



Bạn có thể sử dụng các phím ký tự từ **A** đến **Z**, các số từ **0** đến **9**, **+/ -**, và các ký tự trống.

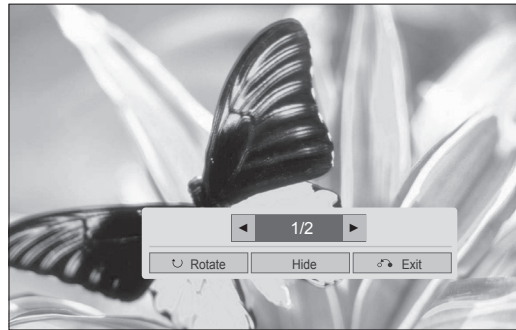
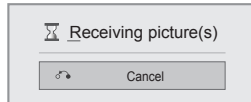


Lưu lại.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

NHẬN ẢNH TỪ THIẾT BỊ BLUETOOTH NGOẠI VI

Để biết thêm chi tiết cách gửi hình ảnh (chỉ định dạng JPEG) từ thiết bị Bluetooth ngoại vi tới TV, tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị.

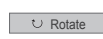


- Chọn **Hide** bằng phím $\wedge \vee < >$, OSD sẽ không hiển thị. Nhấn phím **OK** lần nữa, OSD sẽ hiển thị.



Chọn hình ảnh mong muốn.

: Xoay hình ảnh.

- Xoay ảnh 90° theo chiều kim đồng hồ bằng phím **OK** trên 

- Kích thước tích lũy hình ảnh tối đa có thể nhận được là 10MBytes.
- Bạn không thể nhận được hình ảnh khi đang sử dụng tai nghe Bluetooth.
- Bạn không thể nhận được hình ảnh khi đang nghe nhạc từ thiết bị Bluetooth.
- Khi thiết bị Bluetooth ngoại vi đang gửi hình ảnh, hãy nhấn phím **BACK** để dừng nhận hình ảnh. Tất cả các hình ảnh đã nhận sẽ bị xóa..
- Với một số thiết bị Bluetooth, bạn không thể truyền tải một hình ảnh (định dạng JPEG) tới TV.

SỬ DỤNG BLUETOOTH

NGHE NHẠC TỪ THIẾT BỊ BLUETOOTH NGOẠI VI

Để biết thêm thông tin cách nghe nhạc từ thiết bị Bluetooth ngoại vi tới TV, tham khảo hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Bạn nên sử dụng thiết bị Bluetooth tương thích với A2DP (như thiết bị ngoại vi).

- Với một số loại thiết bị Bluetooth, bạn không thể nghe nhạc qua hệ thống loa của TV.



Listening to bluetooth music...

Press any key to finish.

- Nhấn phím + or - để điều chỉnh âm lượng.
- Nếu bạn muốn tắt tiếng, nhấn phím MUTE.
- Nhấn phím **BACK** để quay về chế độ xem TV bình thường.

! CHÚ Ý

- ▶ Bạn không thể nghe nhạc khi đang dùng tai nghe Bluetooth.
- ▶ Bạn không thể nghe nhạc khi nhận hình ảnh.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

KẾT NỐI THIẾT BỊ USB

Không thể sử dụng menu MY MEDIA trên model 22/26/32LD3**.

Có thể sử dụng chức năng DLNA trên các model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***.

Khi kết nối USB, menu sẽ tự động hiển thị.

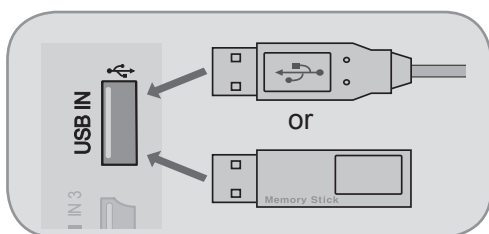
“POP UP MENU” sẽ không hiển thị khi OSD bao gồm Menu, EPG hoặc danh sách Schedule được kích hoạt hoặc khi tai nghe Bluetooth được kết nối.

Khi menu Pop Up xuất hiện, bạn có thể chọn danh sách nhạc (Music List), danh sách hình ảnh (Photo List) hoặc danh sách phim (Movie List) trên menu MY MEDIA.

Trên thiết bị USB, bạn không thể thêm một thư mục mới hoặc xóa một thư mục hiện có.

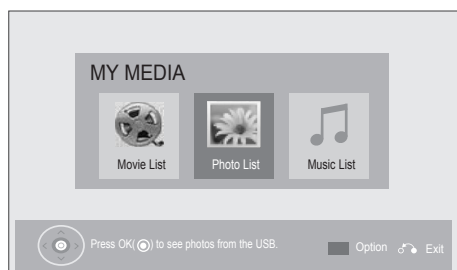
Sau khi chọn các kiểu media ưa thích, chọn thiết bị để mở file. Tùy chọn là: USB hoặc DLNA.

- 1 Kết nối thiết bị USB với cổng **USB IN 1** hoặc **USB IN 2** trên TV.



- Chỉ có hình ảnh (định dạng JPEG), nhạc (MP3) và phim (định dạng DAT, MPG, MPEG, VOB, AVI, DIVX, MP4, MKV, TS, TRP, TP, ASF, WMV) là tương thích.

- 2 Chọn **Movie List**, **Photo List** hoặc **Music List**.



- 3 Chọn **OK**.

Tháo thiết bị USB

Chọn menu **USB Device** trước khi tháo thiết bị USB ra.

- 1 Chọn **Q.MENU** > Chọn **USB Device**.

- 2 Chọn **Eject**.

4

Chọn thiết bị mong muốn.

5

BLUE Tìm kiếm các thiết bị mạng khác.

Please select the device.

	USB_Label
	USB_Label
	DLNA

☒ Device Selection

Search
 Previous

(Chỉ dùng cho model
32/42/52LD56*,
32/37/42/47/55LD6**,
32/37/42/47/55/60LE55**,
32/37/42/47/55LE7***,
42/47/55LE8***)

- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

Những chú ý khi sử dụng thiết bị USB

- ▶ Chỉ nhận được một thiết bị lưu trữ USB .
- ▶ Nếu USB được kết nối qua hub USB, thiết bị sẽ không nhận.
- ▶ Thiết bị USB sử dụng chương trình nhận dạng tự động có thể không nhận được.
- ▶ Thiết bị USB sử dụng trình điều khiển riêng (Driver) có thể không nhận được.
- ▶ Tốc độ lưu trữ của USB tùy thuộc vào từng loại.
- ▶ Không được tắt TV hoặc rút thiết bị USB khi USB đã kết nối đang hoạt động.
Khi đang hoạt động nếu rút ra, dữ liệu trong thiết bị USB có thể bị xóa.
- ▶ Không được kết nối thiết bị USB mà để động ảo trên máy tính. Nó có thể làm cho sản phẩm bị trục trặc hoặc hỏng. Không bao giờ quên rằng chỉ dùng USB đã chứa những file nhạc, hình ảnh, phim bình thường.
- ▶ Hãy chỉ sử dụng USB đã được định dạng ở hệ thống file FAT32, NTFS trên Windows. Trong trường hợp thiết bị được định dạng ở một tiện ích khác không được hỗ trợ bởi Windows, nó có thể không nhận được.
- ▶ Hãy kết nối nguồn tới USB (trên 0.5 A) nếu yêu cầu nguồn điện bên ngoài. Nếu không thiết bị không thể nhận được.
- ▶ Hãy kết nối thiết bị USB với dây cáp nếu được cung cấp bởi nhà sản xuất.
- ▶ Một số thiết bị USB có thể không tương thích hoặc vận hành không tốt.
- ▶ Phương pháp sắp xếp các file trong USB tương tự như trên Window XP và có thể đặt tên tập tin đến 100 ký tự tiếng Anh.
- ▶ Hãy đảm bảo rằng, các file quan trọng đã được sao lưu lại, dữ liệu trong USB có thể bị xóa. Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm dữ liệu bị mất.
- ▶ Nếu ổ cứng kết nối USB không có nguồn điện ngoài, thiết bị USB có thể không được nhận dạng. Vì vậy, hãy chắc chắn đã kết nối nguồn điện ngoài.
 - Hãy dùng bộ chỉnh lưu điện (power adaptor) cho nguồn điện ngoài. Chúng tôi không bảo hành cáp USB cho nguồn điện ngoài.
- ▶ Nếu thiết bị bộ nhớ USB của bạn có nhiều phân vùng, hoặc nếu bạn sử dụng đầu đọc nhiều USB, bạn có thể dùng tới 4 phân vùng hoặc thiết bị nhớ USB.
- ▶ Nếu thiết bị nhớ USB kết nối với đầu đọc nhiều USB, dữ liệu sẽ không được nhận dạng.
- ▶ Nếu thiết bị USB làm việc không đúng, hãy ngắt kết nối và kết nối lại.
- ▶ Tốc độ nhận dạng thiết bị nhớ USB nhanh mức nào khác với từ thiết bị tới thiết bị.
- ▶ Nếu USB kết nối ở chế độ chờ (Standby Mode), ổ cứng sẽ tự động tải khi TV bật.
- ▶ Dung lượng đề nghị là 1 TB hoặc ít hơn đối với ổ cứng ngoài USB và 32 GB hoặc ít hơn đối với thẻ nhớ USB.
- ▶ Bất kỳ thiết bị nào có nhiều hơn dung lượng đề nghị có thể hoạt động không đúng.
- ▶ Nếu ổ cứng ngoài USB với chức năng tiết kiệm điện "Energy Saving" không hoạt động, hãy khởi động lại ổ cứng.
- ▶ Thiết bị USB dưới 2.0 là tương thích nhất.
Nhưng chúng sẽ không hoạt động đúng ở chế độ danh sách phim.
- ▶ Tối đa 1,000 thư mục và file có thể nhận dạng dưới một thư mục.
- ▶ Sắp xếp file trong USB tương tự như trên Windows XP và hỗ trợ tối đa 100 ký tự.
- ▶ Nếu có nhiều thư mục và tệp trong một thư mục, thiết bị có thể không truy cập đúng.
- ▶ Có thể nhận dạng 200 thư mục.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

DLNA

About DLNA

TV này là sản phẩm truyền thông kỹ thuật số được chứng nhận DLNA, có thể hiển thị và xem phim, hình ảnh và nhạc từ các thiết bị mạng được chứng nhận DLNA và từ các máy chủ DLNA. Liên minh mạng kỹ thuật số (DLNA) là một tổ chức công nghiệp chéo gồm điện tử dân dụng, công nghiệp máy tính và các công ty thiết bị viễn thông. DLNA cung cấp cho khách hàng chia sẻ dễ dàng các phương tiện truyền thông qua mạng không dây và có dây tại nhà.

Lô gô chứng chỉ DLNA giúp bạn dễ dàng tìm thấy các sản phẩm đã tuân thủ theo quy tắc tương kết DLNA phiên bản 1.5. Khi máy tính chạy phần mềm máy chủ DLNA hoặc thiết bị tương thích DLNA khác được kết nối với TV, có thể được yêu cầu thay đổi một số thiết lập của phần mềm hoặc thiết bị. Tham khảo hướng dẫn sử dụng phần mềm hoặc thiết bị để biết thêm thông tin.

! CHÚ Ý

- ▶ Đĩa CD-ROM Nero MediaHome 4 Essentials kèm theo là phiên bản phần mềm tùy biến chỉ dùng để chia sẻ files và thư mục tới TV.
- ▶ Phần mềm Nero MediaHome 4 Essentials kèm theo không phù hợp các chức năng sau: Chuyển mã (Transcoding), Remote UI, Điều chỉnh TV, Dịch vụ Internet và Apple iTunes.
- ▶ Hướng dẫn này chỉ giải thích vận hành của phần mềm Nero MediaHome 4 Essentials phiên bản tiếng Anh, ví dụ:
Theo giải thích tham khảo vận hành thực tế phiên bản ngôn ngữ của bạn.
- ▶ Nếu có nhiều thư mục và tệp trong một thư mục, thiết bị có thể không truy cập đúng.

Cài đặt chương trình Nero MediaHome 4 Essentials

Nero MediaHome 4 Essentials dễ dàng để sử dụng phần mềm máy chủ DLNA dành cho Windows. Nếu bạn đã sử dụng phần mềm máy chủ DLNA trên máy tính của bạn rồi, thì Nero MediaHome không đòi hỏi phải cài đặt. Nero MediaHome không yêu cầu dành cho Windows 7 bởi vì nó đã có máy chủ DLNA.

Cấu hình máy tính (PC) để cài đặt Nero MediaHome 4 Essentials

- Windows® XP (Service Pack 2 hoặc cao hơn), Windows Vista® (không yêu cầu Service Pack), Windows® XP Media Center Edition 2005 (Service Pack 2 hoặc cao hơn), Windows Server® 2003
- Windows Vista® 64-bit edition (chạy ứng dụng ở chế độ 32-bit)
- Khoảng trống ổ cứng: 200 MB cho cài đặt đặc trưng phần mềm Nero MediaHome stand alone
- 1.2 GHz Intel® Pentium® III hoặc AMD Sempron™ 2200+ bộ vi xử lý
- Bộ nhớ trong: 256 MB RAM
- Card đồ họa có bộ nhớ ít nhất là 32 MB, độ phân giải màn hình tối thiểu là 800 x 600 pixels, và thiết lập màu 16-bit.
- Windows® Internet Explorer® 6.0 hoặc cao hơn
- DirectX® 9.0c revision 30 (August 2006) hoặc cao hơn
- Môi trường mạng : 100 Mb Ethernet, WLAN (IEEE 802.11 b/g/n) (IEEE 802.11 n: (trừ nước Nga)

- 1 Khởi động máy tính, cho đĩa CD-ROM phần mềm Nero MediaHome 4 Essentials vào ổ đĩa CDROM trên máy tính.
Một biểu đồ hướng dẫn cài đặt nhanh và quá trình cài đặt đơn giản xuất hiện.
- 2 Đóng tất cả các chương trình Microsoft Windows và thoát một số phần mềm diệt virus có thể đang chạy ra.
- 3 Cho đĩa CD-ROM phần mềm Nero MediaHome 4 Essentials vào ổ CD-ROM trên máy tính.
- 4 Kích chuột vào **Nero MediaHome 4 Essentials**. Chuẩn bị cài đặt và hộp thoại cài đặt xuất hiện.
- 5 Kích chuột vào **Next** để hiển thị số Serial.
Kích vào **Next** để sang các bước tiếp.
- 6 Nếu bạn chấp nhận tất cả các điều kiện, kích vào **I accept the License Conditions** để kiểm tra hộp thoại và kích **Next**. Quá trình cài đặt sẽ không tiếp tục nếu bạn không chấp nhận.
- 7 Kích vào **Typical** và **Next**. Quá trình cài đặt bắt đầu.
- 8 Nếu bạn muốn tập hợp dữ liệu, chọn hộp thoại kiểm tra và kích vào **Next**.
- 9 Kích vào **Exit** để hoàn thành cài đặt.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Chia sẻ các file và thư mục

Sau khi cài đặt Nero MediaHome, bạn phải thêm thư mục bạn muốn chia sẻ.

- 1 Kích đúp vào biểu tượng **Nero MediaHome 4 Essentials** trên màn hình.
- 2 Kích vào biểu tượng **Network** bên trái và xác định tên hệ thống mạng trên **Network name** field. Tên mạng mà bạn nhập vào, TV sẽ nhận dạng.
- 3 Kích vào biểu tượng **Shares** ở bên trái.
- 4 Kích vào **Local Folders** trên màn hình **Shared** screen.
- 5 Kích vào biểu tượng **Add** để mở **Browse Folder** window.
- 6 Chọn thư mục có file bạn muốn chia sẻ. Những thư mục được lựa chọn sẽ thêm vào danh sách những file chia sẻ.
- 7 Kích vào biểu tượng **Start Server** icon to start the server.

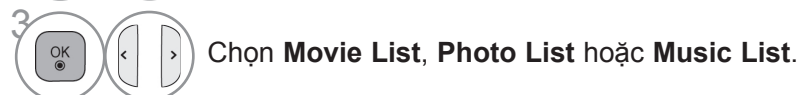
! CHÚ Ý

- Nếu những thư mục và file không hiển thị trên TV, hãy kích vào thư mục trên **Local Folders** tab và kích vào **Rescan Folder** trên phím **More**.
- Truy cập **www.nero.com** để tham khảo sử dụng phần mềm.

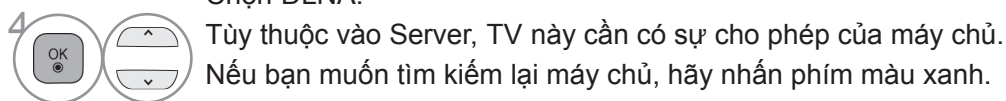
Xem lại nội dung được chia sẻ

Bạn có thể hiển thị và xem phim, xem ảnh và chơi nhạc lưu trữ trong máy tính hoặc các máy chủ phương tiện truyền thông đã chứng nhận DLNA khác.

- 1 Kích hoạt máy chủ trên máy tính hoặc các thiết bị đã kết nối trong gia đình bạn.



Chọn DLNA.



! CHÚ Ý

- ▶ Để phát các file trên máy chủ phương tiện truyền thông, TV và máy chủ phải được kết nối cùng một điểm truy cập.
- ▶ Do tính tương thích và chức năng phát lại sẵn có trên trình đơn **MY MEDIA** đã được kiểm tra trên môi trường máy chủ DLNA (Nero MediaHome 4 Essentials), những yêu cầu file và chức năng phát lại trên trình đơn **MY MEDIA** có thể khác điều đó phụ thuộc vào máy chủ phương tiện truyền thông.
- ▶ Những yêu cầu về file trên trang này không luôn luôn tương thích. Có một số hạn chế về chức năng file và khả năng của máy chủ truyền thông.
- ▶ Thậm trí cả những file không tương thích có thể hiển thị trên photo thumbnail hoặc music thumbnail.
- ▶ Kiểu hiển thị phim hình nhỏ (Thumbnail) không tương thích trong chế độ phim DLNA.
- ▶ Nếu có một file nhạc trên trình đơn **MY MEDIA** không thể chơi lại được, TV sẽ bỏ qua file đó và chơi file tiếp theo.
- ▶ Thông tin về file miêu tả trên màn hình có thể không phải luôn đúng với file nhạc và phim trên trình đơn **MY MEDIA**.
- ▶ TV này chỉ tương thích với những file phụ đề phim được kèm theo phần mềm Nero MediaHome 4.
- ▶ Tên file phụ đề và tên file phim phải như nhau, và lưu trên cùng một thư mục.
- ▶ Nếu file phụ đề được thêm sau khi đường dẫn đã có trên danh sách mục lục, người dùng phải di chuyển và thêm lại thư mục tới danh sách file chia sẻ.
- ▶ Chất lượng vận hành và phát lại của chức năng **MY MEDIA** có thể bị ảnh hưởng do điều kiện mạng nhà bạn.
- ▶ Những tập tin từ thiết bị lưu trữ như USB, đĩa DVD,... trên máy chủ phương tiện truyền thông có thể được chia sẻ không đúng.
- ▶ Khi chơi Media qua kết nối DLNA, nó không tương thích với các file DivX mà được bao vệ bởi DRM.
- ▶ Tối đa 200 thư mục có thể được nhận trong cùng một thư mục.
- ▶ Tối đa 1000 thư mục và file có thể được nhận trong cùng một thư. mục.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

DANH SÁCH PHIM

Bạn có thể xem các file phim trên thiết bị USB.

Danh sách phim được kích hoạt một lần, USB sẽ phát hiện ra.

Nó được dùng khi xem các file phim trên TV. Hiện thị phim trong các thư mục ở USB.

Cho phép xem lại tất cả các phim trong thư mục và file yêu thích của người dùng.

Hiện thị thông tin thư mục và file phim.

Hiện thị trên màn hình có thể khác so với TV nhà bạn. Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.

Định dạng phim (*.mpg/*.mpeg/*.dat/*.ts/*.trp/*.tp/*.vob/*.mp4/*.mov/*.mkv/*.divx/*.avi/*.asf/*.wmv/*/*.flv/*.avi(motion-jpeg)/*.mp4(motion-jpeg)/*.mkv(motion-jpeg)) file tương thích.

Định dạng Video : DivX3.11, DivX4.12, DivX5.x, DivX6, Xvid1.00, Xvid1.01, Xvid1.02, Xvid1.03, Xvid1.10 beta-1/beta-2, Mpeg-1, Mpeg-2, Mpeg-4, H.264/AVC, VC1, JPEG, Sorenson H.263

Định dạng Audio: Dolby Digital, Mpeg, MP3, LPCM, ADPCM, WMA

Tốc độ truyền : Trong khoảng 32 kbps đến 320 kbps(MP3)

External Subtitle format : *.smi/*.srt/*.sub(MicroDVD,Subviewer1.0/2.0)/*.ass/*.ssa/*.txt(TMPlayer)/*.psb(PowerDivX)

Internal Subtitle format : only, XSUB (It is the subtitle format used in DivX6 files)

- Một số phụ đề do người dùng tạo ra có thể không xem được.
- Một số ký tự đặc biệt không tương thích trong phụ đề.
- Thẻ HTML không phù hợp trong phụ đề.
- Ngôn ngữ phụ đề mà khác với ngôn ngữ tương thích sẽ không dùng được.
- Màn hình có thể bị gián đoạn tạm thời (dừng hình ảnh, phát lại nhanh, etc.) khi thay đổi ngôn ngữ âm thanh.
- Những file phim lỗi có thể không xem được hoặc không thực hiện được một số chức năng khi xem.
- Những file phim sản xuất nhiều mã có thể không xem.
- Nếu cấu trúc video và audio của file được ghi không đan xen thì cả video và audio is outputted.
- HD videos có độ phân giải tối đa là 1920x1080@25/30P hoặc 1280x720@50/60P là phù hợp phụ thuộc vào khung hình.
- Videos có độ phân giải cao hơn 1920X1080@25/30P hoặc 1280x720@50/60P có thể hình ảnh không đẹp phụ thuộc vào khung hình.
- Những file phim khác định dạng tương thích có thể không xem được.
- **Tốc độ truyền tối đa của file phim có thể chơi được là 20 Mbps.** (Chỉ có, Motion JPEG : 10 Mbps (Ngoại trừ 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***))
- Chúng tôi không đảm bảo độ nét hình phát lại đã mã hóa cấp độ 4.1 hoặc cao hơn trong H.264/AVC.
- DTS Audio codec không tương thích.
- Một file phim có dung lượng hơn 30 GB không phù hợp để phát lại.
- File phim DivX và file phụ đề phải lưu trong cùng một thư mục.
- A video file name and its subtitle file name must be identical for it to be displayed.
- Khi xem phim qua kết nối USB, mà không tương thích tốc độ cao có thể vận hành không đúng.
- Những file có mã GMC (Global Motion Compensation) sẽ không chơi được.
- Khi xem phim sử dụng chức năng danh sách phim, bạn có thể điều chỉnh hình ảnh bằng cách nhấn phím **Energy Saving** và **AV Mode** trên điều khiển từ xa. Người dùng thiết lập cho mỗi chế độ hình ảnh không hoạt động.

File DivX tương thích

(Cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

File Extensions	A/V	Codec	Profile/Level Support	Explanation
.asf .wmv .wma	Video	VC-1 Advanced Profile	Advanced Profile@Level 3 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	Only streams compliant to SMPTE 421M VC-1 standard are supported.
		VC-1 Simple and Main Profiles	Simple Profile@Medium Level (e.g. CIF, QVGA) Main Profile@High Level (e.g. 1080p30)	
	Audio	WMA Standard		
		WMA 9 Professional		
.divx .avi	Video	DivX3.11		Global motion compensation or quarterpel motion estimation does not supported. Streams using this syntax are not supported.
		DivX4 DivX5 DivX6	Advanced Simple Profile (e.g. 720p/1080i)	
		XViD		
		H.264 / AVC	Main Profile@ Level 4.1 High Profile@ Level 4.1 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	
	Audio	MPEG-1Layer I, II MPEG-1 Layer III(MP3) Dolby Digital		
.mp4 .m4a .m4v	Video	H.264 / AVC	Main Profile@ Level 4.1 High Profile@ Level 4.1 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	Global motion compensation or quarterpel motion estimation does not supported. Streams using this syntax are not supported.
		MPEG-4 Part 2	Advanced Simple Profile (e.g. 720p/1080i)	
	Audio	MP3		
.mkv	Video	H.264 / AVC	Main Profile@ Level 4.1 High Profile@ Level 4.1 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	Most of the MKV content available is encoded by the open source x264 codec.
	Audio	MP3		
		Dolby Digital		
.ts .trp .tp	Video	H.264 / AVC	Main Profile@ Level 4.1 High Profile@ Level 4.1 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	Only streams compliant to SMPTE 421M VC-1 standard are supported.
		MPEG-2	Main Profile@High Level(e.g. 720p60, 1080i60)	
		VC-1	Simple Profile@Medium Level (e.g. CIF, QVGA) Main Profile@High Level (e.g. 1080p30) Advanced Profile@Level3 (e.g. 720p60, 1080i60, 1080p30)	
	Audio	MPEG-1Layer I, II MPEG-1 Layer III(MP3) Dolby Digital		
		MP3		
.vob	Video	MPEG-1		
		MPEG-2	Main Profile@High Level (e.g. 720p60, 1080i60)	
	Audio	Dolby Digital MPEG-1Layer I, II DVD-LPCM		
.mpg	Video	MPEG-1	Main Profile@High Level (e.g. 720p60, 1080i60)	Only streams compliant configured properly for TS, PS or ES
	Audio	MPEG-1Layer I, II		

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

File DivX tương thích

(Ngoại trừ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

File Extension name	Video Decoder	Audio Codec	Max Resolution
mpg, mpeg	MPEG1, 2	MP2, MP3, Dolby Digital, LPCM	1920x1080@30p (only, Motion JPEG 640x480@30p)
dat	MPEG1	MP2	
ts, trp, tp	MPEG2, H.264/AVC, VC1	MP2, MP3, Dolby Digital	
vob	MPEG1, 2	MP2, MP3, Dolby Digital, LPCM	
mp4, mov	MPEG4, DivX 3.11, DivX 4.12, DivX 5.x, DivX 6, Xvid 1.00, Xvid 1.01, Xvid 1.02, Xvid 1.03, Xvid 1.10-beta1/2, H.264/AVC	MP3	
mkv	H.264/AVC, MPEG-1,2,4	MP2, MP3, Dolby Digital, LPCM	
divx, avi	MPEG2, MPEG4, DivX 3.11, DivX 4, DivX 5, DivX 6, Xvid 1.00, Xvid 1.01, Xvid 1.02, Xvid 1.03, Xvid 1.10-beta1/2b H.264/AVC	MP2, MP3, Dolby Digital, LPCM, ADPCM	
Motion JPEG (avi, mp4, mkv)	JPEG	LPCM, ADPCM	
asf, wmv	VC1	WMA	
flv	Sorenson H.263, H264	MP3	

Giao diện màn hình

Bạn có thể điều chỉnh **USB** trên trình đơn **INPUT**.

1



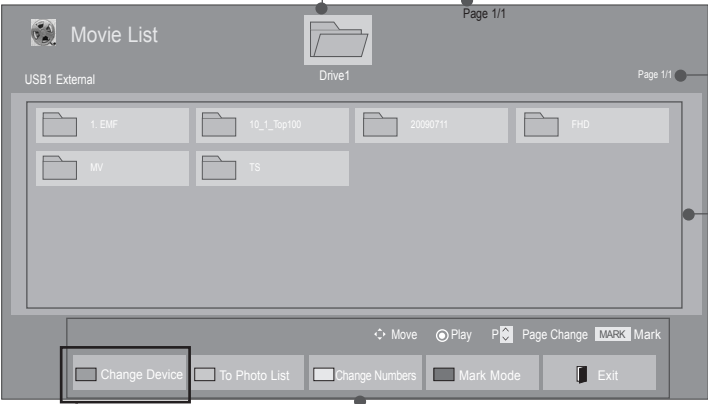
Chọn **MY MEDIA**.

2



Chọn **Movie List**.

1 Di chuyển tới thư mục trên cùng.
2 Trang hiện thời/Tổng số trang.
3 Các phím tương ứng trên điều khiển từ xa.
4 Nội dung theo thư mục, tập hợp trên **1**.
5 Trang hiện thời/Tổng số trang nội dung theo thư mục, tập hợp trên **1**.



Chỉ cho model 32/42/52LD56*,
 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**,
 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***

- Một số file có thể hiển thị hình ảnh xem trước chỉ bằng biểu tượng.



- Những file không tương thích hiển thị biểu tượng như hình dưới.



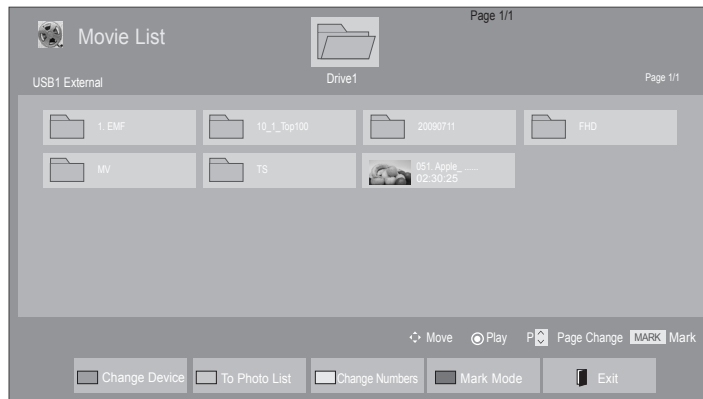
- Những file bất thường hiển thị như hình ảnh dưới.

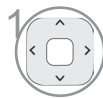
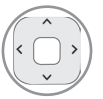
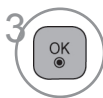


SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Lựa chọn phim

■ Xem phim



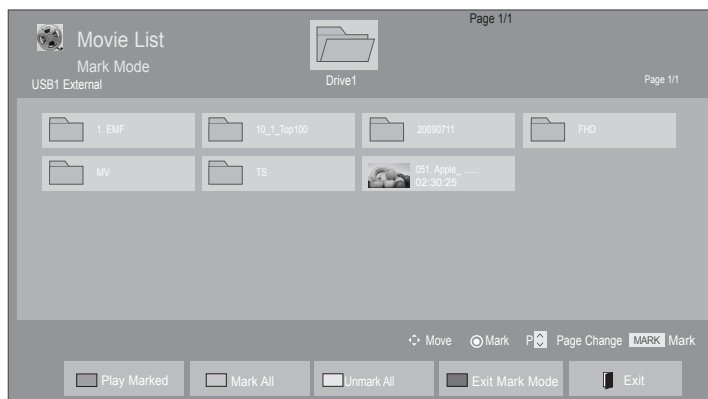
- 1  Chọn thư mục đích hoặc thiết bị.
- 2   Chọn tiêu đề phim yêu thích.
- 3  Xem phim.

• Dùng phím **P**   để di chuyển trong trang phim.

Sử dụng điều khiển từ xa

	Thay đổi thiết bị. (Chỉ có ở model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)
	Lặp lại nhiều lần, nhấn phim GREEN để chuyển đổi Photo List → Music List .
	Xem 5 ảnh lớn hoặc danh sách đơn giản.
	Chuyển sang chế độ Mark Mode .
	Quay lại xem TV bình thường.
	Nhấn phím PLAY(▶) quay lại màn hình trước đó.

■ Phát những file phim được chọn



- 1  Chọn thư mục đích hoặc thiết bị.
- 2   Chọn tiêu đề phim yêu thích.
- 3  or  Chuyển sang chế độ **Mark Mode**.
- 4   Đánh dấu file phim yêu thích.
- 5  Xem file phim đã đánh dấu.

- Khi một hoặc nhiều file phim được đánh dấu, những file được đánh dấu sẽ phát liên tục.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Sử dụng điều khiển từ xa

	Phát những file phim đã chọn. Khi một file phim kết thúc, một file đã chọn tiếp sẽ tự động phát.
	Đánh dấu các file phim trên màn hình.
	Hủy bỏ lựa chọn các file phim đã đánh
	Thoát khỏi chế độ Mark Mode .
	Quay về chế độ xem TV bình thường.

! CHÚ Ý

- ▶ Nếu bạn chọn “Yes” từ OSD khi đang chơi file giống nhau, sau khi file phim dừng lại, nó sẽ tiếp tục phát lại tại thời điểm dừng lại trước đó.
- ▶ Nếu các file nối tiếp liên tục trên thư mục, file tiếp đó sẽ tự động chơi.
Nhưng, loại trừ trường hợp này khi chức năng **Repeat** trên tùy chọn danh sách phim (Movie List Option) ở chế độ “On” (Tham khảo T.91) hoặc khi được thiết lập như Marked Play.
- ▶ Trong trường hợp các file bị lỗi, sẽ xuất hiện một thông báo.

Sử dụng chức năng hiển thị theo danh sách để xem phim



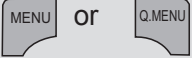
- 1  or  Hiển thị trình đơn **Option**.
- 2  Chọn **Set Video Play.**, **Set Video.** hoặc **Set Audio..**

! CHÚ Ý

- ▶ Những giá trị tùy chọn thay đổi trong **Movie List** không ảnh hưởng tới **Photo List** và **Music List**.
- ▶ Giá trị tùy chọn thay đổi trong **Photo List** và **Music List** cũng thay đổi như vậy trong **Photo List** và **Music List** ngoại trừ **Movie List**.
- ▶ Khi phát lại các file đã dừng, bạn có thể xem chúng bắt đầu từ lúc bị ngừng lại trước đó.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Sử dụng điều khiển từ xa

	Dừng xem phim.
	Nhấn phím PLAY(▶) quay lại màn hình trước đó.
	Khi đang phát, nhấn phím Pause(II) . ■ Màn hình vẫn hiển thị. ■ Nếu không nhấn vào bất kỳ phím nào trên điều khiển từ xa khoảng 10 phút sau khi tạm dừng, TV sẽ quay lại trạng thái trước đó. ■ Nhấn phím Pause(II) và sau đó nhấn phím FF(▶▶) cho chế độ phát chậm hình.
	Khi đang phát, lặp lại, nhấn phím REW(◀◀) để tua phim lại ◀◀(x2) -> ◀◀◀(x4) -> ◀◀◀◀(x8) -> ◀◀◀◀◀(x16) -> ◀◀◀◀◀◀(x32) . lặp lại, nhấn phím FF(▶▶) để tua phim đi ▶▶(x2)-> ▶▶▶(x4) -> ▶▶▶▶(x8) ->▶▶▶▶▶(x16) -> ▶▶▶▶▶▶(x32).
	Hiển thị trình đơn Option .
	Ẩn menu trên màn hình chế độ full ■ Để xem lại menu trên ở chế độ đầy màn hình, hãy nhấn phím OK.
	Quay lại chế độ xem TV bình thường.
	■ Khi dùng phím < hoặc > khi đang phát, con trỏ chỉ tại vị trí có thể hiển thị trên màn hình.
	Nhấn phím ENERGY SAVING liên tục để thay đổi độ sáng của màn hình. (Tham khảo T. 119)
	Nhấn phím AV MODE liên tục để chọn nguồn mong muốn. (Tham khảo T. 55)

■ Lựa chọn thiết lập xem video (Set Video Play)

Set Video Play.

Picture Size ◀ Full ▶

Audio Language ◀ 1 ▶

Subtitle Language ◀ On ▶

- Language ◀ English ▶
- Code page ◀ Default ▶
- Sync ◀ 0 ▶
- Position ◀ 0 ▶
- Size ◀ Normal ▶

Repeat ◀ On ▶

◀ Previous ▶

1. Chọn **Picture Size**, **Audio Language**, **Subtitle** hoặc **Repeat**.
2. Điều chỉnh thích hợp.

Subtitle Language	Support Language
Latin1	English, French, Spanish, Portuguese, Malaysia, Indonesia
Cyrillic	Russian
Thai	Thai
Hebrew	Hebrew
Arabic	Arab, Parsi, Krudish
Unicode(UTF-16)	Vietnamese language

- **Picture Size** : Chọn định hình ảnh yêu cầu khi xem phim.
- **Audio Language** : Thay đổi nhóm ngôn ngữ âm thanh khi xem phim.
- **Subtitle Language** : Bật / Tắt phụ đề.
- **Language** : Kích hoạt phụ đề SMI và có thể chọn ngôn ngữ phụ đề.
- **Code page**: Chọn font chữ phụ đề. Khi thiết lập ở chế độ mặc định, cùng một font giống như menu chính sử dụng.
- **Sync** : Điều chỉnh đồng bộ hóa thời gian của phụ đề từ -10 giây tới +10 giây theo các bước 0.5 giây khi xem phim.
- **Position** : Thay đổi vị trí phụ đề, lên hoặc xuống khi xem phim.
- **Size** : Lựa chọn kích thước phụ đề yêu cầu khi xem phim.
- **Repeat** : Bật / Tắt chức năng xem lại. Khi bật, file trong thư mục sẽ phát lại liên tục. Ngay cả khi phát lại lặp lại ở chế độ tắt, nó có thể phát lại nếu tên file tương tự file trước đó.

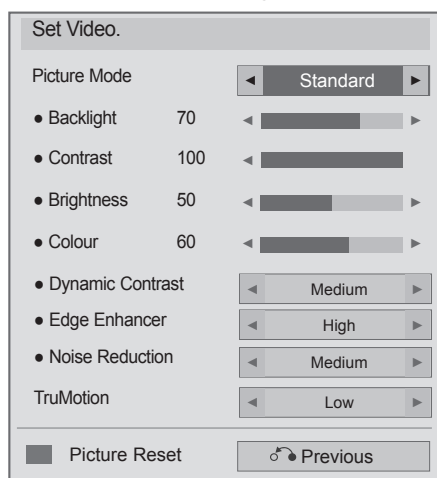
! CHÚ Ý

- Chỉ 10000 khối đồng bộ hóa tương thích với các file phụ đề.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

■ Lựa chọn thiết lập chế độ hình ảnh (Set Video)

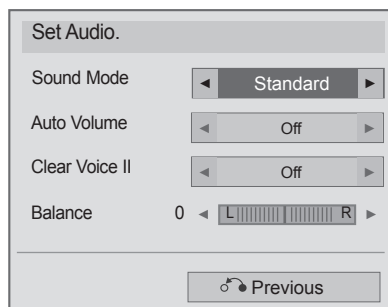
- Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.



1   Chọn **Picture Mode** hoặc **TruMotion**.

2  Điều chỉnh thích hợp. (Tham khảo T. 120 đến 129)

■ Lựa chọn thiết lập chế độ âm thanh (Set Audio)



1   Chọn **Sound Mode**, **Auto Volume**, **Clear Voice II** hoặc **Balance**.

2  Điều chỉnh thích hợp. (Tham khảo từ T. 133 đến 137)

DANH SÁCH HÌNH ẢNH

Bạn có thể xem file hình ảnh trên thiết bị USB.

Hiển thị trên màn hình có thể khác so với TV nhà bạn. Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. Khi bạn xem ảnh bằng chức năng danh sách ảnh (Photo List), bạn không thể thay đổi chế độ hình ảnh.

Hình ảnh (*.JPEG) là định dạng tương thích.

Đường quét ảnh (Baseline) : 64 x 64 to 15360 x 8640

Hiển thị hình ảnh (Progressive) : 64 x 64 to 1920 x 1440

- Bạn chỉ có thể xem được hình ảnh định dạng JPEG.
- File không tương thích sẽ hiển thị biểu tượng tương ứng.

Giao diện màn hình

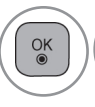
Bạn có thể điều chỉnh **USB** trên trình đơn **INPUT**.

1



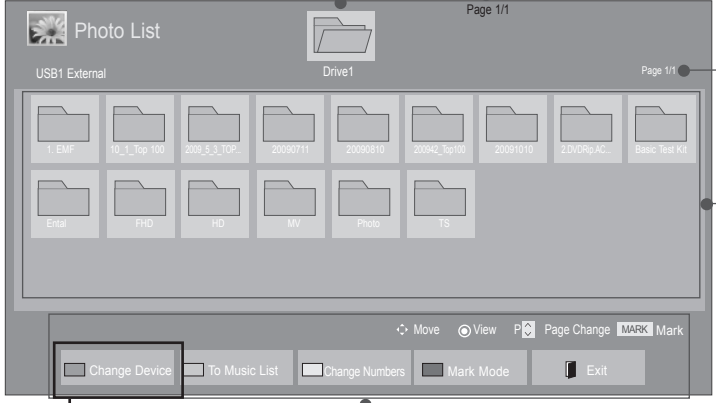
Chọn **MY MEDIA**.

2



Chọn **Photo List**.

1 Di chuyển tới thư mục trên cùng.
 2 Trang hiện thời/Trang tổng thể.
 3 Các phím tương ứng trên điều khiển từ xa.
 4 Nội dung theo thư mục, tập hợp trên
 5 Trang hiện thời/Tổng số trang nội dung theo thư mục, tập hợp trên

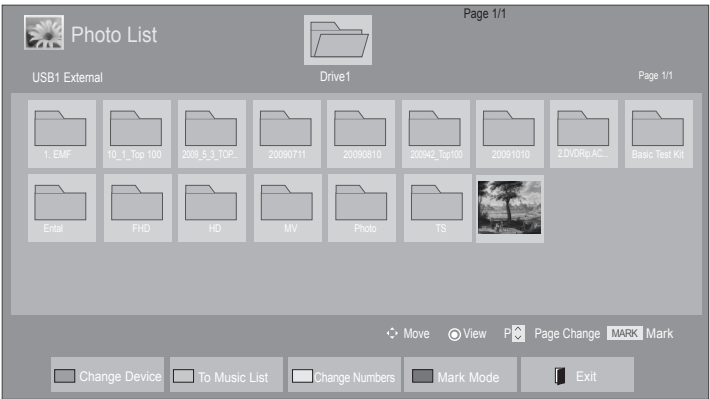


Chỉ cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**,
 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***,
 42/47/55LE8***

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Chọn hình ảnh

■ Xem file hình ảnh



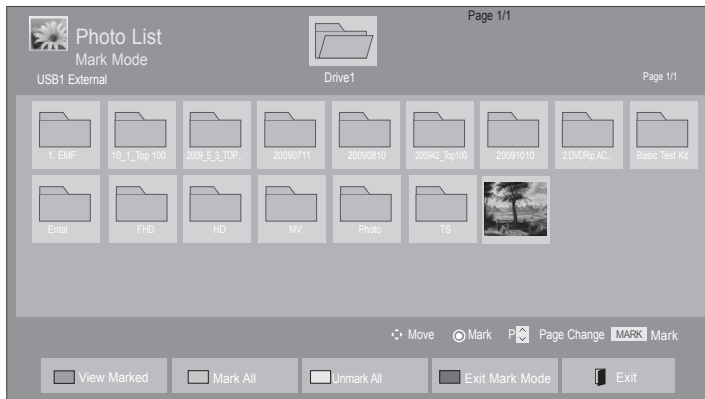
1. Chọn thư mục đích hoặc các thiết bị.
2. Chọn hình ảnh mong muốn.
3. Hiển thị file hình ảnh.

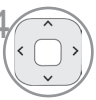
• Nhấn phím **P** để di chuyển đến trang hình ảnh.

Sử dụng điều khiển từ xa

	Thay đổi các thiết bị. (Chỉ cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)
	Nhấn phím GREEN nhiều lần để chuyển Music List -> Movie List .
	Xem 5 hình ảnh rộng hoặc danh sách đơn danh.
	Chuyển sang chế độ Mark Mode .
	Quay lại chế độ xem TV bình thường.

■ Hiện thị file hình ảnh đã chọn



- 1  Chọn thư mục đích hoặc các thiết bị.
- 2   Chọn hình ảnh mong muốn.
- 3  or  Chuyển sang chế độ **Mark Mode**.
- 4   Đánh dấu những file ảnh yêu thích.
- 5  Xem những file ảnh đã đánh dấu.

• Khi một hoặc nhiều hình ảnh được đánh dấu, bạn có thể xem hoặc trình diễn từng ảnh được đánh dấu. Nếu không ảnh nào được đánh dấu, bạn vẫn có thể xem tất cả ảnh riêng biệt hoặc trình diễn tất cả ảnh trong thư mục.

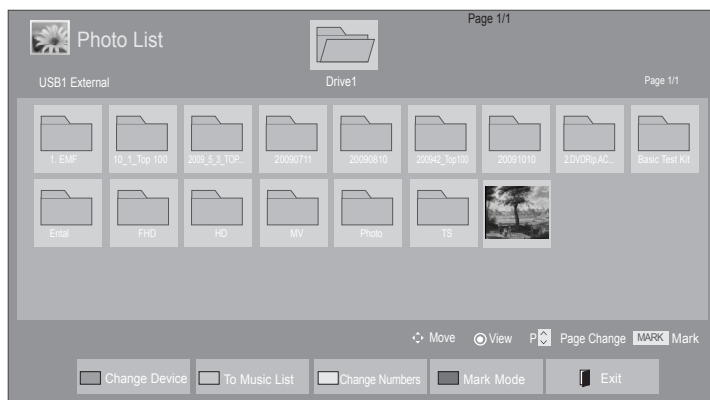
Sử dụng điều khiển từ xa

	Hiện thị những file ảnh đã chọn.
	Đánh dấu tất cả file ảnh trên màn hình.
	Hủy bỏ đánh dấu các file ảnh.
	Thoát khỏi chế độ Mark Mode .
	Quay lại chế độ xem TV bình thường.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Xem ảnh

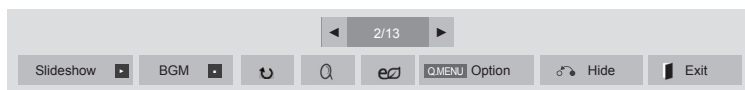
Vận hành chi tiết luôn sẵn sàng ở chế độ màn hình xem ảnh kích thước rộng.



Tỷ lệ hướng của ảnh có thể thay đổi kích thước ảnh hiển thị trên chế độ toàn màn hình. Nhấn phím **EXIT** để chuyển sang chế độ màn hình trước đó.

→ (Chỉ cho model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

or



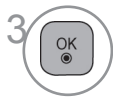
→ (Ngoại trừ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)



1 Chọn thư mục nguồn hoặc các thiết bị.



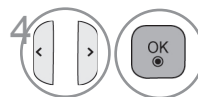
2 Chọn ảnh mong muốn.



3 Hiển thị hình ảnh được chọn ở chế độ toàn màn hình.

• Nhấn phím **P** ^ v button để di chuyển trong trang hình ảnh.

- Nhấn phím **EXIT** quay trở lại danh sách ảnh (Photo List).
- Nhấn phím **BACK** để thoát khỏi OSD (hiển thị trên màn hình).



Lựa chọn
Slideshow,
BGM, **↻ (Rotate)**,
🔍/🔍 (or 🔍), **💡**
, Option, Hide
hoặc **Exit**.

- Sử dụng phím **< >** để chọn hình ảnh trước đó hoặc tiếp theo.
- Sử dụng phím **< >** để chọn và điều chỉnh trình đơn ở chế độ toàn màn hình.

► **Slideshow** : Khi không có hình ảnh nào được chọn, tất cả hình ảnh trong thư mục hiện thời sẽ hiển thị khi trình duyệt. Nếu một số ảnh được lựa chọn, những hình đó cũng hiển thị ở chế độ trình diễn.

■ Cài đặt khoảng thời gian trình diễn ảnh trên trình đơn **Option**.

► **BGM** (Nhạc nền) : Nghe nhạc trong khi đang xem ảnh ở chế độ toàn màn hình.

■ Cài đặt thư mục nhạc (Music Folder) làm nhạc nền (BGM) trên Options trước khi sử dụng chức năng này.

■ Bạn có thể điều chỉnh **Option** bằng phím **Q.MENU** hoặc **MENU** trên điều khiển từ xa.

► **↻ (Rotate)** : Xoay hình ảnh

■ Xoay ảnh 90°, 180°, 270°, 360° theo chiều kim đồng hồ.

■ Sẽ không xoay được ảnh nếu chiều rộng của ảnh lớn hơn chiều cao tương ứng.

► **🔍 (ZOOM IN)**: Xem ảnh phóng to 2, 4 lần.

► **🔍/🔍** : Xem ảnh toàn màn hình và nguyên gốc.

► **💡** : Nhấn phím **ENERGY SAVING** nhiều lần để thay đổi độ sáng của màn hình. (Tham khảo từ trang 119)

► **Option** : Thiết lập các giá trị để trình diễn ảnh (**Slide Speed**) và **Music Folder** cho **BGM**.

■ Sử dụng phím **^ v < >** và **OK** để cài đặt giá trị. Nhấn phím **OK** để lưu thiết lập.

■ Bạn không thể thay đổi thư mục nhạc (**Music Folder**) khi nhạc nền (BGM) đang phát.

■ Bạn chỉ có thể lựa chọn thư mục MP3 lưu trên thiết bị mà hiển thị hình ảnh.

► **Hide** : Ẩn trình đơn trong chế độ toàn màn hình.

■ Để xem lại trình đơn (Menu) ở chế độ toàn màn hình, hãy nhấn phím **OK**. Nhấn phím **EXIT** quay trở về **Photo List**.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Sử dụng chức năng danh sách ảnh (Photo List)



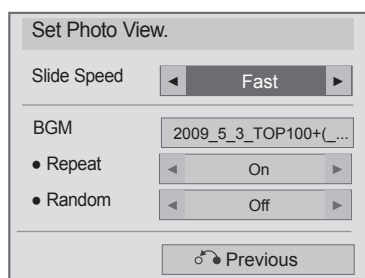
1. or Hiển thị trình đơn **Option**.

2. Chọn **Set Photo View.**, **Set Video.** hoặc **Set Audio..**

! CHÚ Ý

- ▶ Giá trị tùy chọn thay đổi trên **Movie List** không ảnh hưởng tới **Photo List** và **Music List**.
- ▶ Giá trị tùy chọn thay đổi trên **Photo List** và **Music List** được thay đổi như trong **Photo List** và **Music List** ngoại trừ **Movie List**.

■ Lựa chọn thiết lập xem ảnh (Set Photo View)

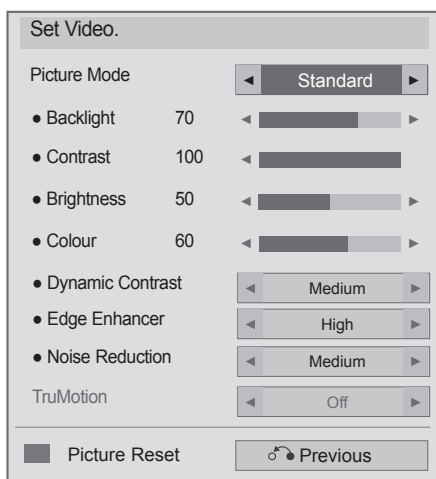


1. Chọn **Slide Speed** hoặc **Music Folder**.

2. Điều chỉnh thích hợp.

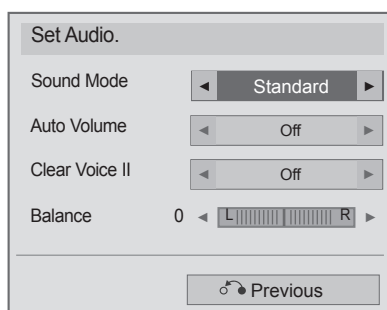
■ Chọn thiết lập video (Set video)

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



- 1   Chọn **Picture Mode** hoặc **TruMotion**.
- 2  Điều chỉnh thích hợp. (Tham khảo từ trang 120 đến 129)

■ Lựa chọn thiết lập âm thanh (Set Audio)



- 1   Chọn **Sound Mode**, **Auto Volume**, **Clear Voice II** hoặc **Balance**.
- 2  Điều chỉnh thích hợp (Tham khảo từ trang 133 đến 137)

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

DANH SÁCH NHẠC

Bạn có thể chơi các file nhạc trên thiết bị USB.

Các file nhạc (*.MP3) đã mua có thể có các hạn chế về bản quyền. Phát những file này có thể không tương thích với model này.

Có thể phát các file nhạc trong USB của bạn trên sản phẩm này.

Hiển thị trên màn hình có thể khác số với TV nhà bạn. Hình ảnh đó chỉ là ví dụ giúp bạn thao tác trên TV.

MUSIC (*.MP3) File nhạc tương thích.

Tốc độ truyền: 32 đến 320

- Sampling rate MPEG1 Layer3 : 32 kHz, 44.1 kHz, 48 kHz
- Sampling rate MPEG2 Layer3 : 16 kHz, 22.05 kHz, 24 kHz
- Sampling rate MPEG2.5 Layer3 : 8 kHz, 11.025 kHz, 12 kHz

Ngoại trừ model 32/42/52LD56*,
32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**,
32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***

Giao diện màn hình

Bạn có thể điều chỉnh **USB** trên trình đơn **INPUT**.

1

Chọn **MY MEDIA**.

2

Chọn **Music List**.

1

Xem trước: Nếu file nhạc có bìa album (Ảnh Bìa Album), thì trang bìa này sẽ hiển thị.

2

Di chuyển tới thư mục trên cùng

3

Trang hiện thời/Trang tổng thể

4

Phím tương ứng trên điều khiển từ xa.

5

Nội dung theo thư mục, tập hợp trên 1

6

Trang hiện thời/Trang tổng thể nội dung theo thư mục, tập hợp trên 1

Music List

Page 1/1

USB External

Drive1

001 - Diet(feat.)mp3
00:00

002 - Mad(Feat.)mp3
00:00

003 - 2NE1 - Fire.mp3
00:00

004 - Melody.mp3
00:00

005 - Gift.mp3
00:00

Change Device

To Movie List

Change Numbers

Mark Mode

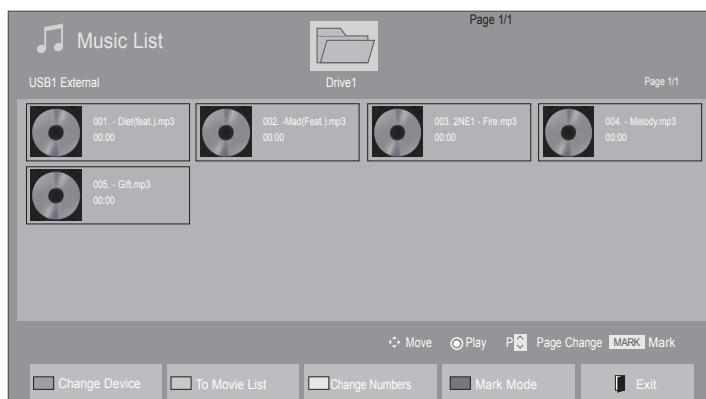
Exit

Chỉ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**,
32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***,
42/47/55LE8***

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

100

Chọn nhạc



■ Khi đang chơi các bài nhạc

- 1  Chọn thư mục đích hoặc các thiết bị.
- 2   Chọn chủ đề âm nhạc yêu thích.
- 3  Nghe nhạc.

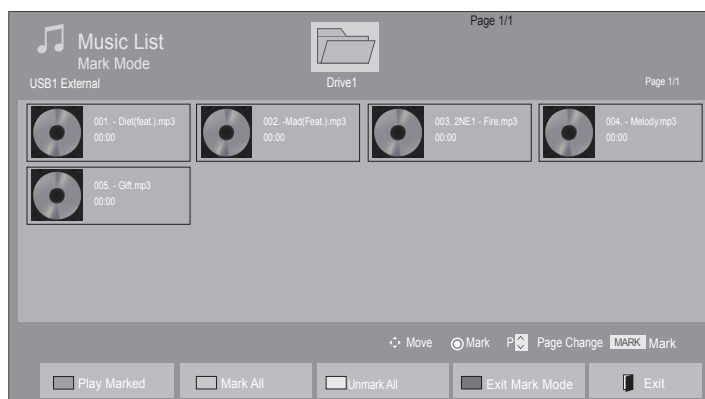
- Sử dụng phím **P**   để di chuyển lên/xuống trên trang nhạc.

Sử dụng điều khiển từ xa

	Thay đổi thiết bị. (Chỉ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)
	Nhấn phím GREEN nhiều lần để chuyển Movie List → Photo List .
	Phương pháp xem 5 ảnh rộng hoặc danh sách đơn.
	Chuyển sang chế độ Mark Mode .
	Quay lại chế độ xem TV bình thường.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

■ Nghe file nhạc đã chọn



1. Chọn thư mục đích hoặc từ các thiết bị.
2. Chọn file nhạc muốn nghe.
3. or Chuyển sang chế độ **Mark Mode**.
4. Đánh dấu những file nhạc muốn nghe.
5. Nghe những file nhạc đã đánh dấu.

- Khi một hoặc nhiều file nhạc được đánh dấu, những file đã đánh dấu sẽ phát liên tục. Ví dụ, nếu bạn chỉ muốn nghe một file nhạc nhiều lần, thì bạn chỉ đánh dấu file nhạc đó thôi và nghe. Nếu không có file nhạc nào được đánh dấu thì tất cả các file nhạc trong thư mục sẽ phát liên tiếp.
- Nếu bạn muốn kích hoạt chế độ phát ngẫu nhiên, bạn phải thiết lập **Option->Set audio play.->Random là On**.

Sử dụng điều khiển từ xa

	Nghe file nhạc đã chọn.
	Đánh dấu tất cả file nhạc trên màn hình.
	Hủy bỏ chọn những file nhạc đã đánh dấu.
	Thoát khỏi chế độ Mark Mode .
	Quay lại chế độ xem TV bình thường.

Sử dụng chức năng danh sách nhạc để nghe



1  or  Hiển thị trình đơn **Option**.

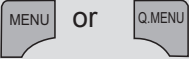
2  Chọn **Set Audio Play.** hoặc **Set Audio.**

! CHÚ Ý

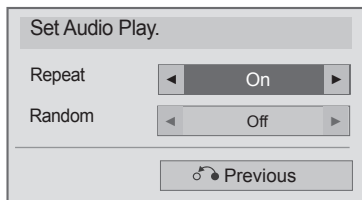
- ▶ Giá trị tùy chọn được thay đổi trên Movie List không ảnh hưởng đến Photo List và Music List.
- ▶ Giá trị tùy chọn được thay đổi trên Photo List và Music List được thay đổi như trong Photo List và Music List ngoại trừ Movie List.
- ▶ Bạn chỉ có thể nghe nhạc ở thiết bị phát hiện thời.

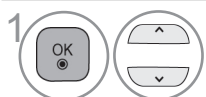
SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

Sử dụng điều khiển từ xa

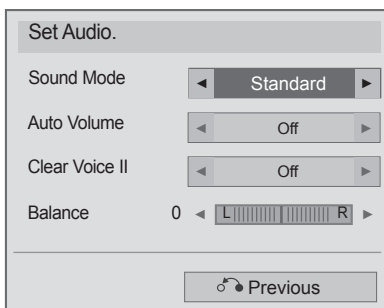
	Dừng phát nhạc
	Nhấn phím PLAY(▶) để tiếp tục phát
	Nhấn phím Pause(II) trong khi đang nghe, nhạc sẽ tạm dừng Nhấn lại phím Pause(II) khi nhạc tạm dừng, nó sẽ tiếp tục.
	Khi đang phát, Nhấn phím REW(◀◀) , file nhạc trước đó sẽ phát. Nhấn phím FF(▶▶) , file nhạc tiếp theo sẽ phát.
	Bắt đầu phát file nhạc đã chọn và di chuyển đến Photo List .
	Nhấn phím ENERGY SAVING nhiều lần để thay đổi độ sáng màn hình của bạn. (Tham khảo từ trang 119) Chỉ có Off/Screen Off hoạt động từ Movie List, Photo List, Music List.
	Hiển thị menu Option .
	■ Khi bạn nhấn phím Back trong khi file nhạc đang phát, file nhạc đang chơi sẽ bị ẩn, chỉ hiển thị danh sách nhạc.
	■ Nhấn phím Exit trong khi Music player hiển thị, file nhạc sẽ dừng phát và thiết bị không quay lại chế độ xem TB bình thường. ■ Nhấn phím Exit khi nhạc đã tắt hoặc khi thiết bị Music player bị ẩn, thiết bị sẽ không quay lại chế độ xem TV bình thường.
	■ Sử dụng phím < hoặc > trong khi phát, con trỏ chỉ ở vị trí có thể chơi. d

■ Lựa chọn thiết lập phát âm thanh (Set Audio Play)



-  Chọn **Repeat** hoặc **Random**.
-  Điều chỉnh thích hợp.

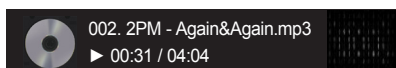
■ Lựa chọn thiết lập chế độ âm thanh (Set Audio)



1.   Chọn **Sound Mode**, **Auto Volume**, **Clear Voice II** hoặc **Balance**.
2.  Điều chỉnh thích hợp. (Tham khảo từ trang 133 đến 137)

- Nếu bạn không nhấn bất kỳ phím nào trong khi đang nghe nhạc, thì hộp thoại thông tin (như hình dưới) sẽ hiện lên như là màn hình chờ/màn hình bảo vệ (Screen Saver).
- Màn hình bảo vệ 'Screen Saver'?

Screen saver là để ngăn chặn những lỗi pixel trên màn hình do hình ảnh cố định còn lại trên màn hình trong một thời gian dài.



! CHÚ Ý

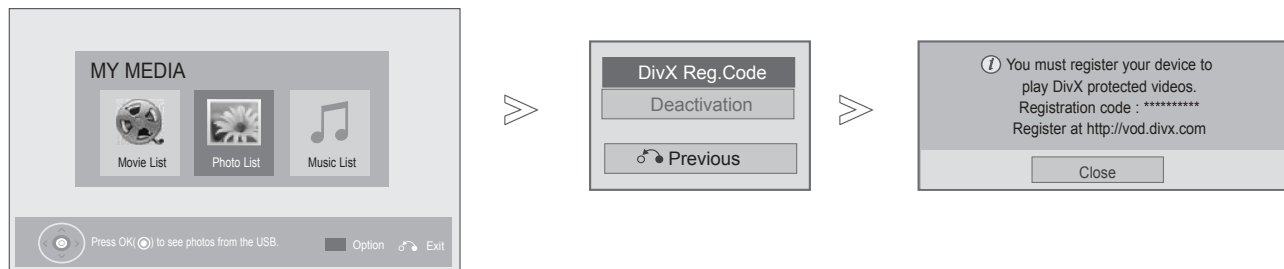
- ▶ Có File nhạc bị hỏng hoặc lỗi không nghe được nhưng vẫn hiển thị 00:00 trên playtime.
- ▶ Một file nhạc tải xuống từ dịch vụ đã thanh toán có bảo vệ bản quyền không khởi động nhưng vẫn hiển thị thông tin không thích hợp trên playtime.
- ▶ Nếu nhấn phím OK, ■, màn hình bảo vệ (Screen Saver) dừng lại.
- ▶ Phím PLAY(▶), Pause(II), ■, ▶▶, ◀◀ trên điều khiển từ xa có thể hoạt động được trong chế độ này.
- ▶ Bạn có thể sử dụng phím ▶▶ để chọn file nhạc tiếp và phím ◀◀ để chọn file nhạc trước đó.

SỬ DỤNG THIẾT BỊ USB

MÃ ĐĂNG KÝ DIVX

Xác nhận mã đăng ký DivX của TV. Khi sử dụng số đăng ký, ta có thể mua hoặc thuê phim trên trang web www.divx.com/vod.

Với mã đăng ký DivX từ TV khác, việc phát lại những file DivX được thuê hoặc bán là không được phép. (Chỉ file DivX phù hợp với mã số đăng ký của TV bạn mua mới phát được).



1. Chọn **MY MEDIA**.
2. Chọn **DivX Reg. Code**.
3. Hiển thị mã đăng ký DivX.

• Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở lại chế độ xem TV bình thường.



ABOUT DIVX VIDEO: DivX® is a digital video format created by DivX, Inc. This is an official DivX Certified device that plays DivX video. Visit www.divx.com for more information and software tools to convert your files into DivX video.

ABOUT DIVX VIDEO-ON-DEMAND: This DivX Certified® device must be registered in order to play DivX Video-on-Demand (VOD) content. To generate the registration code, locate the DivX VOD section in the device setup menu. Go to vod.divx.com with this code to complete the registration process and learn more about DivX VOD.

“DivX Certified to play DivX video up to HD 1080p, including premium content”

“Pat. 7,295,673; 7,460,688; 7,519,274”

! NOTE

► File phim phải tương thích như sau:

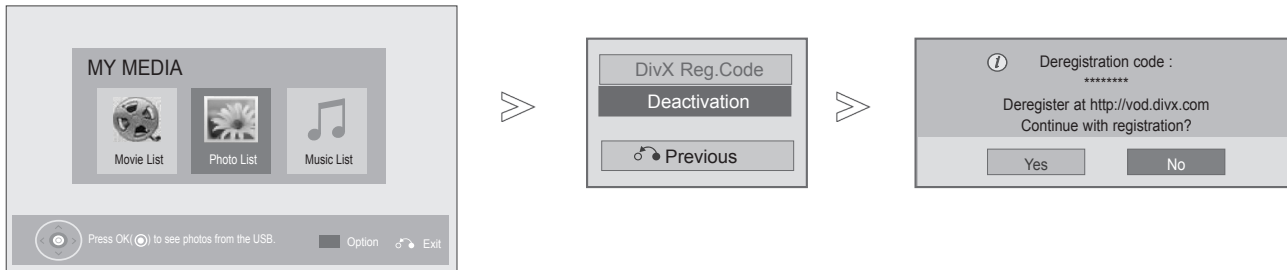
Resolution : under 1920x1080 WxH pixels

Frame rate : under 30 frames/sec(1920x1080), under 60 frames/sec(under 1280x720)

► Video Codec : MPEG 1, MPEG 2, MPEG 4, H.264/AVC, DivX 3.11, DivX 4.12, DivX 5.x, DivX 6, Xvid 1.00, Xvid 1.01, Xvid 1.02, Xvid 1.03, Xvid 1.10-beta1, Xvid 1.10-beta2, JPEG, VC1, Sorenson H.263/H.264

BỎ KÍCH HOẠT

Mục đích của việc bỏ kích hoạt là làm mất tác dụng các thiết bị đối với người sử dụng mà đã được kích hoạt xác nhận tất cả các thiết bị đều sẵn sàng thông qua máy chủ trang web và bị chặn kích hoạt các thiết bị khác. DivX VOD cho phép khách hàng kích hoạt tới 6 thiết bị trên một tài khoản, nhưng để thay thế và bỏ kích hoạt một số thiết bị đó. khách hàng phải liên hệ tới trung tâm hỗ trợ DivX và yêu cầu xóa đi. Hiện giờ với những chức năng mới cập nhật, khách hàng sẽ tự hủy bỏ kích hoạt các thiết bị và vì vậy quản lý thiết bị DivX VOD tốt hơn.



1. Chọn **MY MEDIA**.
2. Chọn **Deactivation**.
3. Chọn **Yes**.
4. Hiển thị **Deactivation**.

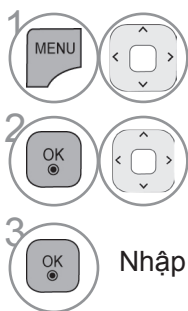
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

GAME

GAME

(Chỉ có ở model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Cho phép bạn chơi các trò chơi cài đặt trên TV.



Chọn **GAME**.

Chọn trò chơi bạn muốn.

Nhập kiểu trò chơi được chọn

• Nhấn phím **EXIT** để quay lại chế độ xem TV bình thường.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

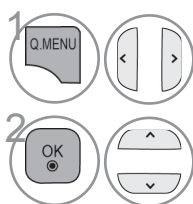
ĐIỀU CHỈNH KÍCH THƯỚC HÌNH ẢNH (TỶ LỆ KHUNG HÌNH)

Bạn có thể xem màn hình với những dạng hình ảnh khác nhau; tỷ lệ 16:9, Just Scan, Original, Full Wide, 4:3, 14:9, Zoom và Cinema Zoom.

Nếu một hình ảnh cố định hiển thị trên màn hình trong một thời gian dài, thì hình ảnh đó có thể lưu trên màn hình và có thể nhìn thấy được

Bạn có thể điều chỉnh tỷ lệ phóng to bằng cách sử dụng phím ^ v

Chức năng này hoạt động theo những quy tắc sau:



Chọn **Aspect Ratio**.

Chọn kiểu hình ảnh bạn muốn.

- Bạn cũng có thể điều chỉnh **Aspect Ratio** trên menu **PICTURE**.
- Thiết lập phóng hình, chọn **14:9**, **Zoom** và **Cinema Zoom** trên Ratio Menu. Sau khi hoàn thành Zoom Setting, sẽ hiển thị về Q.Menu.

• 16:9

Lựa chọn này cho phép bạn điều chỉnh chiều ngang hình ảnh theo tỷ lệ gần cân xứng để hiển thị đầy màn hình (dùng để xem DVD 4:3).

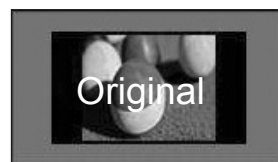


• Original

Khi TV nhà bạn nhận tín hiệu màn hình rộng, nó sẽ tự động thay đổi theo định dạng phát.



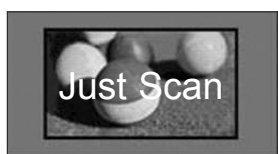
or



• Just Scan

Lựa chọn này cho phép bạn xem chất lượng hình ảnh tốt nhất mà không làm mất đi chất lượng hình ảnh gốc ở độ phân giải cao.

Chú ý: Nếu hình ảnh gốc có nhiễu, bạn có thể thấy nhiễu ở các cạnh.



• Full Wide (Chỉ ở DTV)

Khi TV nhận tín hiệu màn hình rộng, bạn phải điều chỉnh hình ảnh theo chiều ngang hoặc chiều dọc theo tỷ lệ cân xứng để hình ảnh rộng toàn màn hình. Video định dạng 4:3 và 14:9 phù hợp với chế độ hiển thị toàn màn hình mà hình ảnh không bị biến dạng qua đầu vào DTV.



or



• **4:3**

Lựa chọn này cho phép bạn xem hình ảnh ở tỷ lệ gốc 4:3.



• **14:9**

Bạn có thể xem hình ảnh định dạng 14:9 hoặc chương trình TV thông thường ở chế độ 14:9. Màn hình 14:9 xem giống như xem tỷ lệ 4:3, nhưng phóng to bên trên và bên dưới.



• **Zoom**

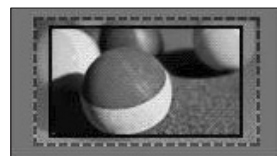
Lựa chọn này cho phép bạn xem hình ảnh mà không có bất kỳ sự biến đổi nào khi làm đầy màn hình. Tuy nhiên phía trên và dưới hình ảnh sẽ bị xén bớt.



• **Cinema Zoom**

Chọn Cinema Zoom khi bạn muốn điều chỉnh rộng hình ảnh theo đúng tỷ lệ cân xứng.

Chú ý: Khi điều chỉnh rộng hoặc thu nhỏ hình ảnh, hình ảnh có thể bị biến dạng.



Phím ◀ hoặc ▶: Điều chỉnh tỷ lệ phóng to hình ảnh Cinema Zoom. Phạm vi điều chỉnh là từ 1 đến 16.

Phím ▼ hoặc ▲: Di chuyển màn hình.

! **CHÚ Ý**

- ▶ Bạn chỉ có thể lựa chọn tỷ lệ **4:3**, **16:9** (Rộng), **14:9**, **Zoom/Cinema Zoom** ở chế độ Component.
- ▶ Bạn chỉ có thể lựa chọn tỷ lệ **4:3**, Original, **16:9** (Rộng), **14:9**, **Zoom/Cinema Zoom** ở chế độ HDMI.
- ▶ Bạn chỉ có thể lựa chọn tỷ lệ **4:3**, **16:9** (Wide) chỉ ở chế độ RGB-PC, HDMI-PC.
- ▶ Ở chế độ DTV/HDMI/Component (trên 720p), **Just Scan** mới có tác dụng.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

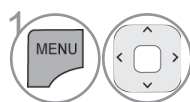
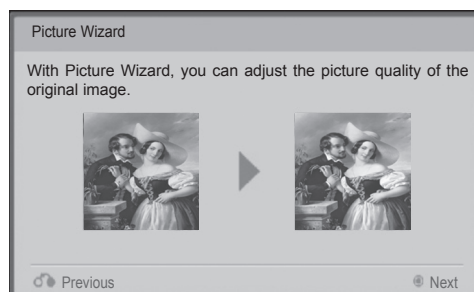
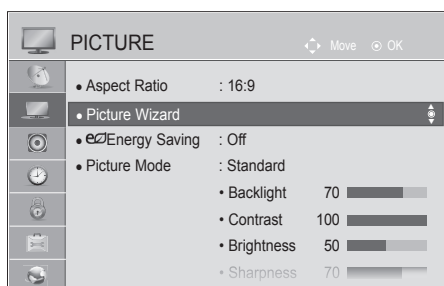
PICTURE WIZARD

Chức năng này giúp bạn điều chỉnh chất lượng hình ảnh của hình ảnh gốc.

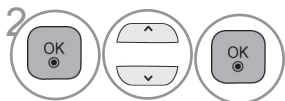
Sử dụng chức năng này để hiệu chuẩn chất lượng màn hình bằng cách điều chỉnh mức độ Trắng và Đen... Mỗi người sử dụng có thể hiệu chuẩn chất lượng màn hình theo những cấp khác nhau.

Khi điều chỉnh hình ảnh đến độ Bình thường (Low), Khuyến nghị (Recommended) hoặc Cao (High), bạn có thể nhìn thấy ngay kết quả như một ví dụ dưới đây.

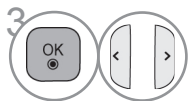
Ở chế độ RGB-PC/HDMI-PC/DVI-PC, giá trị (Màu sắc) Colour, Tô màu (Tint) và Độ nét (H/V Sharpness) thay đổi không được áp dụng.



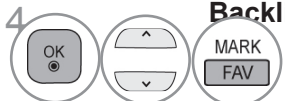
Chọn **PICTURE**.



Chọn **Picture Wizard**.



Điều chỉnh **Standard (Black Level, White Level, Tint, Colour, Horizontal Sharpness, Vertical Sharpness, Backlight)** hoặc **Preferred (Black Level, White Level, Tint, Colour, Sharpness, Dynamic Contrast, Colour Temperature, Backlight)**.



Lựa chọn nguồn vào để xác nhận thiết lập.



- Nếu bạn ngừng thiết lập trước khi giai đoạn cuối kết thúc, những thay đổi đó sẽ không được xác nhận.
- Giá trị điều chỉnh được lưu tới **Expert1**.
- Khi Picture Wizard thiết lập chất lượng hình ảnh, chức năng tiết kiệm điện (Energy Saving) thay đổi sang chế độ tắt (Off).
- Nếu thiết lập chất lượng hình ảnh ở **Expert1** được thay đổi, hãy dùng **Picture Reset** trước khi nhấn **Picture Wizard** để bắt đầu lại thiết lập chất lượng hình ảnh.
- **Standard** : Thiết lập chất lượng hình ảnh tiêu chuẩn.
- **Preferred** : Chế độ thiết lập chất lượng hình ảnh người sử dụng ưa thích hơn là hình ảnh tiêu chuẩn.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

e²TIẾT KIỆM ĐIỆN

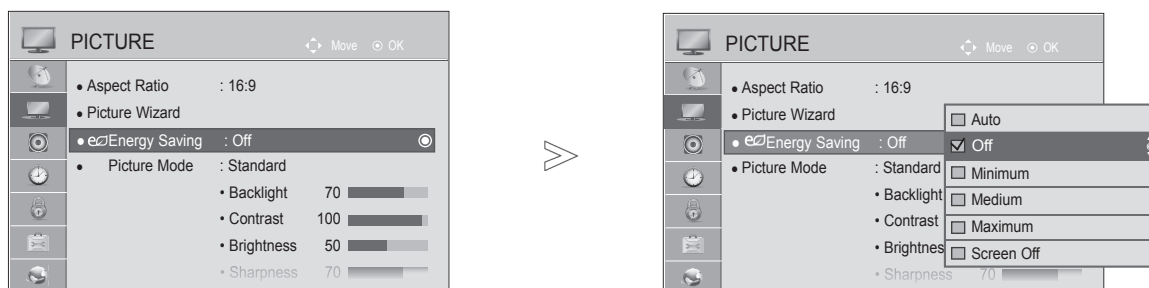
Chức năng này cho phép bạn giảm mức tiêu thụ điện năng của TV.

Thiết lập mặc định của nhà sản xuất được điều chỉnh đến mức thoải mái khi xem ở nhà.

Bạn có thể thay đổi độ sáng của màn hình TV bằng cách điều chỉnh mức độ tiêu hao năng lượng (**Energy Saving level**) hoặc thiết lập chế độ hình ảnh (**Picture Mode**).

Khi điều chỉnh chế độ tiết kiệm điện trong MHEG, thiết lập tiết kiệm điện được xác nhận khi MHEG kết thúc.

Lựa chọn '**Screen Off**' khi bật kênh đài phát radio cũng sẽ giảm mức tiêu thụ điện năng của TV.



1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **e² Energy Saving**.
3. Chọn **Auto** (Ngoại trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 19/22/26LE5**), **Off**, **Minimum**, **Medium**, **Maximum** hoặc **Screen Off**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

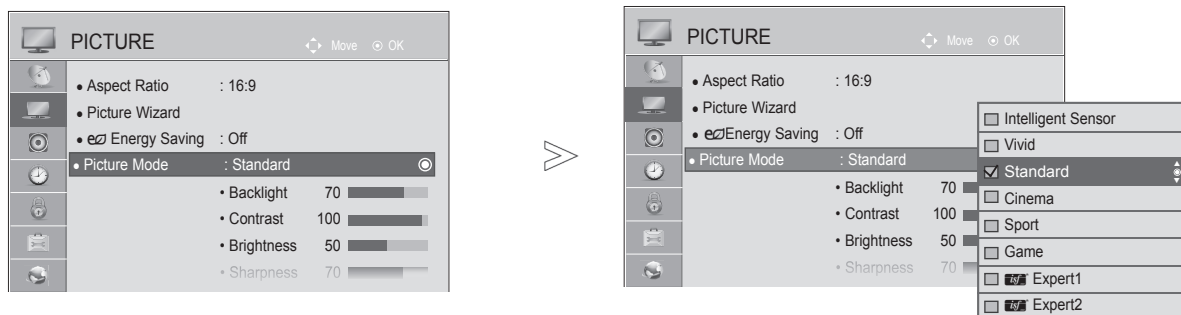
- Khi chọn Screen Off, màn hình sẽ tắt trong 3 giây và Screen Off sẽ khởi động lại.
- Nếu bạn điều chỉnh "**Energy Saving-Auto** (Ngoại trừ 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4**, 19/22/26LE5**), thì các chức năng **Maximum**", **Backlight** không có tác dụng.
- Bạn cũng có thể điều chỉnh các chức năng này bằng cách chọn phím **Energy Saving** trên điều khiển từ xa.
- Khi chọn Auto, thì chức năng chiếu sáng ngược (Backlight) tự động điều chỉnh thông qua cảm biến thông minh tùy thuộc vào điều kiện xung quanh khi cảm biến thông minh trong TV.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

ĐIỀU CHỈNH THIẾT LẬP HÌNH ẢNH

Điều chỉnh chế độ hình ảnh

Vivid	Tăng cường độ tương phản, độ sáng, màu sắc và độ nét cho hình ảnh sống động.
Standard	Trạng thái hiển thị màn hình phổ biến nhất.
Cinema	Tối ưu hóa hình ảnh khi xem phim.
Sport	Tối ưu hóa hình ảnh khi xem sự kiện thể thao.
Game	Tối ưu hóa hình ảnh khi chơi các trò chơi (Games).



1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **Picture Mode**.
3. Chọn **Intelligent Sensor** (Ngoại trừ model **22/26/32LD3****, **32/37/42/47LD4****, **22/26LE5*****), **Vivid**, **Standard**, **Cinema**, **Sport** hoặc **Game**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

- **Picture Mode** điều chỉnh chế độ hình ảnh tốt nhất cho TV. Lựa chọn điều chỉnh giá trị trên menu **Picture Mode** dựa trên các thể loại chương trình.
- Khi chức năng cảm biến thông minh bật, hình ảnh phù hợp nhất sẽ tự động điều chỉnh tùy thuộc vào điều kiện xung quanh.
- Bạn cũng có thể điều chỉnh chế độ hình ảnh (**Picture Mode**) trên menu **Q. Menu**.
- **Intelligent Sensor** : Điều chỉnh hình ảnh tùy thuộc vào điều kiện xung quanh.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH BẰNG TAY

Chế độ hình ảnh - Tùy chọn cho người dùng

Backlight (Sáng nền)

Điều chỉnh độ sáng của màn hình, điều chỉnh độ sáng tấm panel LCD .
Điều chỉnh đèn nền khi thiết lập độ sáng được khuyến khích.

Contrast (Tương phản)

Điều chỉnh mức nổi bật giữa màu đen và trắng trên hình ảnh. Bạn có thể sử dụng chức năng chỉnh độ tương phản (Contrast) khi phần sáng của hình ảnh bị đậm.

Brightness (Độ sáng)

Chỉnh mức độ nổi bật cơ bản của hình ảnh.

Sharpness (Sắc nét)

Điều chỉnh mức độ mượt mà các cạnh giữa các vùng sáng và tối của hình ảnh. ở mức nhỏ nhất, hình ảnh mịn hơn.

Colour (Màu sắc)

Điều chỉnh cường độ của tất cả các màu.

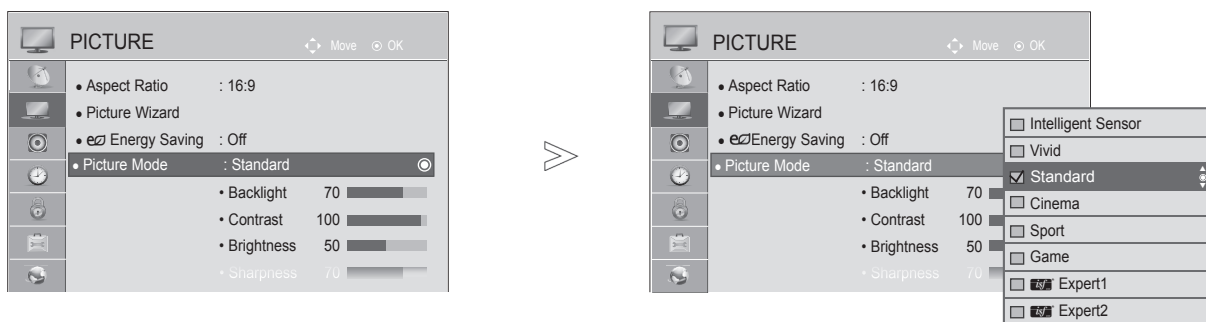
Tint (Sắc thái màu)

Điều chỉnh cân bằng mức độ giữa màu đỏ và màu xanh.

Colour Temp.

Thiết lập gam màu ấm làm tăng cường màu sắc nóng nhất như màu đỏ, hoặc thiết lập gam màu lạnh để hình ảnh xanh.

Nó không có tác dụng để sử dụng chức năng cảm biến thông minh “**Intelligent Sensor**”.



-   Chọn **PICTURE**.
-   Chọn **Picture Mode**.
-   Chọn **Vivid, Standard, Cinema, Sport** hoặc **Game**.
-   Chọn **Backlight, Contrast, Brightness, Sharpness, Colour, Tint** hoặc **Colour Temp..**
-   Điều chỉnh thích hợp.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

- **Ưu điểm khi sử dụng Backlight**

- Mức tiêu thụ điện năng giảm xuống 60 %.
- Giảm được độ sáng màu đen. (Như màu đen có độ sâu hơn, bạn có thể thưởng thức chất lượng hình ảnh rõ nét nhất.)
- Bạn có thể điều chỉnh độ sáng vẫn duy trì độ phân giải tín hiệu ban đầu.

! CHÚ Ý

- ▶ Bạn không thể điều chỉnh màu sắc, độ sắc nét và sắc thái màu ở chế độ RGB-PC/HDMI-PC.
- ▶ Khi **Expert 1/2** được chọn, bạn có thể chọn **Backlight**, **Contrast**, **Brightness**, **H Sharpness**, **V Sharpness**, **Colour** hoặc **Tint**.

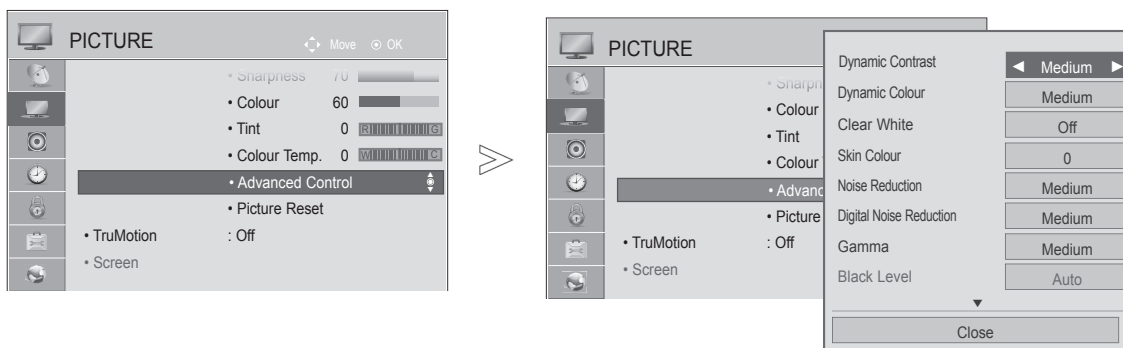
CÔNG NGHỆ CẢI TIẾN HÌNH ẢNH

Bạn có thể điều chỉnh màn hình cho mỗi chế độ hình ảnh (Picture Mode) hoặc thiết lập giá trị hình ảnh phù hợp với màn hình video đặc biệt.

Bạn có thể thiết lập giá trị video khác nhau cho từng đầu vào.

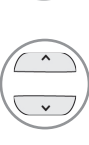
Để thiết lập lại màn hình về chế độ mặc định của nhà sản xuất sau khi điều chỉnh mỗi chế độ video, hãy thực hiện chức năng “Picture Reset” cho mỗi chế độ hình ảnh (Picture Mode).

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



1   Chọn **PICTURE**.

2   Chọn **Advanced Control**.

3   Lựa chọn nguồn mong muốn:
Dynamic Contrast, Dynamic Colour, Clear White, Skin Colour, Noise Reduction, Digital Noise Reduction, Gamma, Black Level, Eye Care, Real Cinema, Colour Gamut or xvYCC. (Refer to p. 125 to 126)

4  Điều chỉnh thích hợp.

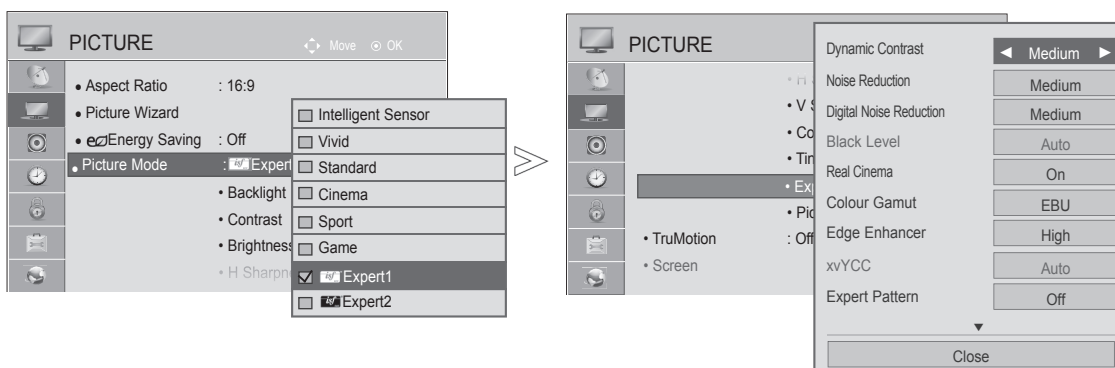
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH THEO MẪU (EXPERT)

Được phân chia theo từng loại, **Expert1** và **Expert2** cung cấp nhiều kiểu mà người sử dụng có thể thiết lập khi thấy phù hợp với yêu cầu tối ưu hóa chất lượng hình ảnh của người sử dụng. Chức năng này cũng có thể sử dụng để tối ưu hóa chuyên nghiệp đặc tính của TV khi phát các video đặc biệt.

■ Hình ảnh dưới đây chỉ mang tính chất minh họa.



1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **Picture Mode**.
3. Chọn **Expert1** hoặc **Expert2**.
4. Chọn **Expert Control**.
5. Chọn nguồn mong muốn.
6. Điều chỉnh thích hợp.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

*Chức năng này có thể không sử dụng được với một số model.

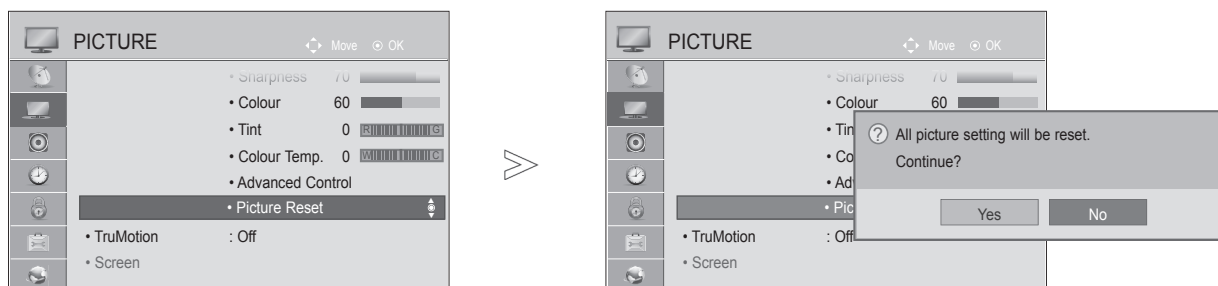
Dynamic Contrast (Off/Low/Medium/High)	■ Điều chỉnh độ tương phản để duy trì được mức độ tốt nhất độ sáng của màn hình. Hình ảnh sẽ được cải thiện bằng cách điều chỉnh vùng sáng thì sáng hơn, vùng tối thì tối hơn.
Dynamic Colour (Off/Low/High)	■ Điều chỉnh màu sắc màn hình sao cho sinh động hơn, ấm áp và trong veo hơn. Chức năng này để tăng cường sắc thái, độ bão hòa và độ sáng vì vậy màu đỏ, màu xanh lục, màu xanh và màu trắng sống động hơn.
Skin Colour (-5 to 5)	■ Điều chỉnh màu sắc da của hình ảnh để người dùng có thể thiết lập màu sắc da yêu thích của mình.
Noise Reduction (Off/Low/Medium/High/ Auto(In Analogue Mode Only))	■ Làm giảm độ nhiễu màn hình mà không ảnh hưởng tới chất lượng video.
Digital Noise Reduction (Off/Low/Medium/High)	■ Giảm độ nhiễu của các file video nén MPEG.
Gamma (Advanced Control: Low/Medium/High Expert Control: 1.9/2.2/2.4)	■ Bạn có thể điều chỉnh độ sáng của các vùng tối và vùng xám trung hòa của hình ảnh. • Low/1.9 : Điều chỉnh vùng tối và vùng xám của hình ảnh sáng hơn. • Medium/2.2 : Điều chỉnh mức độ hình ảnh gốc. • High/2.4: Điều chỉnh vùng tối và xám của hình ảnh tối hơn.
Black Level (Low/High/Auto)	• Low : Hình ảnh trên màn hình tối hơn. • High : Hình ảnh trên màn hình sáng hơn. • Auto : Thiết lập tự động mức độ đen của màn hình đến mức cao (High) hoặc thấp (Low) tùy thuộc vào mức độ tín hiệu đầu vào. ■ Chức năng này cho phép chọn 'Low' hoặc 'High' trong các chế độ sau: AV(NTSC-M), HDMI hoặc Component. Cách khác, thiết lập mức độ Black ở chế độ 'Auto'.
Clear White (Off/Low/High)	■ Makes the white area of the screen brighter and clearer.
Eye Care (Low/High/Off)	*Một số model không có chức năng này ■ Điều chỉnh tự động độ sáng của màn hình đến mức tốt nhất cho chi tiết đôi mắt khi màn hình quá chói. ■ Chức năng này không có tác dụng trong “Picture Mode-Vivid, Cinema, Expert1, Expert2, Intelligent Sensor”. Real Cinema/
Film Mode (On/Off)	■ Có thể xem hình ảnh video như trong cinema bằng cách loại bỏ hiệu ứng rung. ■ Sử dụng chức năng này khi nội dung xem phim film-originated. ■ Chức năng này có thể làm việc khi TruMotion tắt.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

Colour Gamut (Advanced Control) (Wide/Standard)	• Standard : Chế độ sử dụng vùng màu sắc gốc không chú ý đến các đặc tính hiển thị • Wide : Sử dụng vùng màu tối đa hiển thị TV.
Colour Gamut (Expert Control: EBU/ SMPTE/BT709/Wide/ Standard)	• Standard : Chế độ sử dụng vùng màu gốc không chú ý đến các đặc tính hiển thị. • Wide : Sử dụng vùng màu tối đa hiển thị TV. • EBU : Chế độ hiển thị vùng màu EBU. • SMPTE : Chế độ hiển thị vùng màu SMPTE. • BT709 : Chế độ hiển thị vùng màu BT709.
Edge Enhancer (Off/Low/High)	■ Điều chỉnh các cạnh của hình ảnh mượt mà hơn. ■ Có thể dùng chức năng này trong "Picture Mode-Expert."
xvYCC (Auto/off/on)	*Một số model không có chức năng này. ■ Chức năng hiển thị màu sắc sinh động hơn. ■ Có thể sử dụng ở chế độ "Picture mode - Cinema, Expert" tín hiệu xvYCC qua cổng HDMI.
Expert Pattern (Off/Pattern1/Pattern2)	■ Đây là mẫu cần thiết để kiểm tra hình ảnh của TV kỹ thuật số. ■ Chức năng này có thể ở "Picture Mode - Expert" khi xem DTV.
Colour Filter (Off/Red/Green/Blue)	■ Chức năng lọc các màu sắc đặc trưng của video. Bạn có thể dùng lọc RGB để thiết lập độ bão hòa và màu sắc chuẩn.
Colour Temperature (Medium/Warm/Cool)	Đây là chức năng điều chỉnh màu sắc tổng thể của màn hình mà bạn muốn. a. • Method : 2 điểm • Pattern: Bên trong/ Bên ngoài • Red/Green/Blue Contrast, Red/Green/Blue Brightness: Phạm vi điều chỉnh là -50 đến +50. b. • Method : 10 điểm IRE • Pattern: Bên trong/ Bên ngoài • IRE (Viện kỹ sư vô tuyến điện) là thiết bị hiển thị kích thước tín hiệu video và có thể được thiết lập trong khoảng 10, 20, 30 đến 100. Bạn có thể điều chỉnh màu đỏ (Red), màu xanh lá cây (Green) hoặc xanh da trời (Blue). • Luminance: Chức năng này hiển thị giá trị độ sáng được tính cho 2.2 gamma. Bạn có thể nhập giá trị độ sáng bạn mong muốn ở 100 IRE, hơn giá trị độ sáng cho 2.2 gamma được hiển thị ở 10 bước từ 10 IRE đến 90 IRE. • Red/Green/Blue: Phạm vi điều chỉnh là -50 đến +50.
Colour Management System	■ Là công cụ sử dụng bởi các chuyên gia để điều chỉnh sử dụng các mẫu có sẵn, điều này không ảnh hưởng các màu sắc khác, nhưng có thể được sử dụng để điều chỉnh lựa chọn 6 vùng màu (Red/Green/Blue/Cyan/Magenta/Yellow). Sự khác nhau về màu sắc không thể phân biệt được ngay cả khi bạn điều chỉnh video phổ biến. ■ Điều chỉnh Red/Green/Blue/Yellow/Cyan/Magenta. • Red/Green/Blue/Yellow/Cyan, Magenta Colour : Phạm vi điều chỉnh -30 đến +30. • Red/Green/Blue/Yellow/Cyan/Magenta Tint : Phạm vi điều chỉnh là -30 đến +30. ■ Chức năng này không có tác dụng ở chế độ RGB-PC và HDMI (PC).

THIẾT LẬP LẠI CHẾ ĐỘ HÌNH ẢNH BAN ĐẦU

Thiết lập chế độ hình ảnh được chọn về chế độ mặc định của nhà sản xuất.



1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **Picture Reset**.
3. Chọn **Yes**.
4. Khởi tạo các giá trị đã điều chỉnh.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

HÌNH ẢNH SỐNG ĐỘNG (TRUMOTION)

Chức năng này cho phép điều chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất không có bất cứ một chuyển động mờ và rung hình nào khi bạn nhập nguồn hình ảnh và phim có tốc độ chuyển động nhanh.

High : Chuyển động hình ảnh mượt mà hơn.

Low : Chuyển động hình ảnh mượt mà. Dùng cho thiết lập tiêu chuẩn.

Off : Tắt chức năng chuyển động sinh động (TruMotion Operation).

User : Điều chỉnh riêng rẽ **Judder** (hiện tượng rung hình) và **Blur** (Mờ hình) ở TruMotion Operation

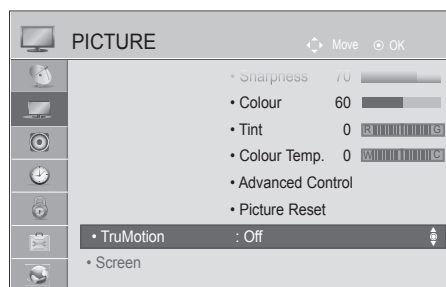
- **Judder** : Điều chỉnh rung hình.

- **Blur** : Adjusts after-image of the screen.

Chức năng này không hoạt động trên chế độ RGB-PC, HDMI-PC và MY MEDIA-Photo List.

Nếu kích hoạt "TruMotion", hiện tượng nhiễu có thể xuất hiện trên màn hình.

Nếu điều đó xảy ra, hãy thiết lập "TruMotion" về chế độ tắt "Off".



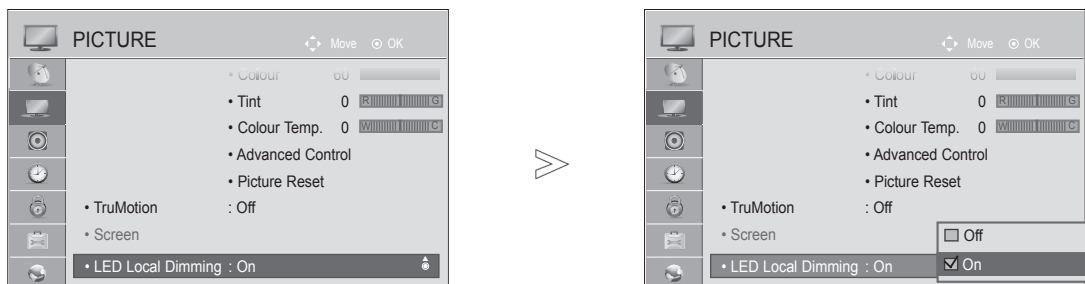
1. Chọn **PICTURE**.
2. Chọn **TruMotion**.
3. Chọn **Low, High, User** hoặc **Off**.
4. Điều chỉnh đến mức thích hợp.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

LÀM TỐI CỤC BỘ MÀN HÌNH LED

(Chỉ có ở model 42/47/55/60LE5***, 42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***)

Sau khi phân tích tín hiệu video đầu vào trên từng khu vực, chức năng này cho phép điều chỉnh ánh sáng chiếu sau để cải thiện tỷ lệ tương phản hình ảnh.



1.   Chọn **PICTURE**.
2.   Chọn **LED Local Dimming**.
3.   Chọn **On** hoặc **Off**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

ĐÈN BÁO NGUỒN

(Ngoại trừ model 22/26/32LD3**, 32/37/42/47LD4***, 22/26LE5***)

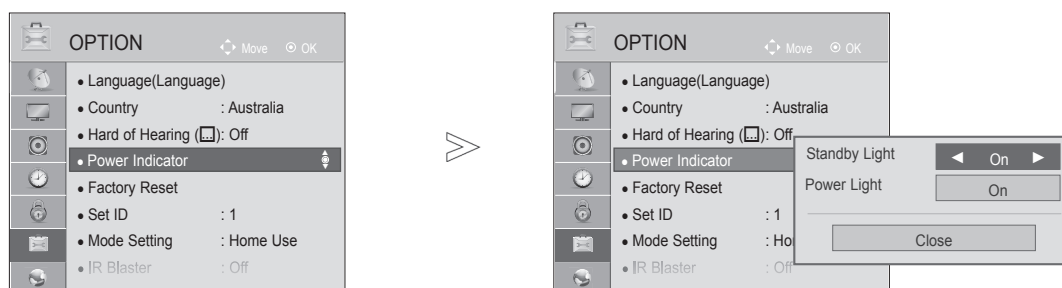
Điều chỉnh ánh sáng đèn báo nguồn/đèn chế độ chờ (Standby) ở mặt trước TV.

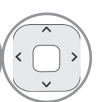
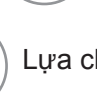
Đèn chế độ chờ (Standby Light)

Thiết lập đèn báo hiệu chế độ chờ Tắt (**On**) hoặc Mờ (**Off**) ở mặt trước TV.

Đèn báo nguồn (Power Light)

Thiết lập đèn báo hiệu bật nguồn ở chế độ Tắt (**On**) hoặc Mờ (**Off**) ở mặt trước TV.

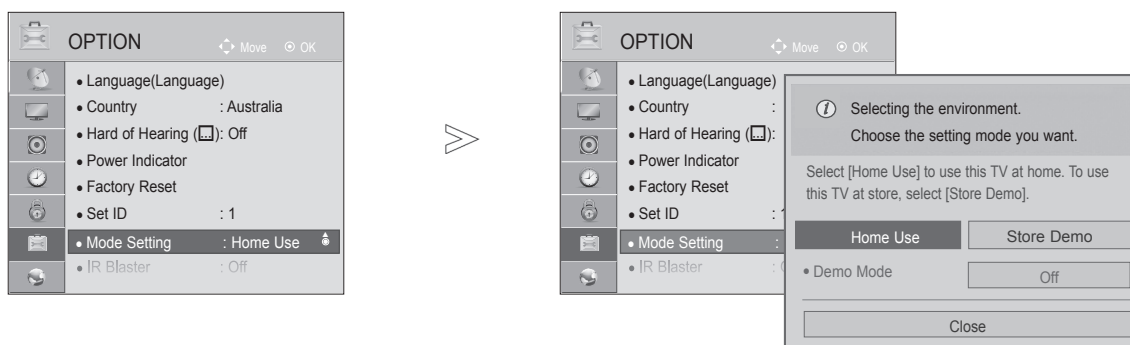


-   Chọn **OPTION**.
-   Chọn **Power Indicator**.
-   Chọn **Standby Light** hoặc **Power Light**.
-   Lựa chọn nguồn mong muốn.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

THIẾT LẬP CHẾ ĐỘ

Chúng tôi đề nghị nên thiết lập TV ở chế độ “**Home Use**” để cho chất lượng hình ảnh tốt nhất trong môi trường nhà bạn. “**Store Demo**” là chế độ thiết lập tối ưu cho hiển thị tại nơi công cộng.



-   Chọn **OPTION**.
-   Chọn **Mode Setting**.
-   Chọn **Store Demo** hoặc **Home Use**.
-  Lưu lại.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH HÌNH ẢNH

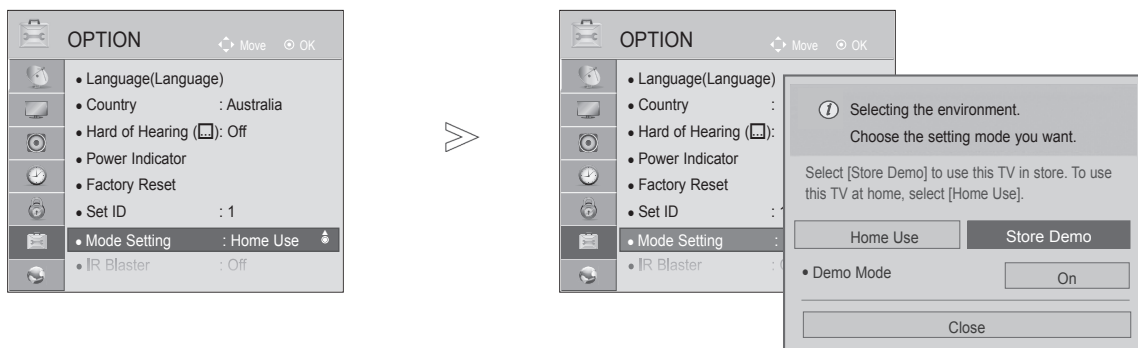
CHẾ ĐỘ DEMO

Không thể sử dụng chế độ **Demo Mode** ở chế độ **Home Use**.

Trong chế độ **Store Demo**, **Demo Mode** tự động thiết lập là **On**.

Một khi chế độ **Demo Mode** thiết lập là **Off** trong chế độ **Store Demo**, thì chế độ **Demo Mode** không chạy và chỉ có màn hình được đặt lại.

Màn hình sẽ tự động khởi tạo lại sau 5 phút ở chế độ **Demo Mode**.



1. Chọn **OPTION**.
2. Chọn **Mode Setting**.
3. Chọn **Store Demo**.
4. Chọn **On**.
5. Di chuyển tới màn hình menu trước đó.
Nếu bạn muốn dừng chế độ demo, hãy nhấn bất kỳ phím nào (Ngoại trừ phím MUTE, $\triangle$, +, -)

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

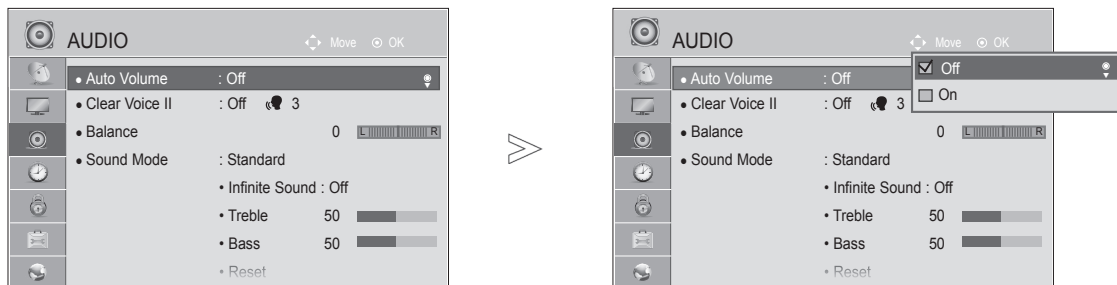
ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

CÂN BẰNG ÂM LƯỢNG TỰ ĐỘNG

Âm lượng tự động là tự động giữ nguyên cùng mức âm lượng nếu bạn thay đổi chương trình.

Vì mỗi trạm phát sóng đều có điều kiện tín hiệu riêng của mình, việc điều chỉnh âm lượng là cần thiết vào mọi lúc khi các kênh thay đổi. Chức năng này cho phép người sử dụng nghe mức âm lượng ổn định bằng cách tự động điều chỉnh mỗi chương trình.

Nếu chất lượng âm thanh hoặc âm lượng không ở mức bạn muốn, thì khuyến cáo bạn nên sử dụng hệ thống âm thanh riêng hoặc amply để khắc phục môi trường sử dụng khác nhau.



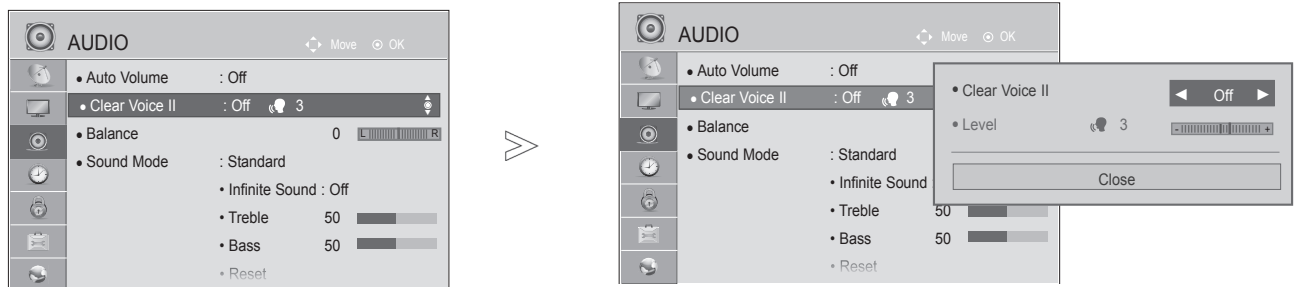
- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **Auto Volume**.
- 3   Chọn **On** hoặc **Off**.

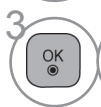
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

LỌC TIẾNG (CLEAR VOICE II)

Thông qua việc phân biệt giữa tần số âm thanh của con người và các vật khác, chức năng này cho phép người sử dụng nghe tiếng của con người tốt hơn.



- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **Clear Voice II**.
- 3   Chọn **On** hoặc **Off**.

- Nếu bạn chọn “**On**” cho chế độ **Clear Voice II**, chức năng **Infinite Sound** sẽ không làm việc.
- Select levels from ‘-6’ to ‘+6’.

Điều chỉnh mức độ lọc tiếng bằng cách chọn chế độ "On"

- 4  Chọn **Level**.
- 5  Điều chỉnh thích hợp.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

THIẾT LẬP CHẾ ĐỘ ÂM THANH CÀI ĐẶT SẴN

Bạn có thể chọn chế độ thiết lập âm thanh thích hợp; Chuẩn (Standard), Âm nhạc (Music), Phim ảnh (Cinema), Thể Thao (Sport) hoặc Trò chơi (Game) và bạn cũng có thể điều chỉnh âm cao (Treble), âm trầm (Bass).

Chế độ âm thanh cho phép bạn thưởng thức chất lượng âm thanh tốt nhất không cần bất cứ sự điều chỉnh đặc biệt nào vì TV đã thiết lập các tùy chọn âm thanh thích hợp dựa trên nội dung các chương trình. Nhà sản xuất đã cài đặt sẵn tối ưu chất lượng âm thanh Standard, Music, Cinema, Sport và Game.

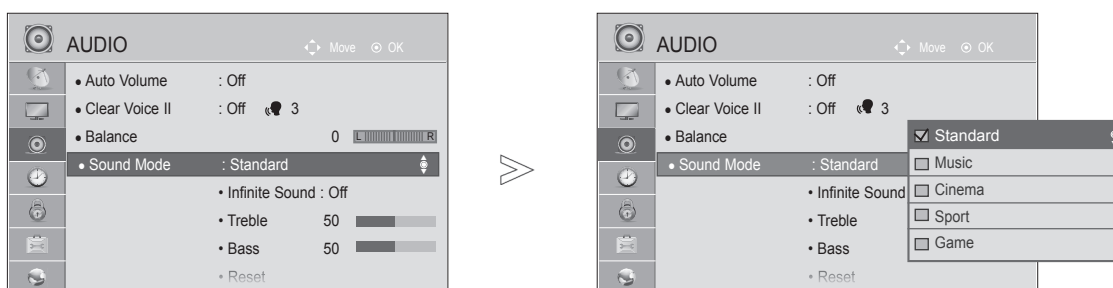
Standard Chất lượng âm thanh chuẩn

Music Tối ưu hóa âm thanh cho nghe nhạc.

Cinema Tối ưu hóa âm thanh cho xem phim.

Sport Tối ưu hóa âm thanh cho xem thể thao.

Game Tối ưu hóa âm thanh cho chơi game.



1 Chọn **AUDIO**.

2 Chọn **Sound Mode**.

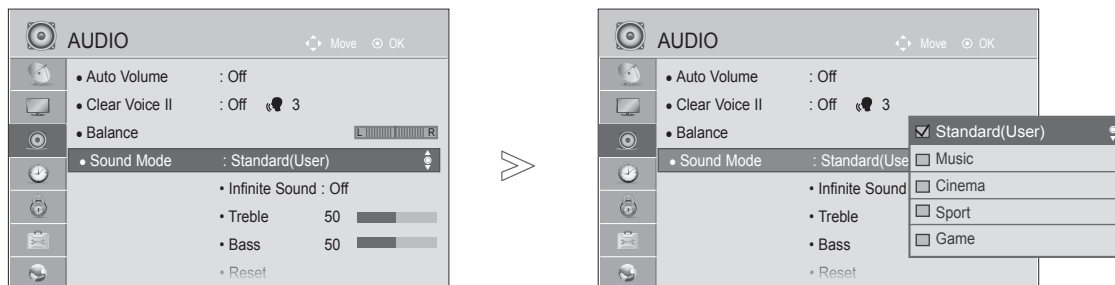
3 Chọn **Standard, Music, Cinema, Sport hoặc Game**.

• Bạn có thể điều chỉnh chế độ âm thanh **Sound Mode** tại trình đơn **Q. Menu**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

ĐIỀU CHỈNH THIẾT LẬP ÂM THANH - CHẾ ĐỘ NGƯỜI DÙNG

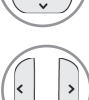


- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **Sound Mode**.
- 3   Chọn **Standard, Music, Cinema, Sport** hoặc **Game**.
- 4   Chọn **Treble** hoặc **Bass**.
- 5   Thiết lập mức âm thanh mong muốn.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

INFINITE SOUND

Lựa chọn tùy chọn này để có âm thanh trung thực.

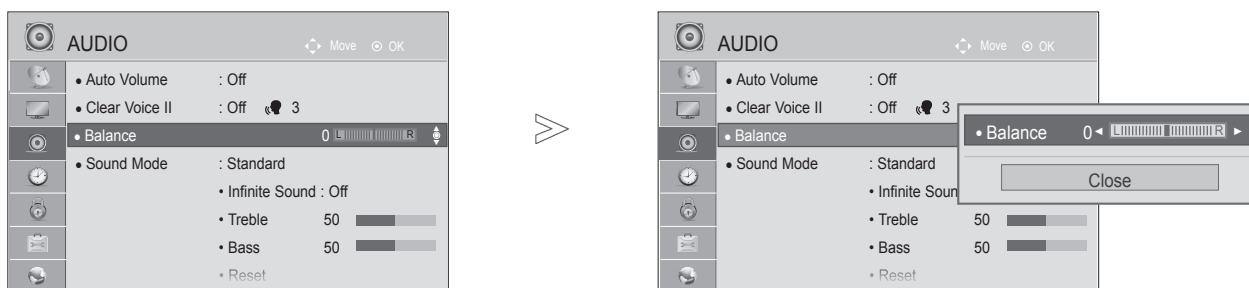
- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **Infinite Sound**.
- 3   Chọn **On** hoặc **Off**.

Infinite Sound : Là công nghệ xử lý âm thanh có bản quyền của LG mà cố gắng đạt đến âm thanh vòm 5.1 ấn tượng với 2 loa ở phía trước.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

CÂN BẰNG ÂM LƯỢNG - BALANCE

Bạn có thể điều chỉnh cân bằng âm lượng của các loa đến mức yêu thích.



1. Chọn **AUDIO**.
2. Chọn **Balance**.
3. Điều chỉnh như mong muốn

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

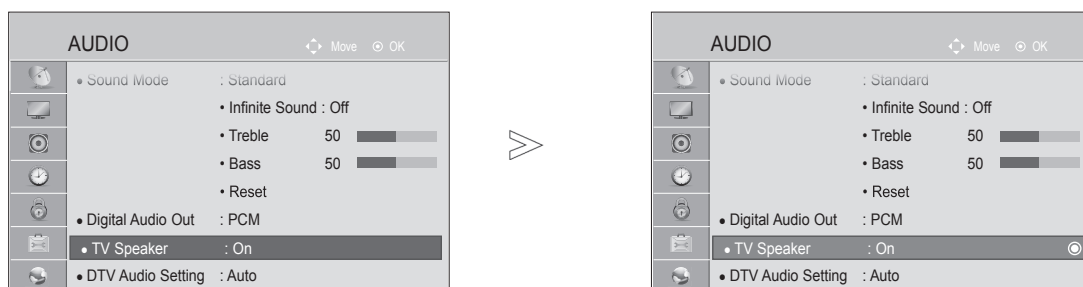
ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

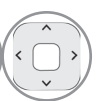
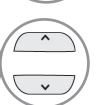
CÀI ĐẶT LOA TV Ở CHẾ ĐỘ BẬT/TẮT (ON/ OFF)

Bạn có thể điều chỉnh trạng thái loa bên trong TV.

Ở **AV**, **COMPONENT**, **RGB** và **HDMI** với cáp HDMI đến cáp DVI, loa TV vẫn có thể hoạt động ngay cả khi không có tín hiệu video.

Nếu bạn muốn sử dụng hệ thống Hi-Fi ngoại vi, hãy tắt tiếng loa của TV.



- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **TV Speaker**.
- 3   Chọn **On** hoặc **Off**.

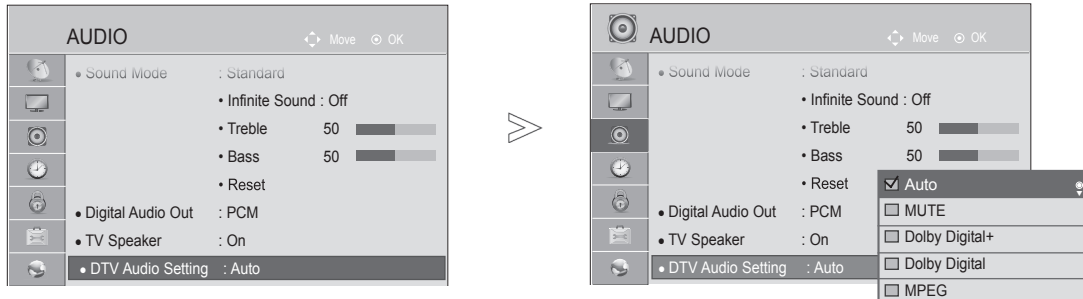
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay về chế độ xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

! CHÚ Ý

- ▶ Loa TV tắt khi kết nối Simplink rạp hát tại gia đang vận hành, đường ra âm thanh tự động bật sang loa rạp hát tại gia, nhưng khi loa TV bật, đường ra âm thanh sẽ là loa trên TV.
- ▶ Một số menu trên AUDIO không hoạt động khi loa TV thiết lập ở chế độ tắt (OFF)

THIẾT LẬP ÂM THANH KỸ THUẬT SỐ (Chỉ trong chế độ Kỹ thuật số)

Khi các kiểu âm thanh tồn tại trong một tín hiệu đầu vào, chức năng này cho phép bạn chọn kiểu âm thanh bạn muốn.



1. Chọn **AUDIO**.
2. Chọn **DTV Audio Setting**.
3. Chọn **Auto**, **Dolby Digital +**, **Dolby Digital** hoặc **MPEG**.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

- **Auto**: Tự động đầu ra theo thứ tự **Dolby Digital+ > Dolby Digital > MPEG**.
- **Dolby Digital +, Dolby Digital, MPEG**: (Cho phép người dùng chọn loại âm thanh mà họ muốn)
Nếu **MPEG** được chọn, **MPEG** luôn luôn là đầu ra.
Nếu **MPEG** không tương thích, loại âm thanh khác sẽ được thiết lập tho thứ tự trên.
- Tham khảo trang 145 đến 146 (Lựa chọn ngôn ngữ âm thanh)

ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

LỰA CHỌN ĐẦU RA ÂM THANH KỸ THUẬT SỐ (OUT)

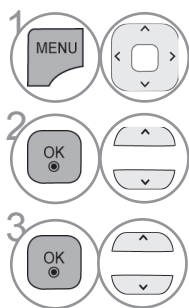
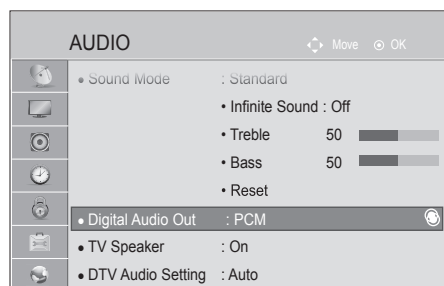
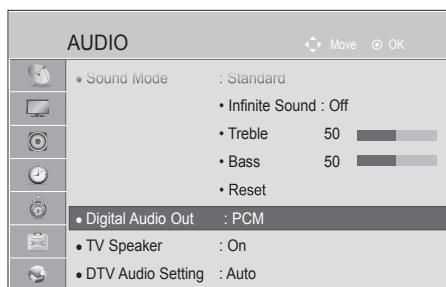
Có thể sử dụng ở chế độ DTV, HDMI, DivX.

Chức năng này cho phép bạn lựa chọn đầu ra âm thanh kỹ thuật số (Digital Audio Output) mong muốn. TV chỉ có đầu ra Dolby Digital nếu một kênh được phát với âm thanh Dolby Digital.

Khi Dolby Digital sẵn sàng, việc chọn Auto trên menu Digital Audio Out sẽ thiết lập đầu ra SPDIF (Sony Philips Digital InterFace) là Dolby Digital.

Nếu Auto được chọn trên menu Digital audio khi Dolby Digital chưa sẵn sàng, đầu ra SPDIF sẽ là PCM (Pulse-code modulation).

Thậm trí nếu cả Dolby Digital và ngôn ngữ âm thanh (Audio language) được thiết lập trên kênh mà phát Dolby Digital Audio, thì chỉ có Dolby Digital phát.



Chọn **AUDIO**.

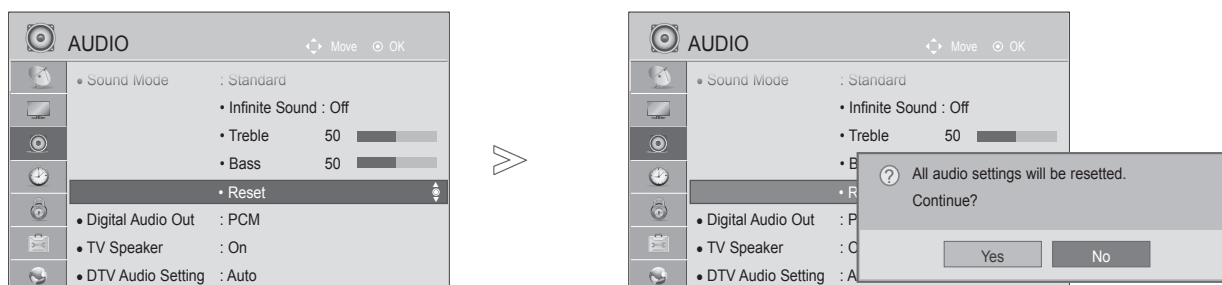
Chọn **Digital Audio Out**.

Chọn **Auto** hoặc **PCM**.

- Nhấn phím MENU/EXIT để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím BACK để quay trở lại màn hình trước đó.

KHỞI TẠO CHẾ ĐỘ ÂM THANH (AUDIO RESET)

Thiết lập chế độ âm thanh đã chọn về chế độ thiết lập mặc định của nhà sản xuất.



- 1   Chọn **AUDIO**.
- 2   Chọn **Reset**.
- 3   Chọn **Yes**.
- 4  Khởi tạo lại các giá trị đã điều chỉnh.

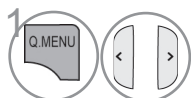
- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

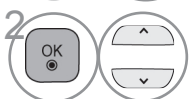
I/II

ÂM THANH NỔI (STEREO)/ SONG NGỮ (DUAL) (CHỈ CÓ Ở HỆ ANALOGUE)

Khi một chương trình được chọn, thông tin về âm thanh của đài phát xuất hiện sau khi chỉ số chương trình và tên đài phát.



Chọn **Audio**.



Chọn đầu ra âm thanh.

Phát thanh	Trên màn hình hiển thị
Mono	MONO
Stereo	STEREO
Dual (song ngữ) (Ngoại trừ Singapore, New Zealand và Indonesia)	DUAL I, DUAL II, DUAL I+II (Ngoại trừ Singapore, New Zealand và Indonesia)
NICAM (Chỉ có Singapore, New Zealand và Indonesia)	NICAM (Chỉ có Singapore, New Zealand và Indonesia)

■ Chọn âm thanh Mono

Nếu tín hiệu âm thanh nổi (Stereo) yếu, bạn có thể chuyển sang chế độ (Mono). Khi thu chương trình (Mono), độ sâu của âm thanh sẽ được cải thiện.

■ Chọn ngôn ngữ của chương trình phát song ngữ (Ngoại trừ Singapore, New Zealand và Indonesia)

Nếu một chương trình được phát bằng hai ngôn ngữ (dual language), bạn có thể chọn các chế độ DUAL I, DUAL II hoặc DUAL I+II.

DUAL I Chọn ngôn ngữ gốc để phát qua loa.

DUAL II Chọn ngôn ngữ thứ hai để truyền phát qua loa.

DUAL I+II Truyền phát phân tách mỗi ngôn ngữ ra một loa.

THU ÂM NICAM (Chỉ trong chế độ ANALOGUE)

(Ngoại trừ Singapore, New Zealand và Indonesia)

Nếu TV được trang bị bộ thu NICAM, bạn có thể thu âm thanh kỹ thuật số chất lượng cao NICAM Near Instantaneous Companding Audio Multiplex).

Bạn có thể chọn âm thanh ra theo loại hệ phát nhận được như sau.

-
- 1 Khi thu chương trình **NICAM mono**, bạn có thể chọn **NICAM MONO** hoặc **FM MONO**.
 - 2 Khi thu chương trình **NICAM stereo**, bạn có thể chọn **NICAM STEREO** hoặc **FM MONO**.
Nếu tín hiệu stereo bị yếu, hãy chuyển sang chế độ **FM MONO**.
 - 3 Khi thu chương trình **NICAM dual**, bạn có thể chọn **NICAM DUAL I**, **NICAM DUAL II** hoặc **NICAM DUAL I+II** hoặc **FM MONO**.
-

CHỌN ĐẦU RA ÂM THANH

Trong chế độ AV, Component, RGB và HDMI, bạn có thể chọn âm thanh đầu ra cho loa trái và loa phải.

Chọn đầu ra âm thanh.

L+R: Tín hiệu âm thanh từ đầu vào L được truyền đến loa trái và tín hiệu âm thanh từ đầu vào R được truyền đến loa phải.

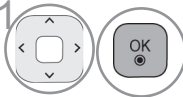
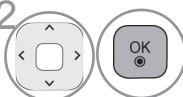
L+L: Tín hiệu âm thanh từ đầu vào L được truyền đến cả loa trái và loa phải.

R+R: Tín hiệu âm thanh từ đầu vào R được truyền đến cả loa trái và loa phải.

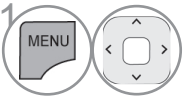
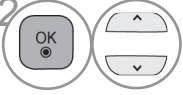
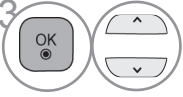
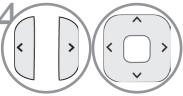
ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

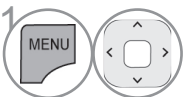
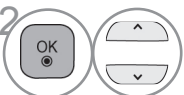
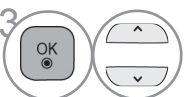
LỰA CHỌN NGÔN NGỮ / QUỐC GIA HIỂN THỊ TRÊN MÀN HÌNH

Menu hướng dẫn cài đặt sẽ hiển thị trên màn hình TV khi nó được bật trong lần đầu tiên.

-  Chọn ngôn ngữ mong muốn. (Ngoại trừ Australia, New Zealand, Singapore và South Africa.)
-  Chọn quốc gia. (Chỉ có Australia & New Zealand)

* Nếu bạn muốn thay đổi lựa chọn ngôn ngữ / tên nước.

-  Chọn **OPTION**.
-  Chọn **Language(Language)**.
-  Chọn **Menu Language**. (Ngoại trừ Australia, New Zealand, Singapore và South Africa.)
-  Chọn ngôn ngữ mong muốn.
-  Lưu lại

-  Chọn **OPTION**.
-  Chọn **Country(Only Australia & New Zealand)**.
-  Chọn tên quốc gia.
-  Lưu lại.

- Nhấn phím **MENU/EXIT** để quay trở về xem TV bình thường.
- Nhấn phím **BACK** để quay trở lại màn hình trước đó.

! CHÚ Ý

- ▶ Nếu bạn chưa kết thúc cài đặt **Installation Guide** bằng cách nhấn phím **BACK** hoặc nếu hết thời gian chờ trên OSD (Trên màn hình hiển thị) thì menu cài đặt sẽ tự động xuất hiện cho tới khi quá trình cài đặt hoàn thành bất cứ lúc nào TV được bật.
- ▶ Nếu bạn lựa chọn quốc gia sai, văn bản sẽ không xuất hiện đúng trên màn hình và một số vấn đề có thể xảy ra khi ta nhập văn bản.
- ▶ Chế độ DTV, các nút điều khiển không có chức năng tùy thuộc vào trường hợp phát thanh từng quốc gia. (Chỉ ở hệ DTV) .
- ▶ Ở các quốc gia mà quy chế phát thanh truyền hình kỹ thuật số không cố định, một số chức năng DTV không làm việc phụ thuộc vào điều kiện phát thanh truyền hình kỹ thuật số. (Chỉ ở hệ DTV)

LỰA CHỌN NGÔN NGỮ (CHỈ Ở CHẾ ĐỘ KỸ THUẬT SỐ) (Chỉ ở hệ DTV)

Chức năng Audio cho phép bạn lựa chọn ngôn ngữ phù hợp.

Nếu dữ liệu trong ngôn ngữ được lựa chọn không phát, thì âm thanh ngôn ngữ mặc định sẽ phát.

Sử dụng chức năng phụ đề (Subtitle) khi phát hai hoặc nhiều hơn ngôn ngữ phụ đề. Nếu dữ liệu phụ đề trong ngôn ngữ lựa chọn không được phát, thì phụ đề ngôn ngữ mặc định sẽ hiển thị.

Khi ngôn ngữ bạn chọn như là ngôn ngữ gốc cho ngôn ngữ âm thanh và cả ngôn ngữ phụ đề và cả ngôn ngữ văn bản không phù hợp, bạn có thể chọn ngôn ngữ theo cấp thứ. (Chỉ có New Zealand).

Ở chế độ kỹ thuật số, sử dụng chức năng ngôn ngữ văn bản khi có hai hay nhiều ngôn ngữ văn bản được phát, Nếu dữ liệu văn bản trong ngôn ngữ chọn không được phát, thì ngôn ngữ văn bản mặc định sẽ hiển thị.

- 1   Chọn **OPTION**.
- 2   Chọn **Language(Language)**.
- 3   Chọn **Audio Language** hoặc **Subtitle Language** hoặc **Text Language**.
- 3   Chọn ngôn ngữ mong muốn.
- 5  Lưu lại.

- 1   Chọn **OPTION**.
- 2   Chọn Hard of Hearing().
- 3   Chọn **On** hoặc **Off**.

! Ch¹/₄I :

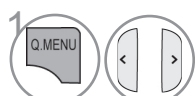
- Chỉ có thể sử dụng Hard of Hearing trên một vài đài phát TV ở New Zealand.

- Nhấn phím **BACK** để quay trở về màn hình hiển thị trước đó.

ĐIỀU CHỈNH NGÔN NGỮ VÀ ÂM THANH

< Lựa chọn ngôn ngữ âm thanh >

- Khi có hai hoặc nhiều hơn ngôn ngữ âm thanh được phát, bạn có thể chọn ngôn ngữ âm thanh.



Chọn **Audio Language**.



Chọn ngôn ngữ âm thanh.

< Lựa chọn ngôn ngữ phụ đề >

- Khi có hai hoặc nhiều hơn ngôn ngữ phụ đề được phát, bạn có thể chọn ngôn ngữ phụ đề bằng phím **SUBTITLE** trên điều khiển từ xa..
- Nhấn phím ^ v để chọn ngôn ngữ phụ đề.

- Tiếng/Phụ đề hiển thị theo hình thức đơn giản với 1 đến 3 ký tự có thể được phát bởi nhà cung cấp dịch vụ.
- Khi bạn chọn âm thanh (Audio) bổ sung (Audio cho chế độ nghe không rõ/nhìn kém "Visual/Hearing Impaired") TV có thể phát một phần âm thanh chính.

Thông tin ngôn ngữ âm thanh trên màn hình

Hiển thị	Trạng thái
N.A	Not Available
MPEG	MPEG Audio
D	Dolby Digital Audio
	Audio for "Visual Impaired" Audio for
ABC	"Hearing Impaired"
D+	Dolby Digital Plus Audio
MUTE	MUTE Audio

Thông tin ngôn ngữ phụ đề trên màn hình

Display	Status
N.A	Not Available
TX	Teletext Subtitle
ABC	Subtitle for "Hard of Hearing"

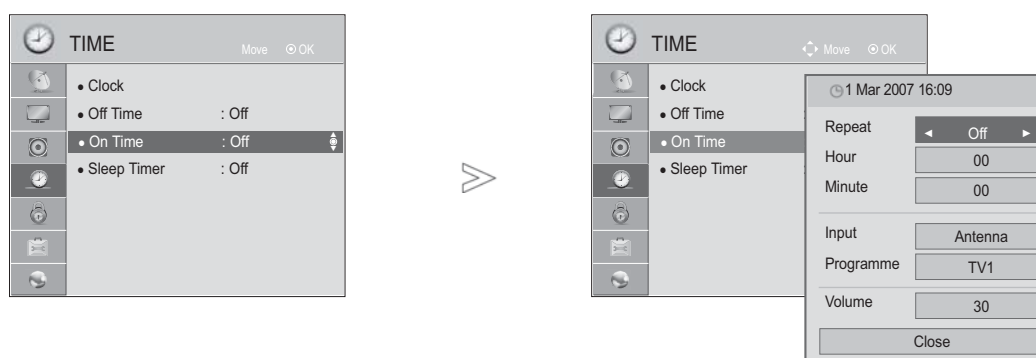
TV Tương tự	Sản xuất theo giấy phép từ Dolby Laboratories. "Dolby" và biểu tượng Double-D là thương hiệu của Dolby Laboratories.	
TV số	Ngoại trừ 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***	Chỉ model 32/42/52LD56*, 32/37/42/47/55LD6**, 32/37/42/47/55/60LE55**, 32/37/42/47/55LE7***, 42/47/55LE8***
	Manufactured under license from Dolby Laboratories. "Dolby" and the double-D symbol are trademarks of Dolby Laboratories. • Có khả năng rằng ở chế độ HDMI, một số thiết bị chơi DVD không tạo ra âm thanh SPDIF. Khi đó hãy thiết lập đường ra của âm thanh kỹ thuật số của DVD là PCM. (Trong HDMI, Dolby Digital Plus không tương thích.	Manufactured under license from Dolby Laboratories. Dolby and the double-D symbol are trademarks of Dolby Laboratories. • Có khả năng rằng ở chế độ HDMI, một số thiết bị chơi DVD không tạo ra âm thanh SPDIF. Khi đó hãy thiết lập đường ra của âm thanh kỹ thuật số của DVD là PCM. (Trong HDMI, Dolby Digital Plus không tương thích.

CÀI ĐẶT THỜI GIAN

Đặt thời gian tự động ON/OFF (tắt/bật)

Chức năng hẹn giờ tắt sẽ tự động chuyển sang chế độ tắt chờ ở thời điểm thời gian đặt. Hai giờ sau khi TV bật chức năng thời gian nó sẽ tự động chuyển lại chế độ tắt chờ trừ khi một nút bất kỳ nào được nhấn.

Thời gian tắt phải xảy ra trước thời gian bật nếu như chúng cùng đặt ở một thời điểm TV phải được để ở chế độ tắt chờ thì bộ hẹn giờ mở mới hoạt động.



1. Chọn **TIME**.
2. Chọn **Off Time** hoặc **On Time**.
3. Chọn **Repeat**.
4. Chọn **Off, Once, Daily, Mon. ~ Fri., Mon. ~ Sat., Sat. ~ Sun.** hoặc **Sun..**
5. Đặt giờ.
6. Đặt phút.

- Để hủy bỏ chức năng **On/Off Time**, chọn **Off**.
- Chỉ để chức năng đúng giờ

1. Chọn **Input**.
2. Chọn nguồn tín hiệu vào.
3. Đặt chương trình.
4. Điều chỉnh mức độ.

- Nhấn nút **MENU/EXIT** để quay trở lại xem tivi bình thường
- Nhấn nút **BACK** để quay lại màn hình trước đó.

Đặt bộ hẹn giờ ngủ

Bạn không phải nhớ tắt TV trước khi đi ngủ.

Bộ hẹn giờ ngủ tự động chuyển TV sang chế độ tắt chờ sau khi hết thời gian đã chọn.

1   Chọn **Sleep Timer**.

2   Chọn **Off, 10, 20, 30, 60, 90, 120, 180** hoặc **240 phút**.

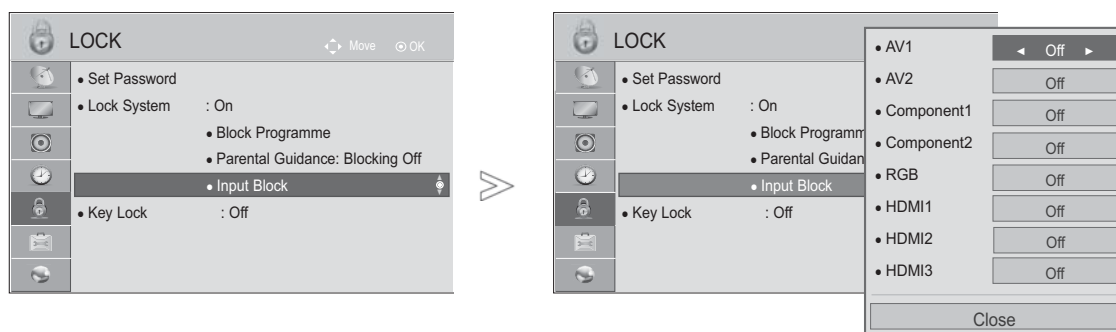
- Khi bạn bắt TV, thì thời gian hẹn giờ ngủ được hủy bỏ.
- Bạn có thể điều chỉnh thời gian hẹn giờ ngủ ở menu: **TIME** menu.

Khóa đầu vào của các thiết bị ngoại vi

Cho phép bạn khóa một đầu tín hiệu vào.

Để sẵn sàng sử dụng chức năng này trong **Lock System "On"**.

■ Hình ảnh chỉ ra có thể khác so với TV nhà bạn



1. Chọn **LOCK**.
2. Chọn **Lock System**.
3. Chọn **Input Block**.
4. Chọn input source.
5. Chọn **On** hoặc **Off**.

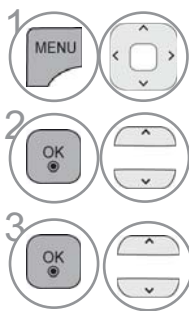
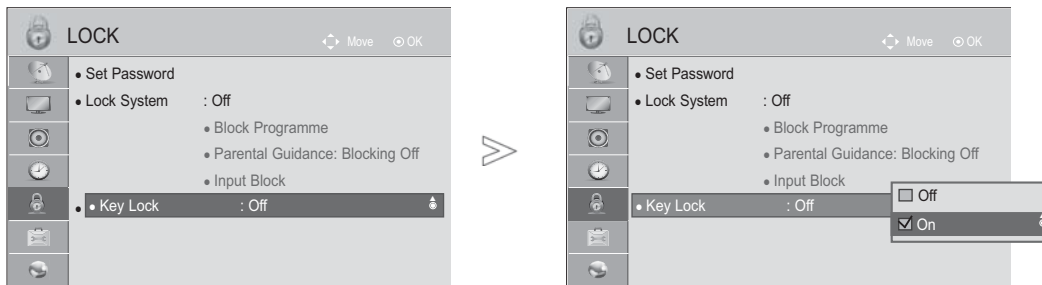
- Nhấn nút **MENU/EXIT** để quay trở lại xem tivi bình thường
- Nhấn nút **BACK** để quay lại màn hình trước đó.

Điều khiển chính/Giá trị đặc trưng

Khóa phím

Đặc điểm này cho phép bạn khóa các phím ở trên TV và như thế bạn chỉ có thể sử dụng điều khiển từ xa để điều khiển TV.

TV của bạn sẽ nhớ và đặt lựa chọn này ngay cả khi bạn tắt TV.



Chọn **LOCK**.

Chọn **Key Lock**.

Chọn **On hoặc Off**.

- Trong **Key Lock 'On'**, Nếu TV được tắt, Nhấn nút / **I**, **INPUT**, **P ^ v** trên TV hoặc **POWER INPUT**, **P ^ v** hoặc nút **NUMBER** trên điều khiển từ xa sau đó TV sẽ được bật.
- Với **Key Lock On**, Hiện thị ' **Key Lock On**' trên màn hình nếu bạn nhấn bất kỳ một nút nào trên TV.
- Khi OSD khác được hiển thị, ' **Key Lock On**' sẽ không hoạt động.

- Nhấn nút **MENU/EXIT** để quay trở lại xem tivi bình thường
- Nhấn nút **BACK** để quay lại màn hình trước đó.

Phụ lục

Sự cố thường gặp

TV không hoạt động đúng.	
Điều khiển từ xa không làm việc	■ Kiểm tra xem có vật chắn nào giữa TV và điều khiển từ xa không và phải đảm bảo cho tín hiệu điều khiển của điều khiển từ xa hướng về phía mắt nhận của TV. ■ Kiểm tra lại cách lắp Pin đúng chươn (+ với +, - với -). ■ Lắp thử Pin mới.
Nguồn đột nhiên bị tắt đi	■ Bạn có đặt bộ hẹn giờ tắt không? ■ Kiểm tra lại nguồn xem có bị đứt không. ■ Nếu TV được bật mà không có tín hiệu vào thì TV sẽ tự động tắt sau 15 phút.

Chức năng hình ảnh không làm việc.	
Không hình ảnh và không âm thanh	■ Kiểm tra xem TV bật chưa. ■ Thử với kênh khác xem thế nào vì có thể do đài phát. ■ Dây nguồn cắm đúng vào vị trí chưa? ■ Kiểm tra hướng của ăngten.
Hình ảnh xuất hiện chậm sau khi bật TV	■ Nếu hình ảnh không xuất hiện sau 5 phút bạn hãy gọi cho trung tâm bảo hành của LG.
Không có màu hoặc màu xấu, ảnh xấu	■ Điều chỉnh màu trong phần Menu. ■ Kiểm tra khoảng cách từ TV đến đầu phát VCR. ■ Thử đổi với kênh khác. ■ Cấp tín hiệu hình ảnh lắp đúng chưa? ■ Kích hoạt chức năng hồi phục độ sáng của hình ảnh.
Có thanh ngang/đứng hoặc hình ảnh bị lác	■ Kiểm tra các nguồn nhiễu từ điện hoặc nguồn cung cấp.
Một số kênh thu kém	■ Đài phát hoặc cáp tín hiệu có vấn đề thử dò đài khác. ■ Tín hiệu đài phát yếu. ■ Kiểm tra nguồn nhiễu.
Các đường hoặc sọc trong hình	■ Kiểm tra ăngten (Thay đổi vị trí của ăngten).
Không hình ảnh khi nối với HDMI	■ Kiểm tra xem cáp HDMI của bạn có phiên bản lớn hơn 1.3 không vì có thể nếu phiên bản của cáp HDMI nhỏ hơn 1.3 sẽ ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.

Chức năng tiếng không làm việc	
Hình OK & Không có tiếng	■ Nhấn nút  + hoặc - ■ Tiếng có bị câm không? Nhấn nút MUTE . ■ Thử với kênh khác xem thế nào. Vấn đề này có thể do đài phát. ■ Cấp tín hiệu tiếng có vấn đề gì không?
Không có đầu ra từ một trong các loa	■ Điều chỉnh Balance trong phần tùy chọn của Menu.
Âm thanh không bình thường bên trong	■ Độ ẩm hay nhiệt độ môi trường có thể gây ra các nhiễu không bình thường khi TV chuyển trạng thái bật tắt mà không hiển thị lỗi trên TV
Không có tiếng khi nối với HDMI hoặc USB	■ Kiểm tra phiên bản của cáp HDMI có phải là 1.3. ■ Kiểm tra phiên bản cáp USB có phải từ 2.0 trở lên không.

Có vấn đề trong chế độ PC. (Chỉ áp dụng với chế độ PC)	
Tín hiệu ngoài phạm vi điều chỉnh	■ Điều chỉnh độ phân giải, tần số đứng, ngang. ■ Kiểm tra tín hiệu vào.
Thanh đứng hoặc sọc trên màn hình & hoặc nhiễu ngang & Vị trí không đúng	■ Điều chỉnh đồng hồ, pha và vị trí đứng, ngang
Màu màn hình Không ổn định hoặc đơn màu	■ Kiểm tra cáp tín hiệu. ■ Cài đặt lại card hình của máy tính PC.

Có vấn đề với cài đặt hình ảnh.	
Khi người sử dụng cài đặt hình ảnh thì TV tự động phục hồi lại cài đặt theo mặc định ban đầu sau một thời gian.	■ Điều này nghĩa là TV đang đặt ở chế độ Store Demo. Bạn phải chuyển về chế độ Home Use theo hướng dẫn sau: Từ Menu của TV, chọn OPTION -> chọn Mode Setting -> chọn Home use. Bây giờ bạn đã hoàn thành việc chuyển về Home use.

Phụ lục

Bảo dưỡng sản phẩm

Trục trặc sớm có thể được ngăn ngừa và lau chùi cẩn thận, thường xuyên sẽ làm tăng tuổi thọ của TV mới.

Chú ý: Bạn phải rút dây nguồn trước khi tiến hành lau chùi TV.

Lau màn hình TV

- 1 Cách tốt nhất để lau sạch màn hình là lau bằng miếng vải mềm mịn như vải lụa hoặc khăn giấy mềm sau khi tắt nguồn TV. Không lau màn hình khi TV đang hoạt động.
- 2 Không để nước vào trong màn hình. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào hay xịt nước trực tiếp lên màn hình trước khi bắt đầu lau.

Lau vỏ trước của TV

- Lau sạch bằng miếng vải mềm mịn.
- Không sử dụng vải ẩm ướt.

khuyến cáo thêm:

⚠ Chú ý:

- ▶ Nếu bạn không sử dụng TV trong một khoảng thời gian dài ví dụ như đi nghỉ thì bạn nên rút nguồn của TV để tránh những nguy hiểm có thể xảy ra như chập điện, sét, điều kiện môi trường khắc nghiệt....

Thông số kỹ thuật của sản phẩm

MODELS		22LD3**	
		22LD350-TA	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	526.0 mm x 377.0 mm x 165 mm	
	without stand	526.0 mm x 331.0 mm x 65 mm	
Weight	with stand	4.3 kg	
	without stand	4.0 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	
MODELS		26LD3**	32LD3**
		26LD350-TA	32LD350-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	663.0 mm x 484.0 mm x 207 mm	800.0 mm x 565.0 mm x 207 mm
	without stand	663.0 mm x 423.0 mm x 79.9 mm	800.0 mm x 509.0 mm x 73.8 mm
Weight	with stand	7.3 kg	9.2 kg
	without stand	6.2 kg	8.2 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	

■Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		32LD4**	37LD4**
		32LD460-TA	37LD460-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	799.0 mm x 555.0 mm x 207.0 mm	916.0 mm x 625.0 mm x 261.0 mm
	without stand	799.0 mm x 516 mm x 73.5 mm	916.0 mm x 584 mm x 77.4 mm
Weight	with stand	9.6 kg	12.9 kg
	without stand	8.6 kg	11.2 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		42LD4**	47LD4**
		42LD460-TA	47LD460-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1023.0 mm x 685.0 mm x 261.0 mm	1136.0 mm x 757.0 mm x 270.0 mm
	without stand	1023.0 mm x 644 mm x 76.6 mm	1136.0 mm x 706 mm x 76.5 mm
Weight	with stand	15.4 kg	19.6 kg
	without stand	13.7 kg	17.6 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

MODELS		32LD5**	42LD5**	
		32LD550-TA 32LD560-TA	42LD550-TA 42LD560-TA	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	800.0 mm x 563.0 mm x 207.0 mm	1024.0 mm x 695.0 mm x 261.0 mm	
	without stand	800.0 mm x 503.0 mm x 74.7 mm	1024.0 mm x 632.0 mm x 78.7 mm	
Weight	with stand	9.7 kg	15.4 kg	
	without stand	8.7 kg	13.8 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		46LD5**	52LD5**	60LD5**
		46LD550-TA	52LD550-TA 52LD560-TA	60LD550-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1115.0 mm x 752.0 mm x 270.0 mm	1266.0 mm x 851.0 mm x 330.0 mm	1441 mm x 963.0 mm x 345.0 mm
	without stand	1115.0 mm x 680.0 mm x 77.0 mm	1266.0 mm x 745.0 mm x 96.4 mm	1441 mm x 877.0 mm x 109.0 mm
Weight	with stand	18.6 kg	26.9 kg	40.0 kg
	without stand	16.6 kg	23.6 kg	35.7 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C		
	Operating Humidity	Less than 80 %		
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C		
	Storage Humidity	Less than 85 %		
Supported movie files		Refer to p.82 to 84		

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		32LD6**	37LD6**	
		32LD650-TA	37LD650-TA	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	797.0 mm x 555.0 mm x 207.0 mm	916.0 mm x 625.0 mm x 261.0 mm	
	without stand	797.0 mm x 495.0 mm x 73.8 mm	916.0 mm x 560.0 mm x 77.7 mm	
Weight	with stand	9.8 kg	12.8 kg	
	without stand	8.7 kg	11.2 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		42LD6**	47LD6**	55LD6**
		42LD650-TA	47LD650-TA	55LD650-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1024.0 mm x 685.0 mm x 261.0 mm	1137.0 mm x 758.0 mm x 270.0 mm	1329.0 mm x 872.0 mm x 330.0 mm
	without stand	1024.0 mm x 621.0 mm x 76.8 mm	1137.0 mm x 685.0 mm x 76.8 mm	1329.0 mm x 796.0 mm x 96.5 mm
Weight	with stand	15.5 kg	20.3 kg	33.0 kg
	without stand	13.9 kg	18.3 kg	29.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °		
	Operating Humidity	Less than 80 %		
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C		
	Storage Humidity	Less than 85 %		
Supported movie files		Refer to p.82 to 84		

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

MODELS		32LE4***	42LE4***
		32LE4600-TA	42LE4600-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	764.8 mm x 550.0 mm x 230.0 mm	887.6 mm x 619.2 mm x 230.0 mm
	without stand	764.8 mm x 490.4 mm x 49.8 mm	887.6 mm x 559.8 mm x 49.8 mm
Weight	with stand	14.0 kg	17.6 kg
	without stand	11.2 kg	14.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		47LE4***	55LE4***
		47LE4600-TA	55LE4600-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	764.8 mm x 550.0 mm x 230.0 mm	887.6 mm x 619.2 mm x 230.0 mm
	without stand	764.8 mm x 490.4 mm x 49.8 mm	887.6 mm x 559.8 mm x 49.8 mm
Weight	with stand	14.0 kg	17.6 kg
	without stand	11.2 kg	14.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		22LE5***	
		22LE5300-TA 22LE5310-TC	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	542.9 mm x 407.1 mm x 155.4 mm	
	without stand	542.9 mm x 357.6 mm x 34.4 mm	
Weight	with stand	4.2 kg	
	without stand	3.9 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	
MODELS		26LE5***	32LE5***
		26LE5300-TA 26LE5310-TC	32LE5300-TA 32LE5310-TC
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	652.0 mm x 480.8 mm x 191.4 mm	783.5 mm x 555.8 mm x 221.5 mm
	without stand	652.0 mm x 420.3 mm x 34.4 mm	783.5 mm x 499.4 mm x 39.3 mm
Weight	with stand	6.1 kg	12.3 kg
	without stand	5.1 kg	10.6 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

- Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý của cải tiến chất lượng.

MODELS		37LE5***	42LE5***
		37LE5300-TA 37LE5310-TC	42LE5300-TA 42LE5310-TC
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	905 mm x 630 mm x 270mm	1016.0 mm x 692.0 mm x 270.0 mm
	without stand	905 mm x 568 mm x 39.9 mm	1016.0 mm x 630.0 mm x 29.3 mm
Weight	with stand	15.6 kg	19.2 kg
	without stand	12.8 kg	16.4 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		47LE5***	55LE5***
		47LE5300-TA 47LE5310-TC	55LE5300-TA 55LE5310-TC
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1126.6 mm x 757.9 mm x 284.4 mm	1306.0 mm x 867.0 mm x 345.0 mm
	without stand	1126.6 mm x 692.0 mm x 29.3 mm	1306.0 mm x 797.0 mm x 30.7 mm
Weight	with stand	22.9 kg	34.5 kg
	without stand	19.6 kg	28.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		32LE5***	37LE5***
		32LE5500-TA 32LE5510-TB	37LE5500-TA 37LE5510-TB
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	784.6 mm x 558.1 mm x 221.0 mm	905 mm x 630 mm x 270mm
	without stand	784.6 mm x 499.5 mm x 39.9 mm	905 mm x 568 mm x 39.9 mm
Weight	with stand	12.7 kg	15.6 kg
	without stand	10.5 kg	12.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
MODELS		42LE5***	47LE5***
		42LE5500-TA 42LE5510-TB	47LE5500-TA 47LE5510-TB
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1016.0 mm x 692.0 mm x 270.0 mm	1126.6 mm x 757.9 mm x 284.4 mm
	without stand	1016.0 mm x 630.0 mm x 29.3 mm	1126.6 mm x 692.0 mm x 29.3 mm
Weight	with stand	19.5 kg	22.9 kg
	without stand	16.7 kg	19.6 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

MODELS		55LE5*** 55LE5500-TA 55LE5510-TB	60LE5*** 60LE5500-TA 60LE5510-TB
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1306.0 mm x 867.0 mm x 345.0 mm	1306.0 mm x 867.0 mm x 345.0 mm
	without stand	1306.0 mm x 797.0 mm x 30.7 mm	1306.0 mm x 797.0 mm x 30.7 mm
Weight	with stand	34.5 kg	34.5 kg
	without stand	28.8 kg	28.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60 Hz
MODELS		22LE6*** 22LE6500-TA	26LE6*** 26LE6500-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1128.6 mm x 758.9 mm x 285.3 mm	1128.6 mm x 758.9 mm x 285.3 mm
	without stand	1128.6 mm x 693.0 mm x 34.9 mm	1128.6 mm x 693.0 mm x 34.9 mm
Weight	with stand	3.4 kg	3.4 kg
	without stand	3.1 kg	3.1 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		32LE7***	37LE7***	
		32LE7500-TA	37LE7500-TA	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	786.4 mm x 557.6 mm x 221.0 mm	907.4 mm x 629.3 mm x 269.8 mm	
	without stand	786.4 mm x 500.4 mm x 39.9 mm	907.4 mm x 569.0 mm x 39.9 mm	
Weight	with stand	13.9 kg	17.5 kg	
	without stand	11.7 kg	14.7 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
MODELS		42LE7***	47LE7***	55LE7***
		42LE7500-TA	47LE7500-TA	55LE7500-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1018.2 mm x 693.5 mm x 269.8 mm	1128.6 mm x 758.9 mm x 284.4 mm	1306.0 mm x 869 mm x 328.0 mm
	without stand	1018.2 mm x 630.7 mm x 29.3 mm	1128.6 mm x 693.3 mm x 29.8 mm	1306.0 mm x 797.4 mm x 31.2 mm
Weight	with stand	21.9 kg	26.2 kg	39.1 kg
	without stand	19.1 kg	23.0 kg	33.5 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C		
	Operating Humidity	Less than 80 %		
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C		
	Storage Humidity	Less than 85 %		
Supported movie files		Refer to p.82 to 84		

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

MODELS		42LE8***	47LE8***
		42LE8500-TA	47LE8500-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1013.3 mm x 705.8 mm x 235.5 mm	1122.6 mm x 769.3 mm x 275.0 mm
	without stand	1013.3 mm x 645.8 mm x 34.5 mm	1122.6 mm x 707.3 mm x 34.5 mm
Weight	with stand	27.2 kg	31.6 kg
	without stand	23.1 kg	27.0 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
MODELS		55LE8***	
		55LE8500-TA	
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	1292.6 mm x 875.4 mm x 311.9 mm	
	without stand	1292.6 mm x 802.9 mm x 34.5 mm	
Weight	with stand	43.8 kg	
	without stand	35.8 kg	
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

MODELS		32LE4***	42LE4***
		32LE4500-TA	42LE4500-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	764.8 mm x 550.0 mm x 230.0 mm	887.6 mm x 619.2 mm x 230.0 mm
	without stand	764.8 mm x 490.4 mm x 49.8 mm	887.6 mm x 559.8 mm x 49.8 mm
Weight	with stand	14.0 kg	17.6 kg
	without stand	11.2 kg	14.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

MODELS		32LD8**	37LD8**
		32LD840-TA	37LD840-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	764.8 mm x 550.0 mm x 230.0 mm	887.6 mm x 619.2 mm x 230.0 mm
	without stand	764.8 mm x 490.4 mm x 49.8 mm	887.6 mm x 559.8 mm x 49.8 mm
Weight	with stand	14.0 kg	17.6 kg
	without stand	11.2 kg	14.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
MODELS		42LD8**	47LD8**
		42LD840-TA	47LD840-TA
Dimensions (Width x Height x Depth)	with stand	764.8 mm x 550.0 mm x 230.0 mm	887.6 mm x 619.2 mm x 230.0 mm
	without stand	764.8 mm x 490.4 mm x 49.8 mm	887.6 mm x 559.8 mm x 49.8 mm
Weight	with stand	14.0 kg	17.6 kg
	without stand	11.2 kg	14.8 kg
Power requirement		AC 100-240 V~ 50 / 60Hz	AC 100-240 V~ 50 / 60Hz
Environment condition	Operating Temperature	0 °C to 40 °C	
	Operating Humidity	Less than 80 %	
	Storage Temperature	-20 °C to 60 °C	
	Storage Humidity	Less than 85 %	
Supported movie files		Refer to p.82 to 84	

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.

Phụ lục

		Digital TV	Analogue TV
New Zealand, Singapore	Television System	DVB-T	PAL B/G, DK, I
	Program Coverage	UHF 21 to 69	BG : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 I : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 DK : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47
Australia	Television System	DVB-T	PAL B/B
	Program Coverage	VHF 06 to 12, UHF 27 to 69	B/B : VHF/UHF 0 to 75, CATV : 2 to 44
Indonesia, Israel	Television System	DVB-T	PAL B/G, DK, I, M
	Program Coverage	UHF 21 to 69	BG : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 I : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 DK : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 M : VHF/UHF 2 to 78, CATV 01 to 71
South Africa	Television System	DVB-T	PAL B/G, DK, I, M
	Program Coverage	VHF 4 to 11, 13 UHF 21 to 68	BG : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 I : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 DK : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 M : VHF/UHF 2 to 78, CATV 01 to 71
Veitnam, Malaysia	Television System	DVB-T	PAL B/G, DK, I, M
	Program Coverage	VHF 6 to 12, UHF 21 to 69	BG : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 I : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 DK : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 M : VHF/UHF 2 to 78, CATV 01 to 71
Analogue model	Television System	-	PAL B/G, DK, I, M
	Program Coverage	-	BG : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 I : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 DK : VHF/UHF 1 to 69, CATV 01 to 47 M : VHF/UHF 2 to 78, CATV 01 to 71
	External Antenna Impedance	75 Ω	75 Ω

■ Thông số kỹ thuật trên có thể được thay đổi mà không theo các chú ý cho cải tiến chất lượng.



(Chỉ đối với TV s')

